



THÀNH ANH HOÀNG ANH GIA LAI • GIỮ VỮNG NIỀM TIN • BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



Mục lục

02 GIỮ VỮNG NIỀM TIN

- 03 Tầm nhìn, sứ mệnh
- 04 Thông tin chung
- 06 Các Thông tin tài chính cơ bản
- 08 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

10 CỦNG CỐ NỀN TẢNG

- 12 Các cột mốc phát triển quan trọng
- 14 Các sự kiện nổi bật năm 2015
- 18 Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
- 22 Các công ty có liên quan
- 24 Lĩnh vực kinh doanh
- 26 Sản phẩm và dịch vụ
- 36 Định hướng hoạt động của Tập đoàn
- 40 Các thành tựu đạt được năm 2015

42 TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN

- 44 Thông tin Hội đồng Quản trị
- 46 Thông tin Ban Giám đốc
- 47 Thông tin Ban kiểm soát
- 48 Tổ chức nhân sự
- 50 Báo cáo tình hình hoạt động năm 2015
- 56 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 60 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 62 Cơ cấu cổ đông

64 KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

- 66 Hoạt động quản trị công ty
- 66 Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 70 Quản trị rủi ro
- 72 Quan hệ nhà đầu tư

74 NIỀM TIN CHO TƯƠNG LAI

- 76 Báo cáo phát triển bền vững
- 78 Phát triển kinh tế
- 82 Chăm sóc đời sống cán bộ nhân viên và hỗ trợ cộng đồng xã hội
- 91 Bảo vệ môi trường
- 94 Cùng nhau phát triển

96 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

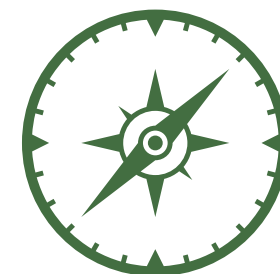
- 98 Thông tin chung
- 100 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 101 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 103 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 105 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 106 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 108 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



GIỮ VỮNG NIỀM TIN



Bước qua những khó khăn chung của thị trường cũng như những thử thách của quá trình tái cơ cấu và chuyển đổi mô hình kinh doanh, song song với những thành quả đã đạt được thông qua quá trình vun đắp và hội nhập, Hoàng Anh Gia Lai đã và đang hoàn thiện hơn nữa để mang đến những giá trị bền vững lâu dài và kiến tạo niềm tin qua thời gian. “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, Hoàng Anh Gia Lai quyết tâm hướng đến những mục tiêu phát triển dài hạn và cam kết lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, đối tác, khách hàng và cộng đồng xã hội.



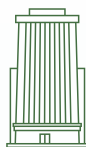
TÂM NHÌN

Trở thành Tập đoàn hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực nông nghiệp.

SỨ MỆNH

Không ngừng sáng tạo, phấn đấu tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao với giá cạnh tranh. Thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên tạo ra nhiều giá trị mới cho khách hàng, cổ đông và toàn xã hội.

THÔNG TIN CHUNG



TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:
CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÀNG ANH GIA LAI

Tên công ty bằng tiếng Anh:
HOANG ANH GIA LAI
JOINT STOCK COMPANY

Tên giao dịch:
HOÀNG ANH GIA LAI

Tên viết tắt:
HAGL



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp
5900377720

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Số 3903000083 do Sở Kế hoạch và đầu tư
tỉnh Gia Lai cấp ngày 01/06/2006 (đăng ký
lần đầu).

Đăng ký kinh doanh lần đầu
Ngày 01/06/2006

Đăng ký thay đổi lần thứ 27
Ngày 18/06/2015



VỐN ĐIỀU LỆ

7.899.679.470.000^{VNĐ}



MÃ CỔ PHIẾU

HAG



MỆNH GIÁ CỔ PHẦN

10.000^{VNĐ}



TỔNG SỐ CỔ PHẦN

789.967.947

Địa chỉ: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng,
TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (+84) 59 222 5888

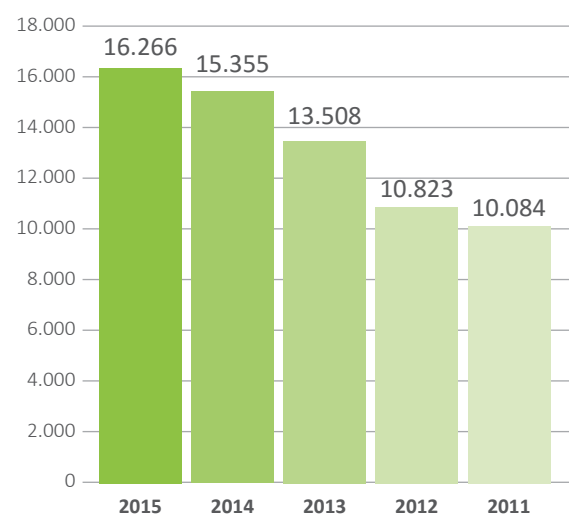
Fax: (+84) 59 222 2335

Website: www.hagl.com.vn

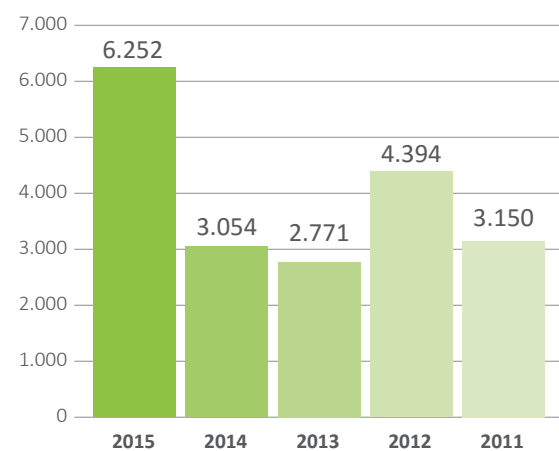


THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

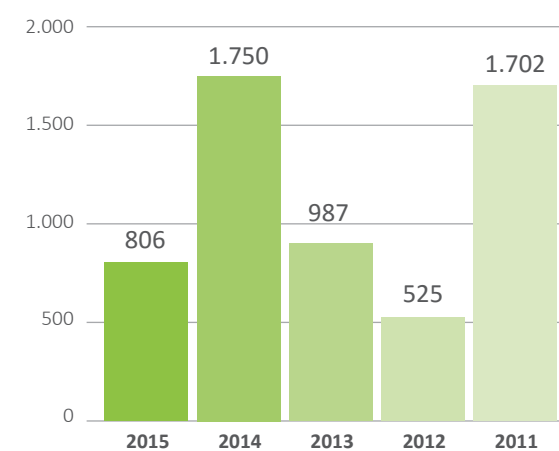
VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ VNĐ)



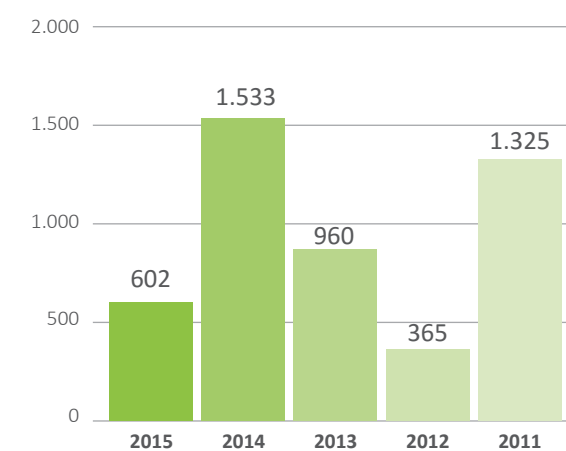
DOANH THU THUẦN (TỶ VNĐ)



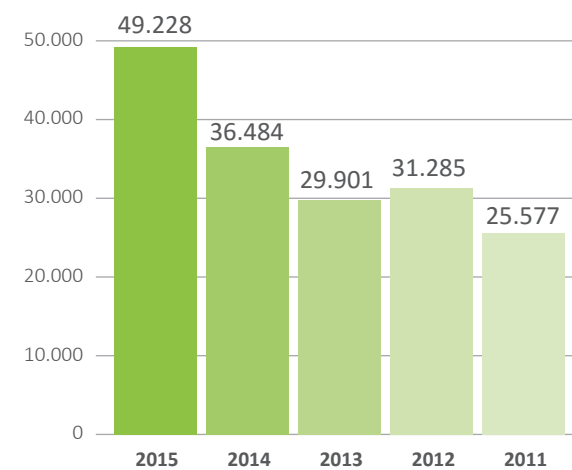
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ VNĐ)



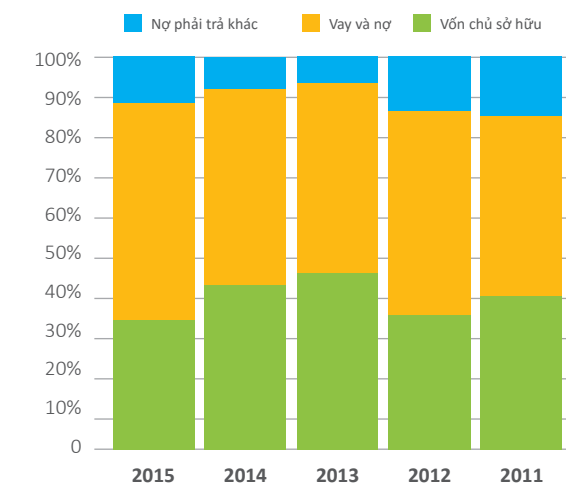
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ VNĐ)



TỔNG TÀI SẢN (TỶ VNĐ)



CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU





Kính thưa quý cổ đông và nhà đầu tư!

Đầu tiên, tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị gửi lời cảm ơn tới quý cổ đông và các nhà đầu tư đã đồng hành cùng HAGL trong thời gian qua.

Đối với HAGL, năm 2015 là một năm đầy khó khăn và thử thách. Sự sụt giảm quá sâu của giá cao su từ mức đỉnh 5.750 USD/tấn trong tháng 2/2011 xuống còn khoảng 1.000 USD/tấn và hiện tượng El Nino đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HAGL. Điều này dẫn tới kết quả doanh thu và lợi nhuận năm vừa qua không đạt được như kỳ vọng. Chúng tôi rất mong nhận được sự cảm thông của quý cổ đông và nhà đầu tư. Chúng tôi cam kết sẽ nỗ lực hết sức để vượt qua khó khăn, duy trì và phát triển khối tài sản to lớn mà chúng tôi đang quản lý để mang lại giá trị cao nhất. Chúng tôi thật sự cần có đủ thời gian và cần sự kiên nhẫn của cổ đông và nhà đầu tư.

Nhìn nhận lại hoạt động kinh doanh của HAGL trong năm 2015, có thể thấy với một công ty sở hữu diện tích trồng cao su, cọ dầu rất lớn thì khi giá cao su và dầu cọ thô giảm xuống quá thấp đã trực tiếp tác động xấu đến hoạt động kinh doanh và đầu tư của HAGL.

Chi phí sản xuất trung bình mỗi tấn mủ cao su của HAGL trong năm 2015 khoảng 35 triệu đồng/tấn (đã bao gồm chi phí lãi vay và khấu hao). Chi phí này là tương đương với mức trung bình ngành. Tuy nhiên, với mức giá giảm sâu của cao su thì ngay cả những nông trường có chi phí thấp nhất và năng suất cao cũng khó có thể hòa vốn. Vì vậy, HAGL đã chủ động hạn chế mở rộng diện tích cạo mủ, chờ đợi giá cao su phục hồi.

Trong năm 2015, HAGL tiêu thụ được 66.337 con bò, mang lại doanh thu 2.541 tỷ đồng, chiếm 41% tổng doanh thu. Tuy nhiên, đối với ngành chăn nuôi, do ảnh hưởng không thuận lợi của thời tiết đến đồng cỏ nên số lượng bò tiêu thụ và lợi nhuận biên cũng không đạt như kỳ vọng. Điểm sáng duy nhất là ngành sản xuất mía đường vẫn duy trì được năng suất và sản lượng, đạt doanh thu như kế hoạch. Đối với dự án khu phức hợp bất động sản tại Myanmar thì việc đưa vào vận hành kinh doanh khối văn phòng cho thuê và khách sạn 5 sao chậm hơn kế hoạch do bị tác động bởi các yếu tố khó khăn về nguồn nhân công và vật tư nhập khẩu vào Myanmar để thực hiện khâu hoàn thiện. Xét về tổng thể, năm 2015 là năm khó khăn đối với HAGL khi hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, đều không đạt được.

Đối với tình hình đầu tư, trong năm 2015 HAGL không trồng thêm bất kỳ diện tích cây cao su nào và duy trì tổng diện tích các loại cây ở mức 90.000 ha. Trong đó, diện tích cao su là 38.428 ha, diện tích cọ dầu là 28.626 ha, diện tích mía đường là 6.000 ha, còn lại là diện tích các loại cây trồng khác. Đối với dự án bất động sản tại Myanmar thì HAGL tập trung xây dựng hoàn thiện

“ Việc đầu tư mạnh tại Lào và Campuchia, với những thành công to lớn bước đầu trong hoạt động kinh doanh, **HAGL đã nhận được sự công nhận từ Chính phủ các nước**, góp phần thắt chặt mối quan hệ hữu nghị với các nước bạn, thúc đẩy giao lưu thương mại giữa các nước, từ đó góp phần đẩy mạnh sự phát triển kinh tế trong khu vực. ”

giai đoạn 1 và đưa vào vận hành trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê vào cuối năm 2015, riêng khách sạn 5 sao thì cần thêm khoảng 6 tháng để hoàn thiện, trang trí và chuẩn bị nhân sự để vận hành thương mại.

Sang năm 2016, HAGL cố gắng giảm chi đầu tư, chủ yếu thực hiện đầu tư cho việc duy trì và chăm sóc vườn cây thời kỳ kiến thiết cơ bản và hoàn thành nhà máy chế biến. Dự kiến hoàn thành kế hoạch xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu tại Campuchia vào Quý III/2016 và nhà máy chế biến cọ dầu tại Lào vào nửa đầu năm 2017. Đối với giai đoạn 2 của dự án Myanmar thì việc xây dựng sẽ được thực hiện chủ yếu dựa vào nguồn tiền thu kinh doanh của giai đoạn 1 và nguồn thu bán căn hộ của giai đoạn 2.

Trong năm 2015, HAGL cũng đã có nhiều hoạt động liên quan đến phát triển bền vững. Ngoài những giá trị đóng góp trực tiếp cho ngân sách địa phương và Nhà nước, việc HAGL đầu tư vào các dự án với quy mô lớn tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar đã tạo điều kiện và lực đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế vùng dự án đầu tư thông qua việc tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người dân. Với việc tiên phong trong đầu tư công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, HAGL đã góp phần từng bước thay đổi tập quán sản xuất truyền thống thủ công sang sản xuất hiện đại, định canh định cư, góp phần cải thiện đời sống, mang lại thu nhập cho người dân quanh vùng dự án. Việc đầu tư mạnh tại Lào và Campuchia, với những thành công to lớn bước đầu trong hoạt động kinh doanh, HAGL đã nhận được sự công nhận từ Chính phủ các nước, góp phần thắt chặt mối quan hệ hữu nghị với các nước bạn, thúc đẩy giao lưu thương mại giữa các nước, từ đó góp phần đẩy mạnh sự phát triển kinh tế trong khu vực.

Bước vào năm 2016, giá cao su đã có dấu hiệu phục hồi tăng trở lại, chủ yếu do nguồn cung giảm và sự hồi phục của giá dầu. Đồng thời với vai trò chủ đạo và không thể thay thế của cao su thiên nhiên trong nền công nghiệp sản xuất lốp xe sẽ là một trong những yếu tố thúc đẩy giá cao su hồi phục. Giá dầu cọ cũng được dự kiến sẽ tăng nhẹ vì vai trò chủ đạo và vị trí không thể thay thế của nó trong số các loại dầu và nguồn cung chất béo trên thế giới. Nhu cầu đối với dầu cọ vẫn được kỳ vọng sẽ

duy trì mức tăng trưởng bình quân 6,7%/năm, nhờ vào lĩnh vực sản xuất nhiên liệu sinh học tại châu Á đang phát triển cùng mức tăng trưởng tiêu thụ thực phẩm tốt ở Trung Quốc và Ấn Độ. Do đó, Chúng tôi hy vọng năm 2016 cầu sẽ vượt cung và giá sẽ bắt đầu tăng trở lại.

Về ngành mía đường, HAGL cũng được ưu đãi nhập khẩu với thuế suất 0% theo Hiệp định Thương mại biên giới.

Đối với ngành chăn nuôi, tuy chỉ mới đi vào hoạt động nhưng đã mang lại doanh thu đáng kể chiếm tới 41% tổng doanh thu của HAGL. Vì thế, đây vẫn là ngành nghề chủ đạo của HAGL trong định hướng phát triển sắp tới.

Đối với dự án bất động sản tại Myanmar, HAGL phấn đấu đạt tỷ lệ cho thuê mặt bằng trung tâm thương mại trên 95%, cho thuê văn phòng trên 80% và đưa vào vận hành toàn bộ 429 phòng khách sạn 5 sao.

Về hoạt động tài chính, hiện nay HAGL gặp khó khăn về dòng tiền, tuy nhiên chúng tôi cho rằng khó khăn này chỉ là tạm thời vì các dự án đầu tư của HAGL đều có nhiều tài sản giá trị, có khả năng tạo ra dòng tiền để trả nợ nếu được tiếp tục đầu tư, chăm sóc và tăng cường quản lý hơn nữa. Với việc thực hiện tái cơ cấu nợ thì chúng tôi tự tin sẽ vượt qua khó khăn và tiếp tục phát triển.

Cuối cùng, chúng tôi muốn cảm ơn tất cả mọi người, trong đó có các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, những người đã cố gắng và đồng hành cùng HAGL vượt qua khó khăn. Chúng tôi cũng muốn tỏ lòng biết ơn đến các đối tác kinh doanh, khách hàng và các cổ đông đã hỗ trợ liên tục trong những năm qua.

CHỦ TỊCH HĐQT
ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC



CỦNG CỐ NỀN TẢNG

CÁC CỘT MỐC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG

GIAI ĐOẠN KHỞI NGHIỆP 1990-1993

Doanh nghiệp tư nhân:
Sản xuất đồ gỗ



1990

Một phân xưởng nhỏ sản xuất đồ gỗ

1993

Xây dựng nhà máy chế biến gỗ đầu tiên;
Thành lập Xí nghiệp tư nhân Hoàng Anh Gia Lai

GIAI ĐOẠN ĐẠI CHÚNG HÓA 2002-2012

Công ty đại chúng:
Bất động sản là ngành chủ lực trong khi chiến lược đa dạng hóa được triển khai



2002

Đầu tư vào CLB Bóng đá Hoàng Anh Gia Lai nhằm quảng bá thương hiệu Hoàng Anh Gia Lai trong và ngoài nước

2006-2007

Chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần

GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2013 ĐẾN NAY

Tập trung phát triển hai ngành chính:
Nông nghiệp và bất động sản



NÔNG NGHIỆP

Bao gồm cao su, mía đường, cọ dầu, chăn nuôi bò sữa và bò thịt

Cao su

Tổng diện tích cây trồng hiện tại là 38.428 ha

Cọ dầu

Tổng diện tích đã trồng được là 28.626 ha

Mía đường

Tổng diện tích đã trồng là 6.000 ha

Chăn nuôi bò

Đến cuối năm 2015, HAGL đã nhập 130.000 con về nuôi tại các trang trại ở Việt Nam, Lào và Campuchia

BẤT ĐỘNG SẢN

Tách các công ty con sở hữu những dự án căn hộ tại Việt Nam ra khỏi Tập đoàn, chỉ giữ lại một số dự án trực thuộc Công ty CP Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh và dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center đóng vai trò chủ lực.

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2015

02/2015

PHÓ THỦ TƯỚNG LÀO SOMSAVAT LENGSAVAD “XÔNG ĐẤT” HAGL ATTAPEU

Ngày 24/02/2015 tức Mừng 6 Tết, Phó thủ tướng Lào Somsavat Lengsavad cùng đoàn cán bộ cao cấp Chính phủ Lào đã đến “xông đất” trang trại chăn nuôi bò HAGL tại tỉnh Attapeu. Đây là mô hình trang trại chăn nuôi bò tiên tiến và tạo ra dòng sản phẩm bò Úc chất lượng cao. Phó thủ tướng

Lào Somsavat Lengsavad cũng đã biểu dương ý thức trách nhiệm cao và nỗ lực của lãnh đạo Tập đoàn HAGL trong việc tuân thủ các quy định về tác động môi trường, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của Lào, cải thiện đời sống an sinh xã hội của người dân địa phương.



03/2015

LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC, MẶT TRẬN TỔ QUỐC THĂM DỰ ÁN HOÀNG ANH GIA LAI MYANMAR

Trong chuyến thăm hữu nghị Myanmar, ông Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Bộ chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQ) đã có buổi gặp gỡ các doanh nghiệp Việt Nam và đại diện các ban ngành quản lý của nước chủ nhà. Trong khuôn khổ chuyến thăm này, Chủ tịch Nguyễn Thiện Nhân đã đến thăm dự án Khu phức hợp HAGL Myanmar Center do HAGL đầu tư tại Myanmar với tổng trị giá 440 triệu USD. Ngày 12/03/2015, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan đã đến thăm dự án Hoàng Anh Gia Lai tại Yangon, Myanmar. Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan biểu dương sự cố gắng, nỗ lực của tập đoàn HAGL. Phó Chủ tịch nước đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ ngành liên quan tích cực hỗ trợ tập đoàn HAGL nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho dự án HAGL Myanmar hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo hình ảnh tốt đẹp trong quan hệ giữa Việt Nam - Myanmar.

06/2015

LỄ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG GIAI ĐOẠN 1 KHU PHỨC HỢP HOÀNG ANH GIA LAI MYANMAR

Ngày 23/06/2015, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, Phó Tổng thống Myanmar Sai Mauk Kham, lãnh đạo cao cấp hai nước Việt Nam và Myanmar cùng gần 400 doanh nghiệp hai nước đã tham dự Lễ bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 1 dự án Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center. Dự án đưa vào hoạt động một trung tâm thương mại và 2 tháp văn phòng cho thuê hạng A cao 27 tầng, diện tích sàn xây dựng hơn 161.000 m²; một khách sạn quy mô 429 phòng, cao 23 tầng đạt tiêu chuẩn quốc tế 5 sao với thương hiệu Melia Yangon. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã biểu dương thành tích của HAGL, mong muốn các doanh nghiệp tham gia tốt công tác an sinh xã hội, hỗ trợ nâng cao đời sống cho người dân Myanmar, góp phần thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Myanmar, củng cố và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa 2 nước.



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2015 (tiếp theo)

06/2015

ĐOÀN NHÀ ĐẦU TƯ VÀ BÁO CHÍ THAM QUAN DỰ ÁN HAGL TẠI LÀO, CAMPUCHIA & VIỆT NAM

Sau Lễ Khánh thành và bàn giao sân bay quốc tế Attapeu, HAGL đã tổ chức chuyến tham quan thực tế các dự án của Tập đoàn tại Lào, Campuchia và Việt Nam với sự tham gia của hơn 60 nhà đầu tư, đại diện các tổ chức quỹ đầu tư, công ty chứng khoán cùng các cơ quan truyền thông trong 3 ngày từ 30/05 đến 01/06/2015. Tổng Giám đốc HAGL - Ông Võ Trường Sơn cùng Ban lãnh đạo Tập đoàn đã trực tiếp hướng dẫn các nhà đầu tư thăm rừng cao su, mía đường, trang trại chăn nuôi bò.



11/2015

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN TRẦN ĐẠI QUANG THĂM HAGL VÀ HỌC VIỆN BÓNG ĐÁ HAGL ARSENAL JMG

Ngày 26/11/2015, Đại tướng Trần Đại Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên cùng đoàn công tác đã đến thăm trụ sở Tập đoàn HAGL. Bộ trưởng Trần Đại Quang đánh giá cao HAGL đã mạnh dạn tiên phong đầu tư lớn vào lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi bước đầu mang lại hiệu quả lớn về kinh tế, xã hội cũng như việc đẩy mạnh các hoạt động xã hội, môi trường góp phần tạo việc làm ổn định cho người dân, giúp người lao động có cuộc sống tốt. Cùng ngày, Bộ trưởng Trần Đại Quang cùng đoàn đã đến thăm Học viện bóng đá HAGL Arsenal JMG. Bộ trưởng đã thân ái gửi tặng lời chúc các cháu không ngừng nỗ lực tập luyện trở thành những cầu thủ giỏi trong tương lai để cống hiến và làm rạng danh bóng đá Việt Nam trên đấu trường quốc tế.



07/2015

HNG CHÍNH THỨC LÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM (HSX)



Ngày 20/07/2015, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức lễ trao quyết định niêm yết chính thức cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai với mã chứng khoán HNG.

08/2015

HAGL TRỞ THÀNH HỘI VIÊN CHÍNH THỨC CỦA TỔNG HỘI NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Với mục đích cùng chung tay vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp Việt Nam, Tập đoàn HAGL và Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức đã xin gia nhập Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Ngày 25/08/2015, ông Hồ Xuân Hùng - Chủ tịch Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã trao cho ông Võ Trường Sơn, Tổng Giám đốc Tập đoàn HAGL quyết định số 79/QĐ-THNNVN công nhận Tập đoàn HAGL là hội viên tập thể chính thức của Tổng hội; Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức là hội viên cá nhân của Tổng hội. HAGL tiên phong trong việc đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng và năng suất.



Ngày 05/12/2015, Tập đoàn HAGL đã chính thức khai trương Trung tâm thương mại Myanmar Plaza hiện đại và lớn nhất thành phố Yangon. Với tổng diện tích 40.000 m², Myanmar Plaza với đầy đủ các hạng mục theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và giải trí của khách hàng. Myanmar Plaza tạo một bước đột phá trong thị trường bán lẻ khi đạt tỉ lệ lấp đầy hơn 95% với sự có mặt của hàng trăm thương hiệu lớn quốc tế và Myanmar.

12/2015

KHAI TRƯƠNG TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI **MYANMAR PLAZA**

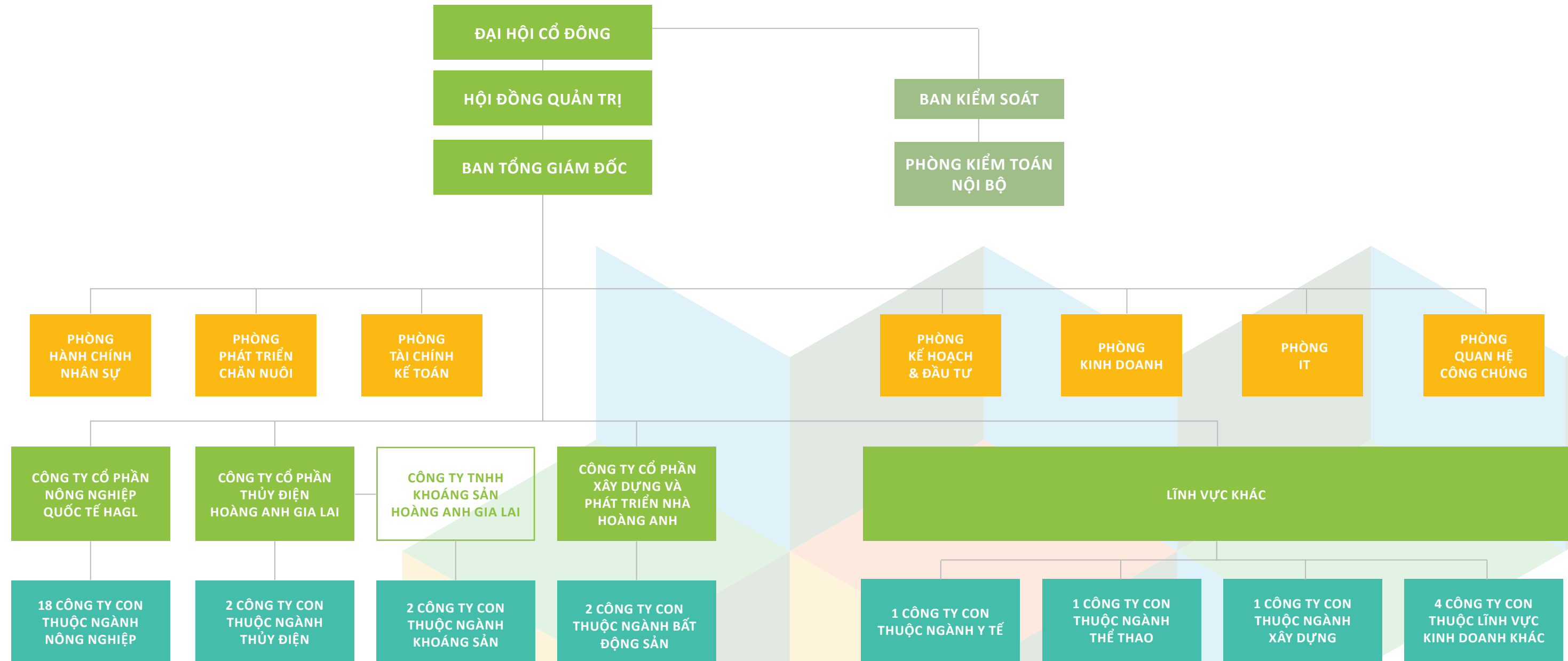
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI tại ngày 31/12/2015



BỘ MÁY QUẢN LÝ

Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai bao gồm Công ty mẹ, 3 Tổng Công ty quản lý ngành và 32 công ty con, được tổ chức quản lý theo sơ đồ như sau:



CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

| | TÊN CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT | ĐỊA CHỈ | TỶ LỆ % |
|------------------------------|---|---|---------|
| BẤT ĐỘNG SẢN | | | |
| 1 | CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HOÀNG ANH | 783 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 85,75 |
| 2 | CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH GIA LAI - BANGKOK | Soi Sua Yai Uthit, Đường Ratchada Phisek, Bangkok, Thái Lan | 40,30 |
| 3 | CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH GIA LAI MYANMAR | 192 Kaba Aye Pagoda, Quận Bahan, Yangon, Myanmar | 85,75 |
| NĂNG LƯỢNG | | | |
| 4 | CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HOÀNG ANH GIA LAI | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 95,58 |
| 5 | CÔNG TY TNHH ĐIỆN HOÀNG ANH ATTAPEU | Bản Phái, Huyện Saysettha, Vientiane, Lào | 95,58 |
| 6 | CÔNG TY TNHH ĐIỆN NẬM KÔNG 3 | Bản Vatluong, Huyện Samackhixay, Tỉnh Attapeu, Lào | 95,58 |
| TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP | | | |
| 7 | CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 85,95 |
| 8 | CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG ANH GIA LAI | 859 Trường Chinh, Phường Chi Lăng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 85,95 |
| 9 | CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG HOÀNG ANH GIA LAI | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 85,94 |
| 10 | CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG HOÀNG ANH ATTAPEU | Bản Nasuak, Huyện Phouvong, Tỉnh Attapeu, Lào | 85,94 |
| 11 | CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HOÀNG ANH - QUANG MINH | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 84,03 |
| 12 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG NGHIỆP CAO SU HOÀNG ANH - QUANG MINH | Đường 18B, Bản Khanmaccong, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào | 84,03 |
| 13 | CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH ĐẮC LẮK | 40 Hùng Vương, Phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam | 85,94 |
| 14 | CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BAN MÊ | 40 Hùng Vương, Phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam | 85,48 |
| 15 | CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HOÀNG ANH ATTAPEU | Km 30, Đường 18B, Bản Hatxan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào | 85,95 |
| 16 | CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH AN ĐÔNG MEAS | Rattanakiri, Campuchia | 84,03 |
| 17 | CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH OYADAV | Bản số 3, Đường 78, Phường Labanseak, Tp. Banlung, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia | 85,95 |
| 18 | CÔNG TY TNHH HENG BROTHERS | Số 8 Đường 99, Phường Boeung Trabek, Quận Chamkarmorn, Phnom Penh, Campuchia | 85,95 |
| 19 | CÔNG TY TNHH CRD | Số 1 đường 291, Phường Boeung Kak 1, Quận Khan Toul Kork, Phnom Penh, Campuchia | 85,95 |

| | TÊN CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT | ĐỊA CHỈ | TỶ LỆ % |
|--|---|--|---------|
| 20 | CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH RATTANAKIRI | Bản số 3, Đường 78, Phường Labanseak, Tp. Banlung, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia | 85,95 |
| 21 | CÔNG TY CỔ PHẦN BÒ SỮA TÂY NGUYÊN | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 85,09 |
| 22 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG PÊNH | 859 Trường Chinh, Phường Chi Lăng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 85,69 |
| 23 | CÔNG TY TNHH DAUN PÊNH AGRICO | Xã CheyOdom, Huyện Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia | 85,69 |
| 24 | CÔNG TY CỔ PHẦN AN ĐÔNG MIA | 20 Phan Bội Châu, Phường Hội Thương, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 61,41 |
| 25 | CÔNG TY TNHH MTV HOÀNG ANH LUMPHAT | Bản số 3, Đường 78, Phường Labanseak, Tp. Banlung, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia | 61,41 |
| 26 | CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BIDIPHAR | 498 Nguyễn Thái Học, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam | 40,99 |
| KHAI KHOÁNG | | | |
| 27 | CÔNG TY TNHH MTV KHOÁNG SẢN HOÀNG ANH GIA LAI | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 95,58 |
| 28 | CÔNG TY TNHH MTV KHOÁNG SẢN HOÀNG ANH GL - KONTUM | 394 Trần Phú, Phường Quang Trung, Tp. Kontum, Tỉnh Kontum, Việt Nam | 95,58 |
| 29 | CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN HOÀNG ANH XÊKÔNG | Bản Khanmakong, Huyện Samackhixay, Tỉnh Attapeu, Lào | 95,58 |
| XÂY DỰNG, KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ | | | |
| 30 | CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO HOÀNG ANH GIA LAI | 01 Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 69,48 |
| 31 | CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN HOÀNG ANH GIA LAI | Đường Lê Duẩn, Phường Trà Bá, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 99,00 |
| 32 | CÔNG TY TNHH V&H CORPORATION (LÀO) | Bản Vatnacnay, Huyện Sisattanak, Vientiane, Lào | 80,00 |
| 33 | CÔNG TY TNHH V&H CORPORATION | Bản Vatnacnay, Huyện Sisattanak, Vientiane, Lào | 100,00 |
| 34 | CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG HOÀNG ANH GIA LAI | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 55,12 |
| 35 | CÔNG TY TNHH HOÀNG ANH GIA LAI VIENTIANE | Bản Vatchan, Huyện Chanthabouly, Vientiane, Lào | 100,00 |
| 36 | CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ KHÁCH SẠN HOÀNG ANH GIA LAI | 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam | 94,50 |
| 37 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG Á ĐÔNG | 7/1 Thành Thái, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 25,00 |

LĨNH VỰC KINH DOANH

CAO SU 85,95%

Đã trồng 38.428 ha cao su, tại Việt Nam, Lào và Campuchia

Lợi thế của Hoàng Anh Gia Lai là có được quỹ đất lớn liền thửa với chi phí thấp, đội ngũ cán bộ công nhân viên nông lâm nghiệp có tay nghề cao, dày dặn kinh nghiệm.

CỌ DẦU 85,95%

HAGL bắt đầu trồng thử nghiệm cây cọ dầu từ năm 2012 với diện tích ban đầu là 4.000 ha. Đến cuối năm 2015, HAGL đã trồng được 28.626 ha cọ dầu, trong đó tại tỉnh Attapeu, Lào là 7.055 ha và tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia là 21.571 ha.

MÍA ĐƯỜNG 85,95%

HAGL đã hoàn tất đầu tư cụm công nghiệp mía đường tại huyện Samakhixay và Phouvong, tỉnh Attapeu với tổng vốn đầu tư xấp xỉ 70 triệu USD và đưa vào vận hành từ tháng 2 năm 2013. Dự án bao gồm một vùng nguyên liệu 6.000 ha và nhà máy công suất ép mía 7.000 tấn/ngày.

CHĂN NUÔI BÒ

Năm 2014 Tập đoàn HAGL đã quyết định đầu tư phát triển mô hình chăn nuôi bò thịt và bò sữa.

Đến cuối năm 2015, HAGL đã nhập 130.000 con bò và dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên theo kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

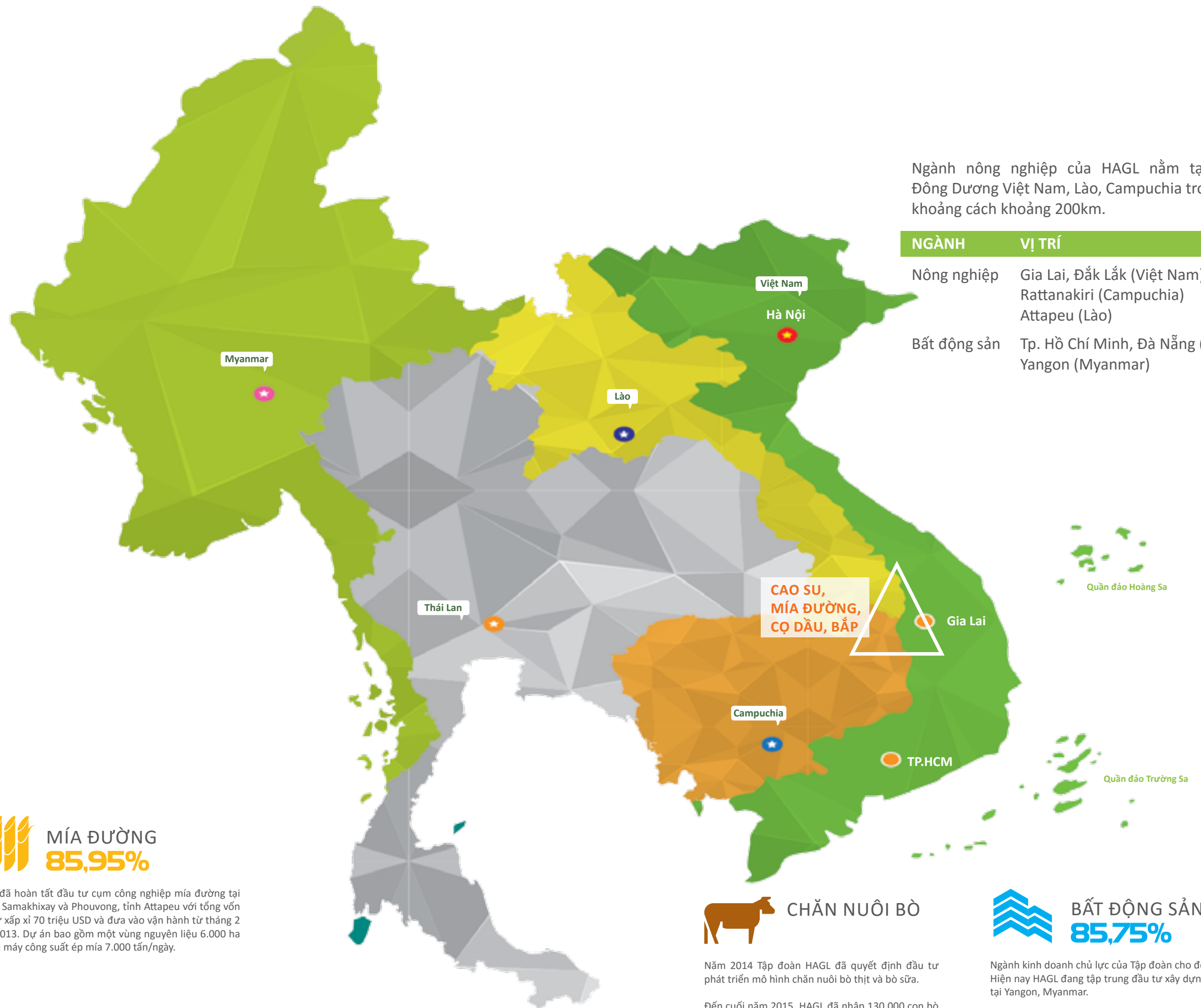
BẤT ĐỘNG SẢN 85,75%

Ngành kinh doanh chủ lực của Tập đoàn cho đến năm 2012. Hiện nay HAGL đang tập trung đầu tư xây dựng khu phức hợp tại Yangon, Myanmar.

Giai đoạn 1 của dự án Myanmar đã hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động từ cuối năm 2015. HAGL đang tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của dự án bao gồm các hạng mục: Trung tâm thương mại – văn phòng gắn kết liền hoàn với 2 tòa tháp văn phòng, 2 tòa tháp căn hộ dịch vụ và 3 tòa tháp căn hộ dân cư.

Ngành nông nghiệp của HAGL nằm tại tam giác Đông Dương Việt Nam, Lào, Campuchia trong phạm vi khoảng cách khoảng 200km.

| NGÀNH | VỊ TRÍ |
|--------------|---|
| Nông nghiệp | Gia Lai, Đắk Lắk (Việt Nam) Rattanakiri (Campuchia) Attapeu (Lào) |
| Bất động sản | Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng (Việt Nam) Yangon (Myanmar) |





CAO SU

Tập đoàn hiện đang vận hành một Nhà máy chế biến mủ cao su có công suất 25.000 tấn/năm tại Lào. Dự kiến đến năm 2022, toàn bộ diện tích cao su sẽ được khai thác mủ.



Các sản phẩm mủ được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam **TCVN 3769: 2004**

SẢN PHẨM PHỤ:

Gỗ cao su:

Thân cây cao su khi thanh lý được sử dụng cho ngành công nghiệp chế biến gỗ, cung cấp cho thị trường đồ gỗ nội thất.

Mủ SVR 3L

Được sản xuất từ mủ nước, dùng để chế tạo lốp xe, con lăn công nghiệp và các sản phẩm khác đòi hỏi cao su chất lượng cao, màu sáng. Ngoài ra SVR 3L còn được sử dụng thay thế một số loại cao su thiên nhiên khác do độ nhớt thấp, cho phép thời gian chế biến nhanh hơn.

Mủ SVR 10

Được sản xuất từ mủ đông, mủ tạp, dùng để sản xuất lốp xe, ống nước và các mặt hàng giày dép chất lượng cao.

Cụm công nghiệp mía đường
tại huyện Samakhixay và
Phouvong, tỉnh Attapeu



MÍA ĐƯỜNG

HAGL đã hoàn tất đầu tư cụm công nghiệp mía đường tại huyện Samakhixay và Phouvong, tỉnh Attapeu với tổng vốn đầu tư xấp xỉ 70 triệu USD và đưa vào vận hành từ tháng 2 năm 2013. Dự án bao gồm một vùng nguyên liệu 6.000 ha và nhà máy công suất ép mía 7.000 tấn/ngày. HAGL chọn các giống mía có nguồn gốc từ Việt Nam và Thái Lan năng suất cao, phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng như: K.84-200, MY, Sufan, R579, K2000-89, Khong Kaen 3, 88-92...

HAGL áp dụng máy móc thiết bị hiện đại trong công tác trồng, chăm sóc và thu hoạch mía. Hệ thống tưới Israel được lắp đặt đến từng hàng mía và cung cấp độ ẩm liên tục cho đất, giúp HAGL có thể trồng mía ngay trong mùa khô và cây mía có thể phát triển rất nhanh trong các tháng này nhờ quang hợp mạnh.

Việc chuẩn bị đất và trồng mía được thực hiện hoàn toàn bằng máy. Công tác bón phân cũng được thực hiện tự động bằng cách hòa vào nước và thông qua hệ thống tưới đi đến từng hàng mía. Trong công tác thu hoạch, máy móc thiết bị cũng giúp HAGL tiết kiệm rất nhiều thời gian và chi phí.



Năm 2015, HAGL nhập đường về tiêu thụ tại thị trường Việt Nam theo hạn ngạch được cấp là **50.000 tấn**, với mức thuế suất nhập khẩu là **2,5%**.





CỌ DẦU

Trong tất cả các loại cây sản xuất dầu thì cọ dầu là loại cây cho hàm lượng dầu cao nhất. Sau 30 tháng kể từ khi trồng, cây cọ dầu sẽ bắt đầu cho quả và được đưa vào khai thác.

Ngoài ra, dầu cọ và các sản phẩm phụ khác của cọ dầu là những mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao. Chính vì vậy, cây cọ dầu đang được phát triển nhanh chóng ở các nước Đông Nam Á, châu Phi và châu Mỹ La Tinh.

HAGL bắt đầu trồng thử nghiệm cây cọ dầu từ năm 2012 với diện tích ban đầu là 4.000 ha. Đến cuối năm 2015, HAGL đã trồng được 28.626 ha cọ dầu, trong đó tại tỉnh Attapeu, Lào là 7.055 ha và tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia là 21.571 ha. Đặc biệt tại Campuchia, phần lớn diện tích cọ dầu được trồng liền vùng tại huyện Koun Mom tỉnh Rattanakiri.

Để nâng cao hiệu quả đầu tư, HAGL đã quyết định áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt Israel cho toàn bộ diện tích cọ dầu. Tại Campuchia, nhà máy chế biến dầu cọ với công suất 45 tấn buồng quả tươi/giờ dự kiến hoàn thành xây dựng vào Quý III/2016. Nhà máy có thể chế biến 270.000 tấn quả tươi/năm, đủ phục vụ cho diện tích khoảng 9.000 ha. Trong tương lai, khi diện tích cọ dầu đi vào khai thác nhiều hơn, HAGL sẽ có kế hoạch nâng cấp nhà máy hoặc xây dựng thêm các nhà máy chế biến mới phù hợp.

Tại Lào, HAGL đang tiến hành đầu tư xây dựng nhà máy chế biến dầu cọ với công suất 30 tấn buồng quả tươi/giờ và dự kiến đi vào hoạt động vào nửa đầu năm 2017.

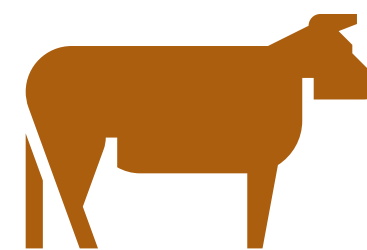


SẢN PHẨM
& DỊCH VỤ (tiếp theo)



130.000 con bò

Là số lượng nhập đến cuối năm 2015



CHĂN NUÔI

Với lợi thế quỹ đất lớn, nguồn thực phẩm chăn nuôi dồi dào từ những cánh đồng cỏ, từ cây bắp, cỏ dầu, mía đường... cũng như kinh nghiệm áp dụng công nghệ cao vào ngành nông nghiệp, HAGL quyết định đầu tư phát triển mô hình chăn nuôi bò thịt và bò sữa tiên tiến, năng suất cao. Bò giống có xuất xứ từ Úc, sau khi được các chuyên gia chọn lựa kỹ càng, tầm soát dịch bệnh mới được nhập vào Việt Nam và nuôi tại các nông trại được xây dựng tại tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk (Việt Nam), Attapeu (Lào) và Rattanakiri (Campuchia).



Trong năm 2015 HAGL đã đẩy mạnh mở rộng qui mô trang trại, quản lý nghiêm chất lượng đầu vào: con giống, nguồn nguyên liệu thức ăn cùng với công nghệ chăn nuôi tiên tiến nhằm mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tổng số lượng nhập tới cuối năm 2015 là 130.000 con bò và dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên theo kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

SẢN PHẨM & DỊCH VỤ (tiếp theo)



BẤT ĐỘNG SẢN

Sau khi tiến hành tái cấu trúc, Tập đoàn dành toàn bộ ưu tiên vào dự án Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center.

Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center với tổng mức đầu tư 440 triệu USD tọa lạc ở vị trí đắc địa của thành phố Yangon, 2 mặt tiền đường lớn, trong đó một mặt nhìn ra hồ Inya; mặt còn lại nhìn về phía chùa Vàng có lịch sử 2.500 năm - một di tích nổi tiếng và linh thiêng của Myanmar.

Là doanh nghiệp tiên phong đầu tư vào thị trường Myanmar, HAGL có rất nhiều lợi thế cạnh tranh do được cấp đất sớm với giá rẻ (khoảng 740 USD/m² cho thời gian 70 năm) cùng với kinh nghiệm quản lý chi phí xây dựng tốt, quy trình xây dựng khép kín bao gồm các công ty xây dựng, nguồn gỗ, đá tự sản xuất với giá thành hợp lý, dự án được đánh giá sẽ mang lại nguồn thu lớn cho Tập đoàn trong thời gian tới.

Giai đoạn 1 của dự án hiện đã hoàn thành cuối năm 2015 và đã đưa vào khai thác. Hiện công ty đang tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 2.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN



ĐỘT PHÁ - SÁNG TẠO - HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

ĐẦU TƯ NÔNG NGHIỆP, TÁI TẠO TÀI NGUYÊN

Nhận thức sâu sắc rằng tài nguyên thiên nhiên là hữu hạn, trong quá trình sản xuất kinh doanh hướng tới các giá trị vững bền, HAGL tập trung đầu tư và khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên tái tạo. Thực tế trong những năm qua, HAGL đã huy động tổng lực cho việc trồng cây cao su, cọ dầu, mía đường, bắp... biến những khu rừng khộp thành những nông trại, góp phần cải thiện đáng kể môi trường và đời sống của người dân bản địa..

HAGL ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp như vận hành hệ thống tưới nước nhỏ giọt Israel, lập nhà máy sản xuất phân vi sinh, phân tích thành phần dinh dưỡng đất... Những nỗ lực cải tiến này đã góp phần quan trọng vào việc tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, hạn chế xói mòn, bạc màu đất, giảm thiểu ô nhiễm, tiết kiệm chi phí sản xuất và mang lại hiệu quả kinh tế.

HỢP TÁC CÔNG TƯ

HAGL là doanh nghiệp tiên phong trong việc áp dụng mô hình hợp tác công tư (Public Private Partnership – PPP) trong lĩnh vực nông nghiệp khi mở rộng địa bàn kinh doanh sang các nước láng giềng.

Thiết chế PPP đã được áp dụng rất thành công tại Lào và được Chính phủ Lào xem là mô hình kiểu mẫu khi kêu gọi đầu tư nước ngoài. HAGL đã tài trợ vốn không lãi suất cho Chính phủ Lào xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ SEA Games, sân bay quốc tế Attapeu, bệnh viện, trường học, nhà ở, khu hành chính của các cộng đồng địa phương.

Mô hình này cũng được HAGL áp dụng ở Campuchia thông qua việc giúp Liên đoàn Bóng đá Campuchia xây dựng Học viện Bóng đá Quốc gia Bati tại tỉnh Takeo, xây dựng đường xá, trường học, trạm xá, giếng nước cho người nghèo...

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU VÀ CHUỖI GIÁ TRỊ

Chúng tôi hiểu rằng, để tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường, bên cạnh quy mô đầu tư lớn, cần mạnh dạn tập trung nghiên cứu và tiếp thu các giải pháp công nghệ mới tiên tiến ứng dụng vào quy trình sản xuất thực tế, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp.

Chúng tôi đã đưa hệ thống tưới nước Israel vào canh tác, cùng đội ngũ hơn 1.000 kỹ sư nông nghiệp Việt Nam tham gia nghiên cứu và triển khai đồng bộ các ứng dụng kỹ thuật cao, việc phát triển cây công nghiệp, đàn gia súc nhằm gia tăng hiệu quả, năng suất và tiết kiệm chi phí tối đa.

GẮN BÓ, HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

HAGL đã và luôn theo đuổi vận dụng triết lý kinh doanh “Gắn bó, hợp tác cùng nhau phát triển”, xem đây là kim chỉ nam trong định hướng kinh doanh của Tập đoàn. Nhờ đó, HAGL đã nhận được sự tin tưởng, chia sẻ, hỗ trợ và hợp tác đầy thiện chí của khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng xã hội và các cơ quan quản lý.

ĐỊNH HƯỚNG

HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Đối với HAGL, 2015 là một năm đầy khó khăn và thử thách. Trước tình hình này, ban Lãnh đạo Tập đoàn tiếp tục đẩy mạnh chiến lược tái cấu trúc những ngành sinh lợi thấp, đầu tư tập trung và có trọng điểm vào những ngành có khả năng sinh lợi cao, giảm thiểu rủi ro để thực hiện mục tiêu hạ thấp số dư nợ vay, cải thiện các chỉ số tài chính.

1. CHIẾN LƯỢC NGÀNH NGHỀ VÀ SẢN PHẨM

NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Việt Nam gia nhập Hiệp định Thương mại tự do (AFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) sẽ mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp làm nông nghiệp. HAGL tin tưởng mảng nông nghiệp sẽ có tỷ suất lợi nhuận cao khi giá cả trên thị trường thế giới ổn định, sản lượng đạt mức kỳ vọng.

Cây công nghiệp: Trong những năm gần đây, giá cao su thế giới và trong nước giảm sâu đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Tập đoàn. Đứng trước bối cảnh đầy thử thách này, HAGL đã trồng các loại cây công nghiệp ngắn hạn, trung hạn khác như mía đường, cọ dầu, bắp, một số loại cây khác... nhằm đa dạng hóa sản phẩm, thực hiện mục tiêu “lấy ngắn nuôi dài”. Trong năm 2016 HAGL sẽ bắt đầu khai thác chế biến cọ dầu và một số loại cây ăn quả.

Chăn nuôi: Từ cuối năm 2014, HAGL đã chính thức bắt tay đầu tư chăn nuôi bò quy mô công nghiệp với nguồn giống nhập khẩu từ Úc, New Zealand nuôi tại Việt Nam, Lào. Hướng đến mục tiêu tạo ra dòng sản phẩm chất lượng và an toàn thực phẩm, HAGL đã xây dựng mô hình chăn nuôi bò tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Với ưu thế về quỹ đất lớn để trồng cỏ, tận dụng nguồn thực phẩm sẵn có dồi dào từ cây bắp, cọ dầu, phụ phẩm mía đường cũng như việc áp dụng công nghệ cao vào ngành nông nghiệp như hệ thống tưới nước nhỏ giọt Israel, cắt cỏ, chế biến, pha trộn thức ăn bằng máy móc... sản phẩm của HAGL có giá cạnh tranh trên thị trường.

Trong năm qua, sản phẩm bò thịt HAGL chỉ tập trung cung cấp vào các thị trường lớn như Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng. Sắp tới, HAGL sẽ tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ ra các tỉnh thành trong cả nước.



NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

Trong năm 2015, HAGL đã bàn giao, đưa vào sử dụng giai đoạn 1 của dự án và chính thức khai trương Trung tâm thương mại Myanmar Plaza. Hiện Tập đoàn đã triển khai giai đoạn 2 của dự án và trong năm 2016 sẽ đưa vào khai thác khách sạn 5 sao Melia Yangon. Tập đoàn quyết tâm hoàn thành Khu phức hợp HAGL Myanmar Center đúng với kế hoạch.

2. CHIẾN LƯỢC VỀ VỐN

Chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền trong dài hạn, ổn định là mục tiêu quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Tập đoàn, chú trọng các biện pháp tạo ra lượng tiền mặt để thanh toán bớt dư nợ và hướng đến trạng thái cân bằng về khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng nghiên cứu và đầu tư đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp đưa ra thị trường nhằm tăng doanh thu và mở rộng cơ hội kinh doanh; vận hành khai thác bất động sản - dịch vụ để có nguồn thu thường xuyên, ổn định đồng thời chủ trương bán các dự án bất động sản khi có hiệu quả kinh tế để quay vòng vốn.

Nghiên cứu giảm thiểu chi phí thông qua các công cụ nợ, hình thức huy động vốn hiệu quả đồng thời rà soát lại cơ cấu danh mục đầu tư, thanh lý những tài sản không thuộc lĩnh vực kinh doanh cốt lõi hoặc hiệu quả thấp, hạn chế tối đa việc đầu tư dàn trải.

Xây dựng quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế lương và khen thưởng cũng như có chính sách sử dụng tiền mặt phù hợp với hoàn cảnh cụ thể nhằm đem lại lợi ích cao cho doanh nghiệp.

3. HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Xác định hệ thống quản trị phù hợp là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, vì vậy HAGL luôn ưu tiên ứng dụng những kiến thức và mô hình thực hành tốt về quản trị để đưa vào hoạt động.

Tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý rủi ro và giám sát chi tiêu bằng cách kiểm soát hiệu quả công tác thu hồi công nợ, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí.

Mở rộng thị trường trong nước và phát triển thị trường ra các nước trong khu vực đồng thời chuẩn hóa mô hình hoạt động, phát huy vai trò của các chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu, giữ mối quan hệ với các khách hàng hiện có và tiếp cận các đối tượng khách hàng tiềm năng bằng nhiều kênh và đầu mối thông tin, linh hoạt nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường.

Song song với việc đánh giá hiệu quả hoạt động, HAGL còn chú trọng cải tiến hệ thống quản lý, cơ cấu bộ máy tổ chức nhân sự để phù hợp với mục tiêu phát triển của Tập đoàn. Bên cạnh đó, công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên và việc quy hoạch, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý luôn được xem là nhiệm vụ trọng tâm của doanh nghiệp.

CÁC THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2015



2015 là một năm nhiều thách thức đối với Hoàng Anh Gia Lai nhưng bằng sự nỗ lực phấn đấu không ngừng, giữ vững niềm tin và tinh thần đoàn kết, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã vững vàng vượt qua và đạt được một số thành tựu nhất định.



GIẢI THƯỞNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ASEAN 2015

Ngày 14/11/2015, trong khuôn khổ Hội nghị Quản trị Doanh nghiệp các nước ASEAN 2015 tại thủ đô Manila, Philippines đã diễn ra Lễ trao giải ASEAN Corporate Governance Scorecard do Diễn đàn Thị trường vốn ASEAN (ACMF) hợp tác với Ủy ban Giao dịch Chứng khoán Philippines tổ chức diễn ra nhằm vinh danh Top 50 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động quản trị tốt nhất trong khu vực ASEAN. HAGL đã vinh dự được trao giải Top 2 Công ty niêm yết có điểm Quản trị Doanh nghiệp cải thiện tốt nhất tại Việt Nam.

Giải thưởng Quản trị Doanh nghiệp ASEAN là sự kiện có uy tín trong khu vực, công nhận những nỗ lực của các công ty thực hiện quản trị tốt trong các hoạt động và dịch vụ của doanh nghiệp.

HAGL vinh dự nhận giải thưởng này là kết quả của việc đánh giá độc lập từ nhiều công ty niêm yết công khai tại Việt Nam. Những năm qua, HAGL không ngừng nâng cao hiệu quả Quản trị, nhờ vậy từ năm 2013 đến nay, Thẻ điểm Quản trị của công ty đã có những cải thiện đáng kể và luôn là một trong những công ty có kết quả kinh doanh ổn định tại Việt Nam.



TOP 10 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT UY TÍN TRÊN TRUYỀN THÔNG NĂM 2015

Tại Hội nghị thường niên Vietnam CEO summit 2015 diễn ra tại TP.HCM, HAGL đã được tôn vinh Top 10 Doanh nghiệp niêm yết uy tín nhất trên truyền thông năm 2015 do tạp chí Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet tổ chức.

Tạp chí Vietnam Report đã tiến hành chọn và mã hóa những bài báo viết về 100 công ty có tỷ lệ vốn hóa và tính thanh khoản tốt trên thị trường chứng khoán Việt Nam được đăng tải trên các chuyên mục đầu tư, tài chính của 5 báo: Thời báo kinh tế Việt Nam, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, CafeF, Đầu Tư và Đầu Tư Chứng Khoán từ tháng 7/2014 đến tháng 6/2015 dựa trên 12 tiêu chí đánh giá cụ thể.



NHẬN CỜ THI ĐUA XUẤT SẮC DẪN ĐẦU KHỐI DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai được vinh dự đón nhận Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua Khối Doanh nghiệp tỉnh Gia Lai trong năm 2015. Đây là phần thưởng ghi nhận quá trình cống hiến và những nỗ lực mà CBCNV Công ty đã đóng góp cho địa phương trong thời gian qua.



TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN

THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Quản lý tổng thể

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1992 - đến nay: Công tác tại CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



Ông VÕ TRƯỜNG SƠN

Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính, Cử nhân Luật, Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA), Hội viên Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA); CFA

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1996 - 2003: Công tác tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C
- 2003 - 2008: Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- 2008 - đến nay: Công tác tại CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT - CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



Ông ĐOÀN NGUYỄN THU

Thành viên Hội đồng Quản trị,
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - ĐH Fullerton, Hoa Kỳ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1999 - 2000: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Sài Gòn
- 2003 - 2004: Công tác tại Công ty TNHH Việt May
- 2004 - 2006: Công tác tại Xí nghiệp Tư Doanh Hoàng Anh Gia Lai
- 2006 - đến nay: Công tác tại CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - CTCP Gổ Hoàng Anh Gia Lai



Ông NGUYỄN XUÂN THẮNG

Thành viên Hội đồng Quản trị,
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1999 - 2000: Công tác tại Công ty Cà phê 15 - Bình Đoàn 15, tỉnh Gia Lai
- 2000 - 2003: Công tác tại Công ty TNHH Hưng Bình, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- 2003 - 2004: Công tác tại Công ty TNHH Trung Hiếu, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai
- 2004 - 2005: Công tác tại Tổng công ty viễn thông quân đội tại Gia Lai
- 2005 - 2007: Công tác tại Trường trung học lâm nghiệp Tây Nguyên
- 2007 - đến nay: Công tác tại CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc - CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



Bà VÕ THỊ HUYỀN LAN

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: MBA Thương Mại Cao Cấp HEC-Pháp, Thạc sỹ Tài Chính - ĐH Dauphine - Pháp

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2010 - đến nay: Công tác tại CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Chức vụ hiện nay tại HAGL:
 - Thành viên HĐQT - CTCP Hoàng Anh Gia Lai
 - Thành viên HĐQT - CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
 - Thành viên HĐQT - CTCP Long Hậu, Kiểm Thành viên HĐQT - CTCP Khu CN Hiệp Phước
 - Thành viên HĐQT - CTCP thực phẩm Agrex Sài Gòn
 - Thành viên HĐQT - CTCP Âu Việt
 - Thành viên HĐQT - CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai



Ông NGUYỄN VĂN MINH

Thành viên Hội đồng Quản trị,
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1959
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1981 - 1989: Công tác tại Phòng Nông nghiệp huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum
- 1989 - 1992: Công tác tại Công ty Cà phê tỉnh Gia Lai
- 1992 - đến nay: Công tác tại CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - CTCP Cao su Hoàng Anh Quang Minh



Ông PHAN THANH THỦ

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Nghệ thuật âm nhạc

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1984 - 1992: Công tác tại Đoàn nghệ thuật Đam San
- 1993 - đến nay: Công tác tại CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc - CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông VÕ TRƯỜNG SƠN
Tổng Giám đốc,
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

(Xem thông tin tại trang 44)



Ông NGUYỄN VĂN MINH
Phó Tổng Giám đốc,
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

(Xem thông tin tại trang 45)



Ông ĐOÀN NGUYỄN THU
Phó Tổng Giám đốc,
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

(Xem thông tin tại trang 44)



Ông LÂM HOÀNG HẢI
Trưởng Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2000 - 2008: Công tác tại Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C
- 2008 - đến nay: Công tác tại CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL: Trưởng Ban Kiểm soát



Bà NGUYỄN THỊ HUYỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1974
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1996 - 1998: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh Gia Lai
- 1998 - 2001: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Quy Nhơn
- 2001 - 2007: Công tác tại Văn phòng đại diện CTCP Hoàng Anh Gia Lai tại Singapore
- 2007 - 2008: Công tác tại Resort Hoàng Anh Quy Nhơn - trợ lý Giám đốc
- 2008 - 2013: Công tác tại CTCP XD&PT Nhà Hoàng Nguyễn
- 2013 - đến nay: Công tác tại Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar
- Công tác hiện nay tại HAGL: Thành viên Ban Kiểm soát



Ông NGUYỄN TẤN ANH
Thành viên Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1985 - 2005: Phóng viên tại Báo Thanh niên
- 2005 - đến nay: Công tác tại CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL: Thành viên Ban Kiểm soát



Ông NGUYỄN XUÂN THẮNG
Phó Tổng Giám đốc,
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

(Xem thông tin tại trang 44)



Bà HỒ THỊ KIM CHI
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1998 - 2006: Công tác tại Xí nghiệp Tư Doanh Hoàng Anh Gia Lai
- 2006 - đến nay: Công tác tại CTCP Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng



THÔNG TIN BAN KIỂM SOÁT



GẮN KẾT NIỀM TIN - SẼ CHIA GIÁ TRỊ

Ngay từ khi thành lập, HAGL luôn xác định **“con người là chìa khóa của thành công”**, là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong suốt hành trình 22 năm qua, HAGL đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn cao, kinh nghiệm và lực lượng nhân viên giàu nhiệt huyết, được đào tạo bài bản, đây chính là động lực đưa HAGL tiến bước vững chắc trên chặng đường phía trước.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

Tập đoàn HAGL được tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con bao gồm: Công ty cổ phần nông nghiệp Quốc tế HAGL, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nhà Hoàng Anh, Công ty cổ phần Thủy điện HAGL và nhiều công ty khác thuộc lĩnh vực xây dựng, y tế, thể thao...

Trong giai đoạn 2013-2015, HAGL đã thực hiện tái cấu trúc, loại bỏ những danh mục đầu tư không hiệu quả, tập trung phát triển dựa trên 2 ngành chính là Nông nghiệp và Bất động sản nhưng lực lượng lao động không có biến động lớn. Tổng số lao động của năm 2015 là 20.814 trong đó cán bộ công nhân viên là 5.527 người và lực lượng lao động thời vụ là 15.293 người.

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Tại Tập đoàn HAGL, tùy theo từng vị trí cụ thể sẽ có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các cán bộ công nhân viên trong Tập đoàn đều đáp ứng yêu cầu: có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần kỷ luật cao. Công ty luôn ghi nhận, đánh giá hiệu quả làm việc và năng lực của cán bộ, nhân viên nhằm phát huy năng lực sáng tạo và tinh thần cạnh tranh lành mạnh. Chính sách nhân sự luôn được coi trọng và cải tiến thường xuyên nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực, thân thiện và gắn kết.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

HAGL luôn chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo qui trình chặt chẽ nhằm tuyển chọn nhân sự theo đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, chất lượng cao và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Bên cạnh đó, HAGL cũng ưu tiên tuyển chọn những cá nhân tài năng, những chuyên gia đầu ngành giàu kinh nghiệm trong và ngoài nước. HAGL tự hào có được đội ngũ nhân viên có đạo đức, trình độ chuyên môn, luôn đoàn kết và đầy nhiệt huyết.

Hàng năm, Tập đoàn tổ chức nhiều khóa đào tạo tay nghề cho công nhân làm trong từng lĩnh vực như trồng trọt, chăn nuôi, bất động sản tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar. HAGL thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ ngắn hạn nhằm triển khai công nghệ, quy trình làm việc mới, nâng cao chuyên môn. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, công ty luôn quan tâm đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn và khả năng tiếp cận các phương pháp, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới.

Với định hướng đầu tư lâu dài, HAGL đã gửi cán bộ, nhân viên, sinh viên sang các Trường Đại học Quốc gia Lào, Campuchia và Myanmar để học tiếng bản ngữ và chuyên môn, sau khi ra trường sẽ làm việc tại các dự án.

CHẾ ĐỘ LƯƠNG THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

HAGL xây dựng chính sách lương thưởng dựa theo các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp phù hợp với giá trị tạo ra của từng vị trí công việc. Các chế độ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tập đoàn tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ công nhân viên tại Bệnh viện Đại học Y Dược – Hoàng Anh Gia Lai với chính sách rất cụ thể: hỗ trợ 50% chi phí khám chữa bệnh định kỳ cho nhân viên, 100% chi phí cho những trường hợp bị tai nạn trong quá trình lao động.

HAGL tổ chức xe đưa đón công nhân, cấp chung cư cho cán bộ, chuyên gia cao cấp công tác xa nhà, xây dựng các khu nhà tập thể, nhà riêng cho hộ gia đình có hai người làm việc cho nông, công trường; lắp đặt, cung cấp các trang thiết bị cần thiết như internet, hệ thống cáp truyền hình... đến tận những nông trường xa xôi hẻo lánh nhằm tạo điều kiện thuận lợi phục vụ cho công việc và giải trí của người lao động.

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center

Dự án được xây dựng trên diện tích đất 73.358 m² gồm: 1 trung tâm thương mại, 4 tòa nhà văn phòng cho thuê, 1 khách sạn 5 sao và 5 block căn hộ cao cấp. Tháng 12 năm 2015, giai đoạn 1 của dự án đã khai trương và chính thức hoạt động gồm 1 Trung tâm thương mại và 2 block văn phòng cho thuê cao 27 tầng với diện tích sàn xây dựng 192.000 m². Trung tâm thương mại Myanmar Plaza hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế với đầy đủ các hạng mục và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, giải trí của khách hàng. Khách sạn tiêu chuẩn 5 sao thương hiệu Melia với tổng số 429 phòng hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện những khâu cuối cùng dự kiến đưa vào hoạt động vào cuối tháng 6/2016.

Giai đoạn 2 dự án bao gồm các hạng mục: 5 block 28 tầng với diện tích sàn xây dựng 130.000 m², tương đương hơn 1.134 căn hộ và khu văn phòng cho thuê với tổng diện tích 126.000 m². Ngày 19/03/2016, Tập đoàn HAGL đã tổ chức Lễ khởi công giai đoạn 2 dự án HAGL Myanmar Center. Hiện tại, 30% số lượng căn hộ này đã được giữ chỗ và ký hợp đồng thuê chính thức.

Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa

Tổng đàn bò xuất bán ra thị trường tới cuối năm 2015: 66.337 con bò, mang lại doanh thu 2.541 tỷ đồng.

Với quỹ đất lớn để trồng cỏ, bắp và có nguồn phụ phẩm từ ngành sản xuất đường, dầu cọ, HAGL có thể tạo ra sản phẩm với chất lượng cao và giá cả cạnh tranh. Ngành chăn nuôi bò thịt và bò sữa hứa hẹn tạo ra nguồn doanh thu lớn, đem lại nhiều lợi nhuận cho Tập đoàn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

HAGL có kết quả về hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

| CHỈ TIÊU | 2015 | 2014 | TĂNG/ (GIẢM) SO VỚI NĂM 2014 | HOÀN THÀNH SO VỚI KẾ HOẠCH CỦA ĐHCĐ |
|----------------------|-------|-------|------------------------------|-------------------------------------|
| Doanh thu thuần | 6.252 | 3.054 | 104,7% | 116,9% |
| Lợi nhuận trước thuế | 806 | 1.750 | -53,9% | 38,4% |
| Lợi nhuận sau thuế | 602 | 1.533 | -60,7% | 36,8% |

Dự án trồng cọ dầu và xây nhà máy chế biến dầu cọ

Tính đến cuối năm 2015, HAGL đã trồng được 28.626 ha cọ dầu, trong đó tại tỉnh Attapeu, Lào là 7.055 ha và tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia là 21.571 ha. Đặc biệt tại Campuchia, phần lớn diện tích cọ dầu tập trung thành khu vực liền vùng tại huyện Koun Mum tỉnh Rattanakiri.

Công ty sẽ bắt đầu thu hoạch cọ dầu và chế biến vào Quý III năm 2016. Dự kiến sẽ đưa toàn bộ diện tích vào khai thác năm 2018.

Tại Campuchia, nhà máy chế biến dầu cọ với công suất 45 tấn buồng quả tươi/giờ dự kiến sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động Quý III/2016.

Tại Lào, công ty đang đầu tư xây dựng nhà máy chế biến dầu cọ với công suất 30 tấn buồng quả tươi/giờ và dự kiến đi vào hoạt động vào nửa đầu năm 2017.

Ngành mía đường và cao su

Trong năm 2015, nhà máy đường tại Lào với công suất 7.000 tấn mía cây/ngày hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho việc thu hoạch và chế biến vụ mùa 2014 - 2015 và một phần của vụ mùa 2015 - 2016.

Đối với cao su, HAGL thực hiện chuyển đổi 1 số diện tích cao su sang dự án chăn nuôi bò. Vì vậy, diện tích cao su giảm còn 38.428 ha cao su, trong đó 22.177 ha tại Lào, 2.394 ha tại Việt Nam và 13.857 ha tại Campuchia.

Những yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2015 như sau:

Ngành chăn nuôi bò thịt đóng góp chính vào nguồn doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn; chiếm tỷ trọng 40,7% tổng doanh thu và 40% lợi nhuận gộp của Tập đoàn, hoạt động của ngành này đạt vượt mức kế hoạch của ĐHCĐ.

Ngành xây dựng chiếm tỷ trọng cao thứ 2 sau ngành chăn nuôi bò thịt, hoạt động này chủ yếu là dự án xây dựng sân bay tại Lào và chuồng bò, ngành này mang tính chất không thường xuyên nên sẽ kết thúc sau khi các dự án này hoàn thành.

Ngành mía đường cụm máy mía đường hoạt động ổn định, đóng góp nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn.

Sản phẩm, hàng hóa chủ yếu phục vụ cho nhu cầu ngành trồng trọt và chăn nuôi bò.

Bất động sản tiếp tục bán các căn hộ và thoái vốn các dự án tại Việt Nam để tập trung nguồn lực cho các dự án có tỷ suất sinh lời cao hơn, điển hình là dự án HAGL Myanmar.

Bắp là loại cây trồng mang tính chất phụ trợ cho ngành chăn nuôi bò nên hoạt động của ngành này đóng góp không đáng kể.

Cao su bị ảnh hưởng rất lớn khi giá dầu thế giới và nhu cầu tiêu thụ giảm dẫn đến giá sản phẩm cao su giảm rất mạnh nên Tập đoàn bị ảnh hưởng rất lớn.

Khoáng sản là ngành mà Tập đoàn đã quyết định tái cấu trúc và xóa sổ các tài sản là thiết bị và hạ tầng do hoạt động không hiệu quả.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| CHỈ TIÊU | 2015 | 2014 | TĂNG/ GIẢM |
|----------------------|--------|--------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 49.228 | 36.484 | 34,9% |
| Doanh thu thuần | 6.252 | 3.054 | 104,7% |
| Lợi nhuận trước thuế | 806 | 1.750 | -53,9% |
| Lợi nhuận sau thuế | 602 | 1.533 | -60,7% |

Tình hình tài sản

Tại ngày 31/12/2015, tổng tài sản được ghi nhận là 49.228 tỷ đồng, tăng 34,9% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là tài sản dở dang dài hạn tăng 8.712 tỷ đồng dẫn đến tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) đạt 1,2%. Doanh thu tăng nhưng các khoản phải thu giảm từ 2.049 tỷ đồng xuống còn 1.607 tỷ đồng cho thấy khả năng thu hồi khoản phải thu được cải thiện. Các tài sản dở dang dài hạn tăng trong năm chủ yếu bao gồm: đầu tư vào dự án HAGL Myanmar, các trang trại chăn nuôi bò, nông trường cọ dầu và nhà máy chế biến, dự án thủy điện Nậm Kông 2 tại Lào. Đây là những tài sản có tiềm năng sinh lợi tốt và có giá trị cao.

Tình hình nợ phải trả

Tại ngày 31/12/2015, tổng các khoản nợ vay phải trả tăng từ 18.127 tỷ đồng lên 27.099 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn tăng 1.458 tỷ đồng và vay dài hạn tăng 7.514 tỷ đồng. Vay ngắn hạn chủ yếu để tài trợ vốn lưu động trong lĩnh vực chăn nuôi bò và mía đường. Vay dài hạn chủ yếu để đầu tư xây dựng cơ bản tại các đơn vị, trong đó lĩnh vực trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu, đầu tư dự án HAGL Myanmar và thủy điện Nậm Kông 2 tại Lào.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| CHỈ TIÊU | 2015 | 2014 |
|--|-------|-------|
| Khả năng thanh toán | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,00 | 1,02 |
| Hệ số thanh toán nhanh | 0,72 | 0,80 |
| Cơ cấu vốn | | |
| Hệ số nợ vay/ Tổng tài sản | 0,55 | 0,50 |
| Hệ số nợ vay/ Vốn chủ sở hữu | 1,67 | 1,18 |
| Khả năng sinh lời | | |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 9,6% | 50,2% |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | 3,7% | 10,0% |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | 1,2% | 4,2% |
| Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | 19,8% | 56,5% |

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 (tiếp theo)



DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

NGÀNH CHĂN NUÔI BÒ THỊT VÀ BÒ SỮA

CHĂN NUÔI BÒ THỊT

HAGL bắt đầu hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi bò thịt từ giữa năm 2014. Với những lợi thế như quỹ đất lớn, nguồn thực phẩm chăn nuôi dồi dào từ những cánh đồng cỏ, từ cây bắp, cỏ dầu, mía đường... cũng như kinh nghiệm áp dụng công nghệ cao vào ngành nông nghiệp nên dự án được kì vọng sẽ hạn chế được các rủi ro trước những biến động của thị trường.

HAGL chọn giống bò Úc làm sản phẩm chính của Công ty trong giai đoạn đầu. Bò thịt nuôi vỗ béo và bò sinh sản được Công ty nhập khẩu từ Úc. HAGL cũng đảm bảo Công ty cùng các đối tác giết mổ đáp ứng được tiêu chuẩn Hệ thống Đảm bảo chất lượng chuỗi cung ứng của nhà xuất khẩu do Chính

phủ Úc quy định (Exporter Supply Chain Assurance System, gọi tắt là ESCAS) để giám sát động vật xuất khẩu của Úc tới các lò giết mổ đảm bảo rằng động vật được đối xử nhân đạo.

Với quỹ đất lớn, HAGL trồng cỏ voi Pakchong 1 đáp ứng đủ nguồn thức ăn chăn nuôi, đồng thời tận dụng tối đa các phụ phẩm nông nghiệp như đọt mía, mật đường, hạt bắp, thân bắp, cành cỏ dầu và bã cỏ dầu để chủ động nguồn thức ăn cho bò, gia tăng tính khép kín trong hoạt động chăn nuôi. Có thể nói, chỉ sau một thời gian ngắn đưa vào kinh doanh, ngành chăn nuôi bò thịt đã trở thành nguồn thu chủ đạo của HAGL cho đến thời điểm hiện nay.

CHĂN NUÔI BÒ SỮA

HAGL đã nhập khẩu và phát triển giống bò Holstein Friesian (HF), giống bò tốt và phổ biến nhất có nguồn gốc từ Hà Lan, cho sản lượng sữa lớn, chất lượng cao và có khả năng thích nghi rất tốt ở nhiều vùng khí hậu khác nhau. Để phục vụ ngành chăn nuôi, công ty đã thành lập Phòng phân tích thức ăn với đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao nhằm phân tích và tính toán khẩu phần ăn phù hợp để phát triển đàn bò sữa với chất lượng tốt.

HAGL đã hợp tác với đối tác chiến lược là Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng NutiFood, trong đó HAGL phát triển đàn bò sữa còn NutiFood đầu tư xây dựng nhà máy sữa tươi tại Gia Lai để bao tiêu toàn bộ lượng sữa từ trang trại Hoàng Anh Gia Lai, cho ra sản phẩm sữa tươi và sữa chua Nuti trên thị trường hiện nay.

KHU PHỨC HỢP HOÀNG ANH GIA LAI MYANMAR CENTER

Khu phức hợp HAGL Myanmar Center là công trình tâm huyết của Tập đoàn HAGL, được đầu tư theo hợp đồng BOT trong thời gian 70 năm, tổng mức đầu tư 440 triệu USD. Dự án được xây dựng trên diện tích đất 73.358 m² tại thành phố Yangon, thành phố lớn và năng động nhất Myanmar. Được triển khai từ năm 2013, đến cuối năm 2015 HAGL đã bàn giao và đưa vào sử dụng giai đoạn 1 của dự án, đây là kết quả của quá trình lao động đầy nỗ lực của tập thể lãnh đạo, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật người Việt Nam và hơn 2.700 lao động Myanmar. Dự án đã đưa vào hoạt động 1 trung tâm thương mại và 2 tháp văn phòng cho thuê hạng A cao 27 tầng với diện tích sàn xây dựng hơn 161.000 m²; khách sạn Melia Yangon cao 23 tầng, quy mô 429 phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế 5 sao.

Khu văn phòng cho thuê được quản lý bởi CBRE gồm 2 block có diện tích sàn 85.701 m², với tỷ lệ ký kết, đàm phán hợp đồng, giữ chỗ trên 50% trong đó có những khách hàng lớn như dầu khí Thái Lan, dầu khí Trung Quốc, hàng không quốc gia Thái Lan, Ngân hàng BIDV, các công ty tài chính, kiểm toán quốc tế...

Trung tâm thương mại Myanmar Plaza với tổng diện tích gần 40.000 m², hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế và tỷ lệ cho thuê đã được lấp đầy 95%.

Về khách sạn 5 sao, Tập đoàn HAGL đã chính thức ký hợp đồng quản lý khách sạn với Tập đoàn quản lý khách sạn Melia. Với sự hợp tác này, khách sạn do HAGL đầu tư tại Myanmar chính thức mang tên Melia Yangon và tham gia vào hệ thống 350 khách sạn 5 sao do Melia quản lý trên toàn cầu.

Giai đoạn 2 của dự án HAGL Myanmar Center bao gồm các hạng mục: Trung tâm thương mại – văn phòng gắn kết liên hoàn với 2 tòa tháp văn phòng, 2 tòa tháp căn hộ dịch vụ và 3 tòa tháp căn hộ dân cư. Trong đó, Trung tâm thương mại – văn phòng sẽ bao gồm một phần 5 tầng, 2 tòa tháp văn phòng cao 23 tầng, dự kiến sẽ có khu vực vui chơi trẻ em và cụm rạp chiếu phim trên tổng diện tích gần 94.000 m².

Trong năm 2015, HAGL đã chính thức mở bán khu căn hộ The Lake Suites nằm trong Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar Center. Sự kiện này thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư Myanmar và quốc tế.

Bằng sự nỗ lực và quyết tâm cao độ của toàn thể cán bộ, kỹ sư, công nhân hai nước Việt Nam và Myanmar dự án đang được đẩy mạnh tiến độ xây dựng để hoàn thành giai đoạn 2 theo kế hoạch đề ra.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NĂM 2015, MẶC DÙ NỀN KINH TẾ VÀ CÁC YẾU TỐ THỊ TRƯỜNG VẪN CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN, NHƯNG VỚI NỖ LỰC CỦA TOÀN THỂ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÃ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VƯỢT QUA KHÓ KHĂN. TUY KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC KHÔNG NHƯ MONG ĐỢI NHƯNG TỔNG DOANH THU TĂNG TRƯỞNG MẠNH ĐẠT 6.252 TỶ ĐỒNG, TĂNG 105% SO VỚI NĂM 2014, ĐẠT 117% KẾ HOẠCH. CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC NGÀNH NGHỀ NHƯ SAU:

| NGÀNH KINH DOANH | 2015 | | 2014 | | 2013 | |
|-----------------------|--------------------|------------|--------------------|------------|--------------------|------------|
| | Doanh thu (Tỷ VND) | Tỷ trọng % | Doanh thu (Tỷ VND) | Tỷ trọng % | Doanh thu (Tỷ VND) | Tỷ trọng % |
| Bò | 2.541 | 41% | - | - | - | - |
| Xây dựng | 1.040 | 17% | 765 | 25% | 533 | 19% |
| Ngành mía đường | 871 | 14% | 1.042 | 34% | 838 | 30% |
| Sản phẩm, hàng hóa | 614 | 10% | 309 | 10% | 330 | 12% |
| Bấp | 323 | 5% | 205 | 7% | - | - |
| Dịch vụ | 254 | 4% | 224 | 7% | 229 | 8% |
| Bất động sản đầu tư | 215 | 3% | - | - | - | - |
| Căn hộ | 198 | 3% | 238 | 8% | 247 | 9% |
| Cao su | 196 | 3% | 227 | 7% | 241 | 9% |
| Khoáng sản | - | - | 44 | 2% | 231 | 8% |
| Thủy điện | - | - | - | - | 122 | 5% |
| Tổng doanh thu | 6.252 | | 3.054 | | 2.771 | |



Trong đó:

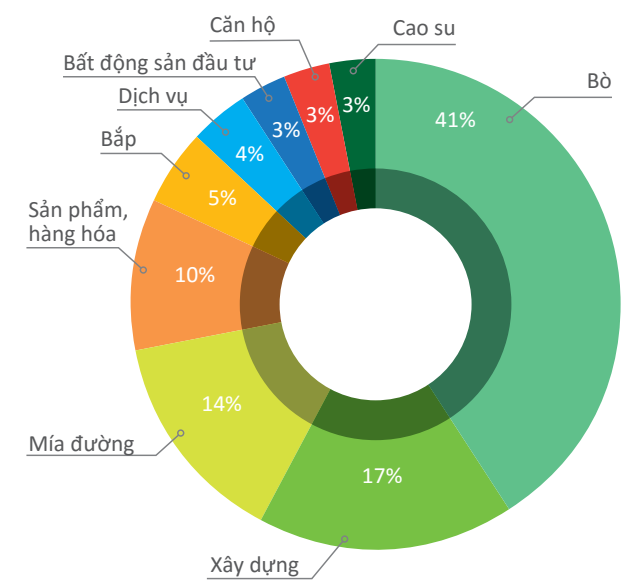
- **Doanh thu bán bò** đạt 2.541 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 41%. Số lợi nhuận gộp đạt 743 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 29%. Đây là ngành đóng góp chính vào sự tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận gộp của HAGL trong năm 2015.
- **Doanh thu xây dựng** đạt 1.040 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 17%. Số lợi nhuận gộp đạt 240 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 23%. So với năm 2014, doanh thu xây dựng tăng 275 tỷ đồng chủ yếu đến từ việc xây chuồng trại cho ngành chăn nuôi bò, hoàn thành nghiệm thu sân bay Attapeu và nghiệm thu một phần khối lượng xây dựng sân bay Nongkhang, tỉnh Huaphan, Lào.
- **Doanh thu ngành mía đường** đạt 871 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 14%. Số lợi nhuận gộp đạt 370 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 42%. So với năm

2014, doanh thu ngành mía đường giảm 171 tỷ đồng, nguyên nhân do đã chuyển một phần diện tích trồng mía sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò theo kế hoạch đề ra từ đầu. Tuy nhiên, với sự hoạt động ổn định của nhà máy và vùng nguyên liệu mía, ngành đường góp phần mang lại nguồn thu ổn định cho HAGL.

- **Doanh thu sản phẩm, hàng hóa** đạt 614 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 10%. Số lợi nhuận gộp đạt 95 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 16%. So với năm 2014, doanh thu sản phẩm, hàng hóa tăng 305 tỷ đồng, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu ngành chăn nuôi bò và trồng trọt.
- **Doanh thu bấp** đạt 323 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 5%. Số lợi nhuận gộp đạt 196 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 61%.

- **Doanh thu dịch vụ** đạt 254 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 4%. Số lợi nhuận gộp đạt 53 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 21%. So với năm 2014, doanh thu dịch vụ tăng chủ yếu do dịch vụ y tế của Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai và kinh doanh khách sạn.
- **Doanh thu bán bất động sản đầu tư** đạt 215 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 3%. Số lợi nhuận gộp đạt 116 tỷ đồng, chủ yếu là do bán đất tại đường Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng.
- **Doanh thu bán căn hộ** đạt 198 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 3%. Số lợi nhuận gộp đạt 36 tỷ đồng và tỷ lệ lợi nhuận gộp đạt 18%. So với năm 2014, doanh thu bán căn hộ giảm 40 tỷ đồng, chủ yếu do dự án Bàu Thạc Gián, Đà Nẵng đã bán gần hết.
- **Doanh thu cao su** đạt 196 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 3%. Nguyên nhân là do trong năm 2015 giá cao su giảm sâu nên HAGL không tăng diện tích khai thác mới mà chỉ duy trì phần diện tích đã khai thác trước đó dẫn đến doanh thu giảm so với năm 2014.

CƠ CẤU DOANH THU



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài sản



Tổng tài sản năm 2015 tăng 35% so với năm 2014, tương đương với

12.744 TỶ ĐỒNG

Tổng tài sản năm 2015 tăng 35% so với năm 2014, tương đương với 12.744 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| CHỈ TIÊU | 2015 | 2014 | Biến động | % |
|-----------------------------------|---------------|---------------|---------------|------------|
| Tài sản ngắn hạn | 13.216 | 9.678 | 3.538 | 37% |
| Tài sản dài hạn | 36.012 | 26.806 | 9.206 | 34% |
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 21.459 | 12.747 | 8.712 | 68% |
| - Tài sản dài hạn khác | 14.553 | 14.059 | 494 | 4% |
| Tổng tài sản | 49.228 | 36.484 | 12.744 | 35% |

Tổng tài sản tăng chủ yếu do chi phí xây dựng cơ bản dở dang năm nay tăng khá mạnh, tăng 8.712 tỷ. Nguyên nhân HAGL đang trong quá trình đầu tư vào các dự án, chi tiết như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| CHỈ TIÊU | 2015 | 2014 | Biến động | % |
|--|---------------|---------------|--------------|------------|
| Chi phí trồng cây cao su và cây cọ dầu | 10.813 | 6.634 | 4.179 | 63% |
| Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar | 5.495 | 2.717 | 2.778 | 102% |
| Nhà máy thủy điện | 3.305 | 1.667 | 1.638 | 98% |
| Các công trình khác | 1.846 | 1.729 | 117 | 7% |
| Chi phí XD/CB dở dang | 21.459 | 12.747 | 8.712 | 68% |

b. Tình hình nợ phải trả

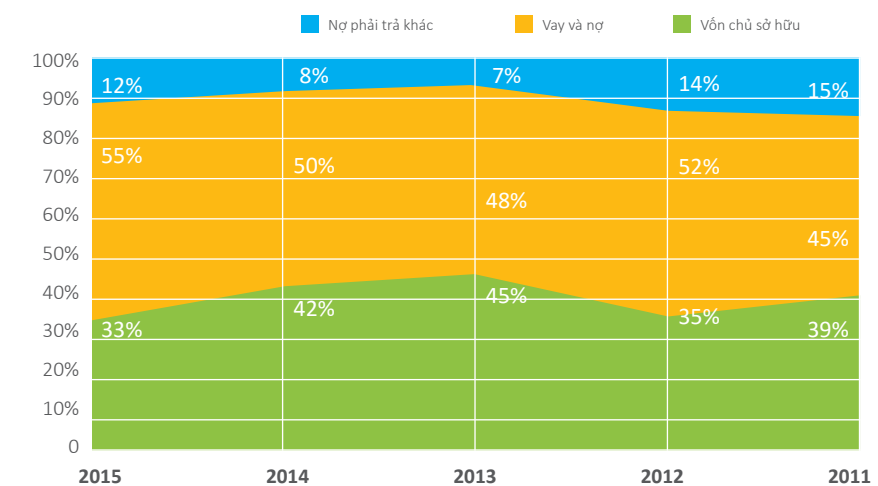
Trong năm 2015, tổng nợ phải trả của HAGL đã tăng thêm 11.833 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| CHỈ TIÊU | 2015 | 2014 | Biến động | % |
|-----------------------------|---------------|---------------|---------------|------------|
| Nợ ngắn hạn | 13.213 | 9.457 | 3.756 | 40% |
| - Vay và nợ ngắn hạn | 8.298 | 6.840 | 1.458 | 21% |
| - Nợ phải trả ngắn hạn khác | 4.915 | 2.617 | 2.298 | 88% |
| Nợ dài hạn | 19.749 | 11.672 | 8.077 | 69% |
| - Vay và nợ dài hạn | 18.801 | 11.287 | 7.514 | 67% |
| - Nợ phải trả dài hạn khác | 948 | 385 | 563 | 146% |
| Tổng nợ phải trả | 32.962 | 21.129 | 11.833 | 56% |

Tổng nợ phải trả chiếm đến 67% tổng nguồn vốn của HAGL vào cuối năm 2015. Chi tiết như sau:

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU



Với hệ số vay trên tổng tài sản tăng từ 0,5 lần vào cuối năm 2014 lên 0,55 lần vào cuối năm 2015 và hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu tăng từ 1,18 lần vào cuối năm 2014 lên 1,67 lần vào cuối năm 2015 cho thấy HAGL đang sử dụng đòn bẩy tài chính với mong muốn làm gia tăng lợi nhuận ròng trên mỗi cổ phiếu. Tuy nhiên, việc sử dụng đòn bẩy tài chính này chưa thực sự mang lại hiệu quả cho HAGL do đang là thời điểm chuyển giao từ giai đoạn kiến thiết cơ bản sang giai đoạn hoạt động kinh doanh, trong khi nguồn thu chưa đủ lớn nhưng HAGL lại phải chi trả các khoản nợ gốc và lãi vay đến hạn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Ngành mía đường: đang là nhân tố đóng góp phần quan trọng vào doanh thu của Công ty.

Ngành cao su: chưa đem lại doanh thu khả quan vì giá cao su sụt giảm mạnh. Đối với ngành này, cần chờ thời gian để hồi phục.

Ngành cọ dầu: dự kiến sẽ thu hoạch và vận hành thử nhà máy từ Quý III/2016.

Ngành chăn nuôi: là ngành chủ đạo đem lại doanh thu lớn chỉ sau một thời gian ngắn hoạt động.

Về hệ thống quản trị Công ty: đang tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao năng lực chuyên môn của bộ máy quản lý và lãnh đạo Công ty, tăng cường quản lý theo ngành nghề kinh doanh và thực hiện quản trị chiến lược bao gồm hoạch định, thực thi, kiểm tra và đánh giá chiến lược.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Theo sự điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực thi công việc đã đề ra. Tuy nhiên, trong năm 2015 do những khó khăn chung nên chưa đạt được các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cơ bản, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận. Ban Tổng Giám đốc cũng đã thường xuyên báo cáo kịp thời với HĐQT về tiến độ thực hiện và các vướng mắc phát sinh cần HĐQT chỉ đạo.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc có sự liên lạc thông tin thường xuyên, phối hợp chặt chẽ trong định hướng, chỉ đạo và thực thi công việc thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ cũng như các cuộc họp đột xuất. Qua đó, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cùng nắm bắt tình hình hoạt động Công ty và phối hợp giải quyết các khó khăn trong huy động nguồn vốn để chăm sóc vườn cây, đàm phán với chủ nợ về việc gia hạn thời gian trả nợ gốc và lãi, và một số khó khăn khác phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, các vấn đề lớn phát sinh trong Công ty đều được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phối hợp để xử lý kịp thời, hiệu quả.

Năm 2015, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi từ biến động giá hàng hóa trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã có sự phối kết chặt chẽ với HĐQT, điều hành Công ty tuân thủ theo chỉ đạo của HĐQT và có những đề xuất kịp thời với HĐQT để đưa Công ty vượt qua khó khăn.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2016

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị sẽ chỉ đạo cho Ban Tổng Giám đốc kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và chuyên nghiệp.

Về mặt tài chính: Hiện nay Công ty gặp khó khăn về dòng tiền, tuy nhiên khó khăn này chỉ là tạm thời vì các dự án đầu tư của Công ty đều có nhiều tài sản có giá trị, có khả năng tạo ra dòng tiền để trả nợ nếu được tiếp tục đầu tư, chăm sóc và tăng cường quản lý hơn nữa. Bên cạnh việc tái cơ cấu nợ, Công ty sẽ nỗ lực thu xếp nguồn vốn vay mới để đầu tư, chăm sóc các vườn cây. Công ty cũng sẽ bán bớt các tài sản không hiệu quả và tập trung vào các ngành nghề cốt lõi.

Đối với các ngành nghề trồng trọt, Công ty không mở rộng diện tích trồng mới mà chỉ tập trung vào chăm sóc và khai thác; bảo trì và vận hành tốt các nhà máy chế biến cao su, mía đường và cọ dầu.

Đối với chăn nuôi, Công ty tập trung phát triển đàn bò thịt để tận dụng nguồn phụ phẩm thức ăn đang sẵn có. Tích cực triển khai công tác xây dựng chuồng trại, trồng cỏ và bắp, xây dựng cơ sở hạ tầng tưới tiêu và vận chuyển để đáp ứng số lượng phát triển của đàn bò.

Đối với dự án khu phức hợp bất động sản tại Myanmar, trong 6 tháng đầu năm 2016 sẽ hoàn thành và vận hành chính thức khách sạn 5 sao. Tiếp tục triển khai xây dựng giai đoạn 2 phù hợp với khả năng dòng tiền thu từ kinh doanh giai đoạn 1 và bán căn hộ của giai đoạn 2.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

| STT | Họ và tên | Ngày 31/12/2014 | | Ngày 20/01/2016 | | Thay đổi | | Nguyên nhân thay đổi |
|-----|-------------------------------------|-----------------|--------|-----------------|--------|-----------|-------|----------------------|
| | | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | |
| 1 | Đoàn Nguyên Đức - Chủ tịch HĐQT | 342.765.533 | 43,39% | 347.765.533 | 44,02% | 5.000.000 | 0,63% | đăng ký mua thêm |
| 2 | Đoàn Nguyên Thu - Thành viên HĐQT | 6.457.456 | 0,82% | 6.457.456 | 0,82% | - | 0,00% | |
| 3 | Phan Thanh Thủ - Thành viên HĐQT | 29.426 | 0,00% | 29.426 | 0,00% | - | 0,00% | |
| 4 | Nguyễn Văn Minh - Thành viên HĐQT | 3.370.057 | 0,43% | 3.370.057 | 0,43% | - | 0,00% | |
| 5 | Võ Trường Sơn - Thành viên HĐQT | 603.654 | 0,08% | 803.654 | 0,10% | 200.000 | 0,03% | đăng ký mua thêm |
| 6 | Võ Thị Huyền Lan - Thành viên HĐQT | - | - | - | - | - | 0,00% | |
| 7 | Nguyễn Xuân Thắng - Thành viên HĐQT | 20.598 | 0,00% | 30.598 | 0,00% | 10.000 | 0,00% | đăng ký mua thêm |

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

| STT | Họ và tên | Ngày 31/12/2014 | | Ngày 20/01/2016 | | Thay đổi | | Nguyên nhân thay đổi |
|-----|------------------------------------|-----------------|--------|-----------------|--------|----------|--------|----------------------|
| | | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | |
| 1 | Hồ Thị Kim Chi - Phó Tổng Giám đốc | 145.159 | 0,018% | 145.159 | 0,018% | - | 0,000% | |

TỶ LỆ SỞ HỮU CÁC THÀNH VIÊN BKS

| STT | Họ và tên | Ngày 31/12/2014 | | Ngày 20/01/2016 | | Thay đổi | | Nguyên nhân thay đổi |
|-----|-----------------------------------|-----------------|-------|-----------------|-------|----------|-------|----------------------|
| | | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | |
| 1 | Lâm Hoàng Hải - Trưởng BKS | 0 | 0% | 0 | 0% | 0 | 0% | |
| 2 | Nguyễn Tấn Anh - Thành viên BKS | 0 | 0% | 0 | 0% | 0 | 0% | |
| 3 | Nguyễn Thị Huyền - Thành viên BKS | 63.140 | 0,01% | 63.140 | 0,01% | 0 | 0% | |

CỔ ĐÔNG LỚN THỜI ĐIỂM 20/01/2016

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
|---------------------------------------|---------------------|-----------------------|-------------------------------|-------------|--------------|
| Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên) | | | | | |
| 1 | Đoàn Nguyên Đức | 230046495 | 147 Trần Phú, Pleiku, Gia lai | 347.765.533 | 44,02% |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO DANH SÁCH

| Danh mục | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|--|-------------|--------|
| Tổng vốn cổ phần | 789.967.947 | 100% |
| Cổ đông sáng lập | 357.593.050 | 45,27% |
| Cổ phiếu quỹ | 68.664 | 0,01% |
| Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết) | - | 0,00% |
| Cổ đông nắm giữ từ 1%-5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 98.384.701 | 12,46% |
| Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 333.921.532 | 42,27% |

Trong đó:

| | | |
|--------------------|-------------|--------|
| Cổ đông nước ngoài | | |
| Tổ chức | 103.769.536 | 13,14% |
| Cá nhân | 5.230.730 | 0,66% |

THAY ĐỔI VỐN CỔ PHẦN

Trong năm 2015 công ty không có quá trình tăng vốn
Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2015: 789.967.947

| Quá trình tăng vốn qua từng năm | Tỷ đồng |
|---------------------------------|---------|
| 1/6/2006 | 289 |
| 31/12/2006 | 297 |
| 31/12/2007 | 1.200 |
| 31/12/2008 | 1.789 |
| 31/12/2009 | 2.705 |
| 31/12/2010 | 3.115 |
| 31/12/2011 | 4.673 |
| 31/12/2012 | 5.374 |
| 31/12/2013 | 7.182 |
| 31/12/2014 | 7.900 |
| 31/12/2015 | 7.900 |

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU THEO TỪNG LOẠI

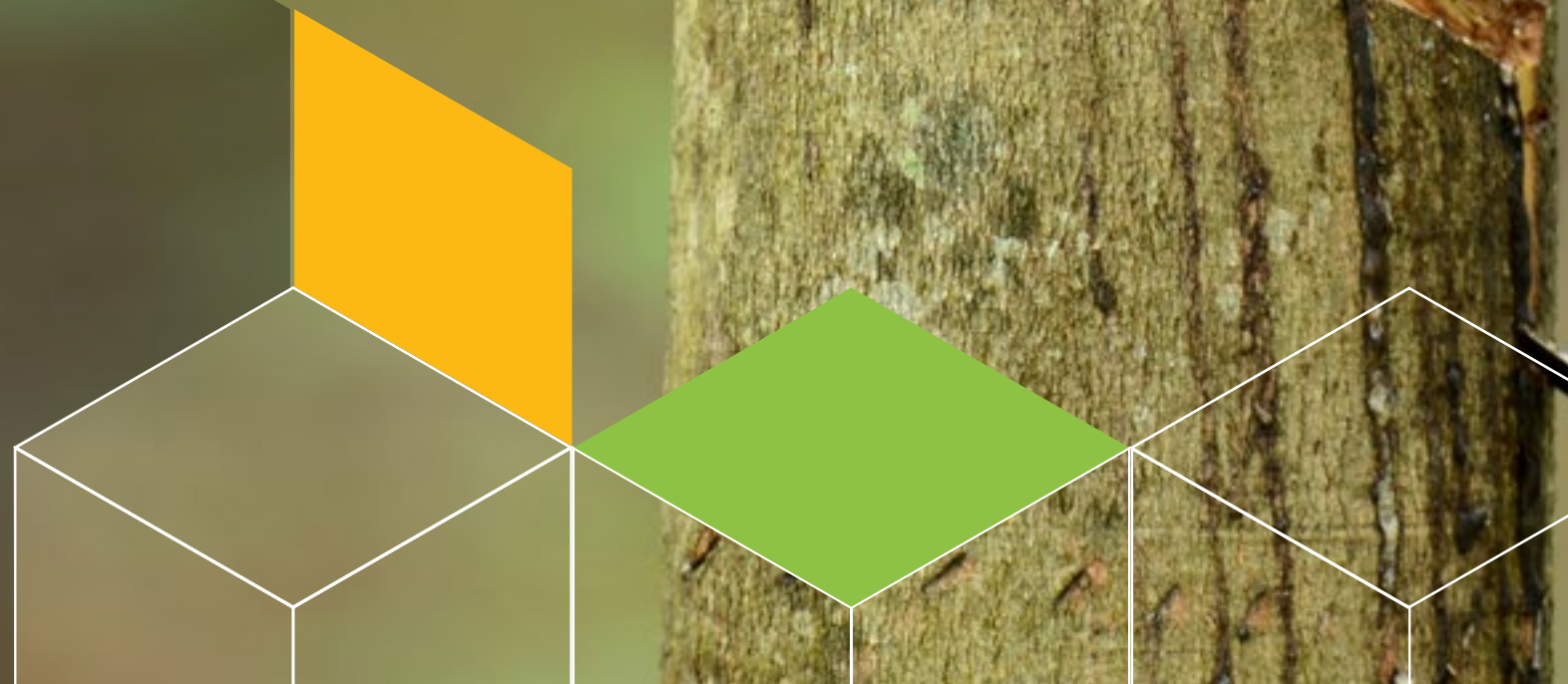
Tổng số cổ phiếu
được phép phát hành
789.967.947

Số lượng cổ phần
đã phát hành và góp vốn đầy đủ
789.967.947

Cổ phiếu quỹ
68.664



**KIẾN TẠO
GIÁ TRỊ**



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”, “HAG”) tổ chức họp 13 lần:

1

Ngày 19 tháng 1 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “Thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động trong Công ty”;

2

Ngày 30 tháng 3 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2014, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015, bổ nhiệm Tổng Giám đốc và các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015”;

3

Ngày 03 tháng 4 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “Thông qua việc đổi tên Công ty CP Cao su Hoàng Anh Gia Lai sang Công ty CP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, thông qua việc niêm yết Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh”;

4

Ngày 13 tháng 5 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “Thông qua phương án mua cổ phiếu quỹ của Công ty”;

5

Ngày 19 tháng 5 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “Thông qua nguyên tắc xác định giá của phương án mua lại cổ phiếu quỹ tại Nghị quyết HĐQT số 1305/15/NQHĐQT-HAGL ngày 13/005/2015”;

6

Ngày 08 tháng 6 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “Thông qua việc chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản”;

7

Ngày 01 tháng 7 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “ Thông qua việc cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh Quý II năm 2015 của Công ty và triển khai việc niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai”;

8

Ngày 05 tháng 7 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “ Thông qua việc thay đổi phương án mua cổ phiếu quỹ”;

9

Ngày 14 tháng 8 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “ Thông qua việc báo cáo tình hình tài chính Quý II/2015 và thông qua việc từ nhiệm và bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới của Công ty”;

10

Ngày 24 tháng 8 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “ Thông qua việc sửa đổi một số điều khoản và điều kiện của Trái phiếu HAG- CB2011 được phát hành theo phương án phát hành Trái phiếu chuyển đổi được ĐHCĐ thông qua ngày 18/08/2010”;

11

Ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “ Thông qua việc triển khai phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu”;

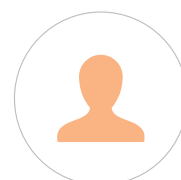
12

Ngày 22 tháng 10 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “ Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2015”;

13

Ngày 30 tháng 11 năm 2015, Công ty tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị với nội dung “ Thông qua kế hoạch hoạt động tài chính của công ty mẹ và các công ty con và thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu của công ty con để trả cổ tức hoặc cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu của Công ty mẹ”.

THÀNH PHẦN THAM DỰ:



ÔNG ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC
Chủ tịch

SỐ LẦN THAM DỰ 13 ~ 100%

ÔNG ĐOÀN NGUYỄN THU
Thành viên

SỐ LẦN THAM DỰ 13 ~ 100%

ÔNG NGUYỄN VĂN SỰ
Thành viên

SỐ LẦN THAM DỰ 8 ~ 60%

LÝ DO Từ nhiệm ngày 14/08/2015

ÔNG NGUYỄN VĂN MINH
Thành viên

SỐ LẦN THAM DỰ 13 ~ 100%

ÔNG PHAN THANH THỦ
Thành viên

SỐ LẦN THAM DỰ 10 ~ 77%

BÀ VÕ THỊ HUYỀN LAN
Thành viên

SỐ LẦN THAM DỰ 13 ~ 100%

ÔNG PORNCHAI LUEANG-A-PAPONG
Thành viên

SỐ LẦN THAM DỰ 3 ~ 23%

LÝ DO Từ nhiệm ngày 15/04/2015

ÔNG VÕ TRƯỜNG SƠN
Thành viên

SỐ LẦN THAM DỰ 11 ~ 84%

LÝ DO Bầu bổ sung ngày 15/04/2015

ÔNG NGUYỄN XUÂN THẮNG
Thành viên

SỐ LẦN THAM DỰ 4 ~ 30%

LÝ DO Bầu bổ sung ngày 14/08/2015

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

Hội đồng Quản trị đã tích cực chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 ngày 15/04/2015 thành công tốt đẹp.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc và các bộ phận có liên quan tổ chức các sự kiện lớn:

- Ngày 30/05/2015, tại tỉnh Attapeu – Lào, Lễ khánh thành và bàn giao Sân bay quốc tế Attapeu đã được tổ chức long trọng với sự tham dự của Chủ tịch nước Việt Nam Trương Tấn Sang; Tổng Bí thư, Chủ tịch nước CHDCND Lào Chummaly Sayasone cùng đoàn đại biểu cấp cao của hai nước.
- Ngày 23/06/2015, Công ty đã ký kết lễ bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 1 dự án Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, tại Yangon, Myanmar với sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, Phó Tổng thống Myanmar Sai Mauk Kham, cùng đoàn đại biểu cấp cao hai nước Việt Nam và Myanmar cùng gần 400 doanh nghiệp hai nước.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo và giám sát tình hình hoạt động của Công ty trong việc niêm yết cổ phiếu tại sàn Giao dịch thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”). Tháng 7/2015, Hoàng Anh Gia Lai lọt top 10 doanh nghiệp niêm yết uy tín nhất trên truyền thông năm 2015.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan tiến hành hoàn thiện thủ tục niêm yết cổ phiếu HNG (“Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai”). Ngày 20/07/2015, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức trao quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan phát hành thành việc phát hành 2.150 triệu phiếu với tổng trị giá 2.150 tỷ đồng ngày 23/07/2015.

Ngày 29/09/2015, Công ty Cổ phần thực phẩm dinh dưỡng NutiFood đã cho ra mắt sản phẩm mới Nuti sữa tươi 100%, thành quả từ sự hợp tác với Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, đồng thời công bố dự án hợp tác phát triển vùng nguyên liệu cho sữa đậu nành giữa NutiFood, Hoàng Anh Gia Lai và Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo và quản lý tốt tình hình Quản trị của Công ty. Ngày 14/11/2015, HAGL đã được trao giải Top 2 Công ty niêm yết có điểm Quản trị Doanh nghiệp cải thiện tốt nhất tại Việt Nam do Diễn đàn Thị trường vốn ASEAN (ACMF) hợp tác với Ủy ban Giao dịch Chứng khoán Philippines tổ chức tại Manila Polo Club, Manila, Philippines nhằm vinh danh Top 50 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quản trị tốt nhất trong khu vực ASEAN.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan tổ chức sự kiện ngày 5/12/2015, Tập đoàn HAGL đã chính thức khai trương Trung tâm thương mại Myanmar Plaza hiện đại và lớn nhất thành phố Yangon.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan thực hiện tốt các công tác cộng đồng xã hội trong năm 2015 thông qua việc tặng 30 con bò giống cho người dân nghèo tại huyện Thăng Bình, Quảng Nam.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan hỗ trợ Công ty kiểm toán E&Y trong việc kiểm toán cuối năm sao cho chính xác, chính xác và đúng pháp luật.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | THÀNH VIÊN | CHỨC DANH | TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT (31/12/2015) |
|-----|---------------------|------------|---|
| 1 | Ông Lâm Hoàng Hải | Trưởng ban | 0,00% |
| 2 | Ông Nguyễn Tấn Anh | Thành viên | 0,00% |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên | 0,01% |

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát (BKS) do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra để thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Trong năm 2015, BKS tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và khuyến nghị các thay đổi cần thiết trong công tác điều hành hoạt động Công ty, tăng cường các biện pháp giám sát, đảm bảo hoạt động tài chính của Công ty rõ ràng và minh bạch.

BKS tiến hành họp định kỳ hàng quý để đánh giá các hoạt động của các thành viên BKS cũng như xem xét và đánh giá số liệu Báo cáo tài chính hàng quý của BDH, xem xét phạm vi, kết quả kiểm toán với kiểm toán độc lập.

KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2015

Trong năm 2015, do những bất ổn về kinh tế thị trường nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện các nội dung được thông qua trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015, cụ thể như sau:

Công ty đã thực hiện việc trích lập các quỹ bao gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển: 5%
- Quỹ phúc lợi: 3%

Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và Ban Thư ký:

Trong năm 2015, Công ty đã chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và Ban Thư ký như sau:

- Thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành: 22.000.000 đồng/tháng/người.
- Thành viên BKS: Trưởng ban: 15.000.000 đồng/tháng/người, thành viên: 11.000.000 đồng/tháng/người.
- Trích 5% lợi nhuận sau thuế thường theo kết quả kinh doanh cho các Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc và Ban Thư ký: không thực hiện.

Chi trả cổ tức năm 2014:

- Chưa thực hiện.

Kết quả kinh doanh năm 2015:

- Doanh thu đạt 117%, lợi nhuận trước thuế TNDN đạt 38% so với kế hoạch.

Giám sát tình hình tài chính năm 2015

Trong năm 2015, BKS tiếp tục đẩy mạnh sự tương tác thường xuyên với Kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam) đánh giá tình hình hoạt động và các biện pháp phòng ngừa rủi ro của các hoạt động tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên.

Do tình hình hoạt động kinh doanh không thuận lợi, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu nên kiểm toán đã lưu ý về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

Ngoài ra, Công ty có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Giám sát hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH và cổ đông

Trong năm 2015, BKS đã tham dự các cuộc họp HĐQT, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế tại Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban TGD trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

BKS được tiếp cận và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về các quyết định của HĐQT, các tài liệu, hồ sơ khác lưu trữ tại Công ty khi có yêu cầu.

BKS thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo các thông tin đến Cổ đông một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời. Đồng thời BKS cũng không nhận được đơn thư, yêu cầu hoặc khiếu nại nào của Cổ đông trong năm.

Xét chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016

BKS đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn công ty Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016 trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

QUẢN TRỊ RỦI RO

Hoàng Anh Gia Lai hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trên nhiều lãnh thổ khác nhau. Vì vậy có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lãnh thổ và từng điều kiện kinh tế. Tập đoàn xác định các loại rủi ro chính và thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro như sau:

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Bản chất:

Giá cả các sản phẩm đầu ra của ngành trồng trọt và chăn nuôi của Tập đoàn như cao su, đường, dầu cọ, bắp, thịt bò, sữa,... đều liên thông với thị trường thế giới và biến động hàng ngày, hàng giờ. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến mức lợi nhuận, dòng tiền và tiến độ thu hồi vốn đầu tư. Ngành bất động sản chịu tác động trực tiếp từ những thay đổi của thị trường tài chính và tình hình kinh tế vĩ mô, do đó, những biến động bất lợi của nền kinh tế có thể dẫn đến suy giảm tính thanh khoản của thị trường bất động sản cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến giá bán của sản phẩm các dự án.

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Bằng chiến lược chi phí thấp áp dụng nhất quán trong tất cả các ngành nghề kinh doanh, Tập đoàn luôn kiểm soát chi phí đầu tư và giá thành ở mức thấp nhất. Vì vậy, biên độ lợi nhuận của các sản phẩm đầu ra đủ lớn để có thể duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu cho Tập đoàn trong tình huống giá cả hàng hoá trên thị trường thế giới giảm mạnh. Trong tình huống xấu nhất thì cũng giảm thiểu được thua lỗ trong ngắn hạn. Ngoài ra, chiến lược đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh cũng có thể giúp cho Tập đoàn lấy lợi nhuận của ngành này bù cho ngành khác khi giá cả một loại hàng hoá nào đó giảm trong khi các loại hàng hoá khác không bị ảnh hưởng. Trong tương lai dài, Tập đoàn cũng sẽ nghiên cứu áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro như hợp đồng mua bán kỳ hạn, hợp đồng mua bán dài hạn kỳ với các đối tác lớn với giá cố định trước...

RỦI RO TỈ GIÁ

Bản chất:

Trong những năm gần đây, tỉ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ (đặc biệt là đô la Mỹ) biến động không nhiều, nằm trong tầm kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước, vì vậy, không ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của

Tập đoàn có quan hệ thanh toán bằng ngoại tệ với các đối tác nước ngoài, đặc biệt là đối với các thương vụ nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu, vật liệu xây dựng... Tuy nhiên, Tập đoàn vẫn luôn coi trọng công tác quản lý rủi ro tỉ giá và có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, đề phòng các ảnh hưởng xấu khi những biến động lớn về tỉ giá có thể xảy ra trong tương lai.

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu, do đó các biến động tăng hoặc giảm của tỷ giá sẽ được bù trừ lẫn nhau làm giảm ảnh hưởng lên lợi nhuận và dòng tiền. Bên cạnh đó, nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Tập đoàn chủ động hơn trong giao dịch nhập khẩu cần ngoại tệ.

Kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài đều được Tập đoàn tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

RỦI RO LÃI SUẤT

Bản chất:

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án, đặc biệt là dự án bất động sản tại Myanmar, dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa. Phần lớn nguồn vốn này được huy động từ ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Hiện nay trên thị trường Việt Nam chưa phổ biến các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất, vì vậy Tập đoàn chưa có biện pháp hữu hiệu để hạn chế rủi ro lãi suất, vẫn bị ảnh hưởng mỗi khi lãi suất thị trường tăng lên.

RỦI RO TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Bản chất:

Tập đoàn có những ngành nghề kinh doanh mà thời gian triển khai dự án dài như: các dự án bất động sản thường có tiến độ triển khai khoảng 3 đến 5 năm, dự án cao su khoảng trên 5 năm, cọ dầu khoảng trên 3 năm. Công tác triển khai bao gồm thực hiện thủ tục pháp lý về đất đai, môi trường, giải phóng mặt bằng, đền bù giải toả, khai hoang, trồng trọt, xây dựng, chăm bón cây... Các vướng mắc nảy sinh trong bất cứ khâu nào đều có thể ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai toàn dự án làm chậm tốc độ quay vòng vốn và tác động tiêu cực đến kế hoạch kinh doanh.

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Với nhiều kinh nghiệm trong quản lý dự án và mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng có liên quan, Tập đoàn luôn chủ động kiểm soát tiến độ triển khai các dự án của mình. Bên cạnh đó, các dự án được tiến hành gối đầu nhau, kế hoạch kinh doanh và tốc độ quay vòng vốn của Tập đoàn cũng hạn chế bị phụ thuộc vào từng dự án riêng lẻ.

RỦI RO PHÁP LÝ

Bản chất:

Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán... Các văn bản luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Tập đoàn.

Ngoài ra, thị trường bất động sản cũng bị chi phối bởi Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản... Sự thay đổi của các văn bản pháp luật này có thể ảnh hưởng đến tính thanh khoản của thị trường bất động sản cũng như thời gian làm thủ tục và phương thức huy động vốn đầu tư các dự án của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Tập đoàn xây dựng bộ phận pháp lý gồm các luật sư có bằng cấp và giàu kinh nghiệm. Bộ phận này thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn để kịp thời tư vấn cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, bộ phận pháp lý còn có trách nhiệm rà soát các văn bản hợp đồng trong những giao dịch hàng ngày của Tập đoàn để hạn chế các rủi ro pháp lý có liên quan.

Khi cần thiết, Tập đoàn có thể nhờ các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp.

CÁC RỦI RO PHI HỆ THỐNG KHÁC

Bản chất:

Mỗi ngành nghề kinh doanh có thể gắn với một hay nhiều rủi ro phi hệ thống khác, chẳng hạn như ngành trồng trọt gắn với rủi ro thiên tai, hạn hán, bão lụt, hoả hoạn; ngành chăn nuôi gắn với rủi ro dịch bệnh; ngành bất động sản có thể gắn với rủi ro cháy nổ, tai nạn trong quá trình xây dựng; ngành thủy điện gắn với rủi ro hạn hán... Dù muốn hay không thì các rủi ro này vẫn luôn tồn tại và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Biện pháp hạn chế rủi ro:

Tập đoàn tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro cho từng ngành và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro. Đồng thời xác định loại hình dịch vụ bảo hiểm đang có cho loại rủi ro đó và chi phí bảo hiểm. Trên cơ sở đó quyết định tự bảo hiểm hay mua bảo hiểm phù hợp cho từng loại rủi ro. Tập đoàn đã mua đầy đủ các loại bảo hiểm xây dựng, bảo hiểm hỏa hoạn cho các dự án bất động sản, nhà xưởng; bảo hiểm rủi ro trong chăn nuôi cho các nông trường bò; bảo hiểm cây trồng cho các nông trường cao su, cọ dầu, mía, bắp; bảo hiểm tai nạn lao động cho cán bộ công nhân viên; bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ ba...

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)



Chủ tịch HAGL - Ông Đoàn Nguyên Đức đang trao đổi với các Nhà đầu tư tại dự án



Nhà đầu tư tham quan trang trại bò HAGL



Phó thủ tướng Lào Somsavat Lengsavat tham quan dự án HAGL Attapeu



Nhà đầu tư tham quan nông trường cọ dầu

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Nhận thức tầm quan trọng và ảnh hưởng của các cổ đông, nhà đầu tư đối với sự phát triển của doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo HAGL luôn chủ động chia sẻ, cập nhật thông tin một cách thường xuyên và liên tục. Qua đó, tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư nắm bắt thông tin và có cái nhìn toàn diện về Tập đoàn để có thể đưa ra quyết định đúng đắn và kịp thời.

MINH BẠCH HÓA THÔNG TIN

HAGL đẩy mạnh minh bạch thông tin đến nhà đầu tư thông qua các hoạt động:

- Chủ động công bố thông tin kịp thời về tình hình hoạt động đầu tư kinh doanh, tình hình tài chính thông qua báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông cáo báo chí trên website của Công ty tại địa chỉ: www.hagl.com.vn, website của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và các kênh truyền thông khác.
- Lãnh đạo Tập đoàn trực tiếp trao đổi, lắng nghe ý kiến của các cổ đông, nhà đầu tư thông qua việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, các buổi gặp gỡ trực tiếp, hội nghị các nhà đầu tư, trao đổi qua điện thoại, roadshow nhằm giúp cho họ có cái nhìn toàn diện về Tập đoàn.

CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC NHÀ ĐẦU TƯ

Để giúp cho các nhà đầu tư và đối tác nắm tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, HAGL thường xuyên tổ chức các chuyến đi thực tế, thăm quan vùng dự án Tập đoàn đầu tư tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar. Qua những chuyến đi thực tế, Ban Lãnh đạo có cơ hội trực tiếp trao đổi thông tin, trò chuyện thân mật, lắng nghe ý kiến và giải đáp thắc mắc để các nhà đầu tư, đối tác nắm rõ về tình hình hoạt động của công ty. Năm 2015, HAGL đã mời các nhà đầu tư, đối tác, đại diện các cơ quan chức năng tham dự các sự kiện như Lễ khánh thành sân bay Attapeu tại Lào, Lễ bàn giao giai đoạn 1 trung tâm mua sắm tại Yangon - Myanmar, tham quan dự án chăn nuôi HAGL tại Gia Lai...

**NIỀM TIN
CHO TƯƠNG LAI**



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo Phát triển bền vững 2015 của HAGL tập trung ghi lại những hoạt động quan trọng của Tập đoàn liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững trong năm 2015 thông qua mô hình 6P: Productivity – Hiệu suất làm việc, People – Con người, Planet – Hành tinh, môi trường, Partners – Đối tác, Portfolio – Nền tảng cốt lõi và Profit – Lợi nhuận. Để từng bước đạt được mục tiêu này, HAGL chọn tập trung vào 4 chủ điểm trọng yếu:



Báo cáo này được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn trong Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững GRI, phiên bản G4 của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Index).

Niên độ báo cáo: 01/01/2015 - 31/12/2015

THÔNG TIN LIÊN HỆ VỀ BÁO CÁO

Mọi ý kiến đóng góp hoặc những câu hỏi liên quan đến báo cáo xin vui lòng liên hệ:

ÔNG NGUYỄN TẤN ANH

Chức vụ: Giám đốc Truyền thông

SĐT: 08 3866 9208

Địa chỉ: Tòa nhà HAGL, số 7/1 Thành Thái, Q.10, TP.HCM

Email: anh.nguyen@hagl.com.vn

Nội dung chi tiết về các hoạt động phát triển bền vững có thể xem thêm tại website HAGL: www.hagl.com.vn

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Là một trong những Tập đoàn tư nhân hàng đầu Việt Nam, HAGL luôn nỗ lực trong các hoạt động đầu tư kinh doanh nhằm tạo ra những lợi ích tốt nhất cho cán bộ công nhân viên, tạo ra giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư đồng thời góp phần phát triển kinh tế đất nước.

TẠO TIỀN ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẤT NƯỚC VÀ KHU VỰC

Ngoài những giá trị đóng góp trực tiếp cho ngân sách địa phương và nhà nước, việc Tập đoàn đầu tư phát triển các dự án với quy mô lớn tại Tây Nguyên, Lào, Campuchia và Myanmar đã tạo điều kiện và lực đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế vùng dự án đầu tư thông qua việc tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người dân. Bằng việc tiên phong đầu tư công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, HAGL đã góp phần từng bước thay đổi tập quán sống bán sơ khai sang lối sống công nghiệp, định canh định cư, góp phần cải thiện đời sống, mang lại thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, HAGL chủ động thực hiện các chương trình an sinh xã hội tại địa phương như xây dựng cơ sở hạ tầng gồm cầu đường, sân bay, bệnh viện, trường học, giếng nước, khu tái định cư,...

Với những thành công bước đầu trong hoạt động kinh doanh tại 3 nước Lào, Campuchia và Myanmar, HAGL đã nhận được tín nhiệm từ Chính phủ các nước, qua đó góp phần tăng cường mối quan hệ hữu nghị, xúc tiến giao lưu thương mại giữa các lân bang, thúc đẩy sự phát triển kinh tế trong khu vực.



Lễ khai trương Trung tâm thương mại Myanmar Plaza thuộc khu phức hợp HAGL Myanmar Center



Lễ trao giấy chứng nhận đầu tư và ký kết thỏa thuận hỗ trợ phát triển đàn bò sữa tại Hà Nam

TẠO GIÁ TRỊ CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Với phương châm “Cân bằng lợi ích để gia tăng hiệu quả”, HAGL luôn hoạt động với mục tiêu: Vì lợi ích phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư.

Năm 2015 kinh tế toàn cầu vẫn còn những bất ổn, chưa lấy lại được đà tăng trưởng và quá trình phục hồi còn chậm, giá cả hàng hóa biến động mạnh theo xu hướng giảm gây ảnh hưởng lớn đến các nước xuất khẩu đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và HAGL cũng không phải là ngoại lệ.

Tuy nhiên, HAGL đã đưa ra những quyết sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt, kịp thời phù hợp với diễn biến tình hình thị trường. Trong đó đẩy mạnh tái cấu trúc, ưu tiên tập trung khai thác những thế mạnh cốt lõi, đón đầu xu thế, chủ động tạo ra dòng tiền ổn định bằng việc duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh hiệu quả.

SỬ DỤNG LAO ĐỘNG ĐỊA PHƯƠNG TẠI VÙNG DỰ ÁN

Việc sử dụng lao động địa phương có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của HAGL. Tại các nông trường, nhà máy chế biến, dự án bất động sản... hàng ngàn lao động địa phương được tuyển dụng, đào tạo bởi các

chuyên gia trong nước và quốc tế. Người lao động được ký hợp đồng làm việc với nhiều ưu đãi và được bố trí chỗ ở tại khu tái định cư do công ty xây dựng.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC TIỄN

Xác định nông nghiệp là mũi nhọn chiến lược, HAGL đã tiến hành đầu tư bài bản và áp dụng nhiều phương thức hiện đại để hướng tới sự bền vững cho Tập đoàn.



NGHIÊN CỨU VÀ TÌM HIỂU TIỀM NĂNG KHAI THÁC SẢN PHẨM

Trước khi quyết định đầu tư vào nông nghiệp tại Lào, Campuchia, HAGL đã thực hiện nghiên cứu, phân tích thổ nhưỡng, nguồn nước và nuôi trồng thử nghiệm. Từ đó có thể xác định chính xác điều kiện khí hậu, thành phần dinh dưỡng của đất, nhu cầu nước và dinh dưỡng cho cây trồng, vật nuôi. Giai đoạn này là tiền đề quan trọng giúp HAGL có thể trồng thành công cây cao su, cọ dầu, mía đường và nuôi bò như hiện nay.

CHỌN GIỐNG TỐT VÀ PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN NUÔI TRỒNG

HAGL đề ra tiêu chí lựa chọn sản phẩm từ những nhà cung ứng uy tín và có khả năng thích nghi với điều kiện nuôi trồng tại khu vực Tập đoàn hoạt động. Điển hình như đàn bò của HAGL đều nhập 100% từ Úc, hay như loại cỏ voi dùng làm thức ăn cho bò cũng là giống cỏ từ Thái Lan có năng suất cũng như hàm lượng protein cao.

XÂY DỰNG QUY TRÌNH NUÔI TRỒNG KHÉP KÍN

Việc tổ chức nuôi trồng theo mô hình khép kín cho phép HAGL tận dụng tối đa các sản phẩm, phụ phẩm từ những lĩnh vực Tập đoàn đang khai thác, tối ưu hóa năng suất hoạt động đồng thời giảm thiểu lãng phí, giảm chi phí sản xuất, tạo thế cạnh tranh cho sản phẩm đầu ra đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

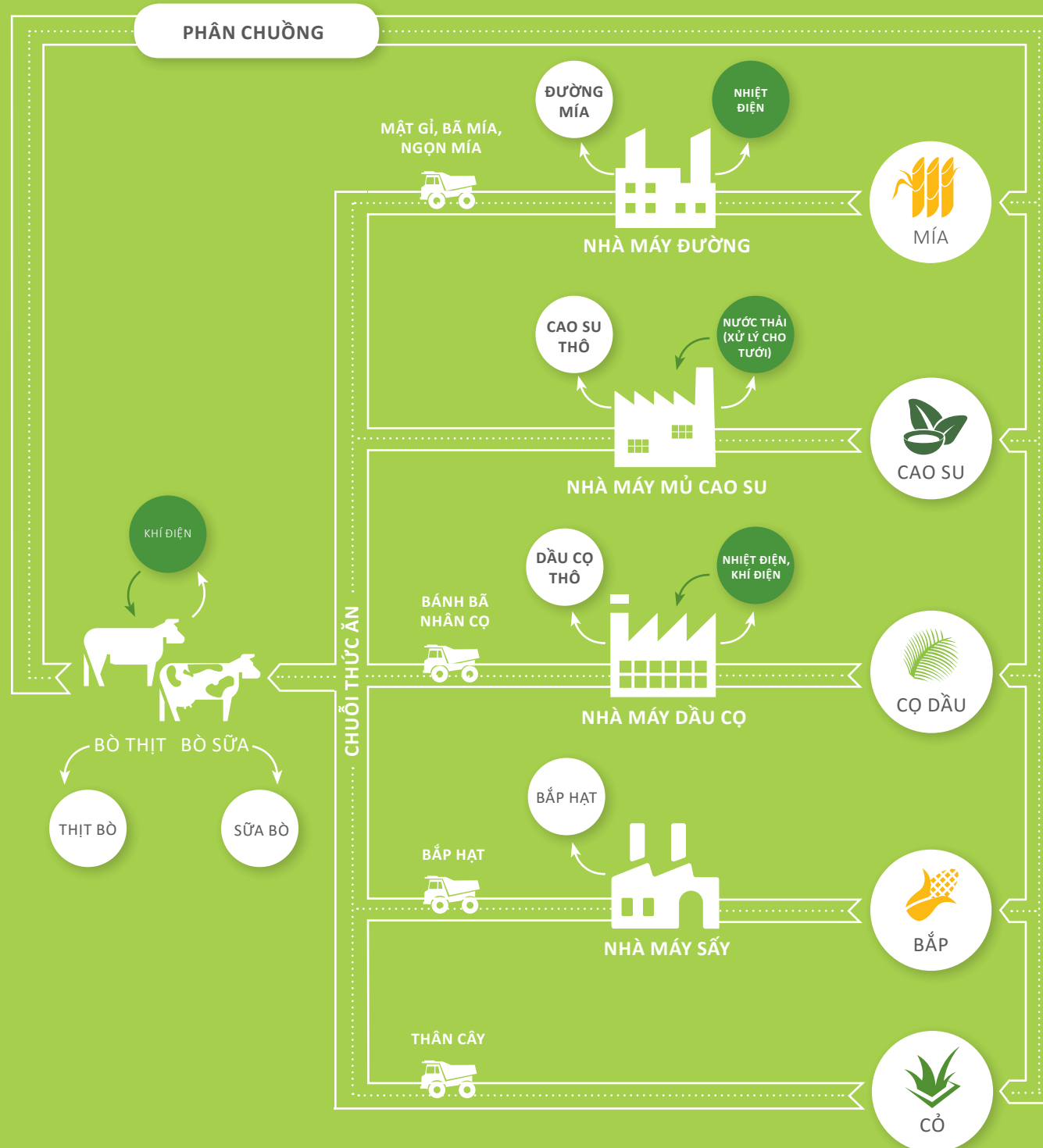


Đàn bò giống HAGL được nhập 100% từ Úc



Thu hoạch cỏ

**Chu trình sản xuất nông nghiệp khép kín
HOÀNG ANH GIA LAI**



XÂY DỰNG MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

HAGL xác định việc ứng dụng công nghệ hiện đại vào nông nghiệp sẽ mang lại hiệu quả trong việc tăng năng suất, giải phóng sức lao động và giảm giá thành sản phẩm.

Hệ thống tưới nhỏ giọt Israel: đảm bảo cung cấp nước, dinh dưỡng cho cây, giúp cây trồng phát triển tốt ngay cả trong mùa nắng; không lãng phí nguồn nước và phân bón; tiết kiệm được công làm cỏ.

Cơ giới hóa các khâu trong nuôi trồng, sản xuất: Để đạt năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, giảm giá thành, HAGL đầu tư đồng bộ trang thiết bị cơ giới, ứng dụng khoa học kỹ thuật từ các khâu làm đất, rải ống, gieo hạt, bón phân,... cho tới thu hoạch và chế biến.

Đối với ngành chăn nuôi, HAGL xây dựng hệ thống trang trại theo tiêu chuẩn Úc, từ trồng cỏ, thu hoạch, đến nghiền trộn và rải thức ăn, vệ sinh chuồng trại.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Việc vận hành, quản lý quy trình nuôi trồng tại HAGL đòi hỏi lực lượng lao động phải có trình độ chuyên môn cao. Do vậy HAGL mời các chuyên gia giỏi từ Úc, Israel... vận hành, chuyển giao công nghệ và đào tạo kỹ thuật cho các cán bộ, công nhân Việt Nam.

ÁP DỤNG CÁC SÁNG KIẾN VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Với quy mô hoạt động trải rộng nhiều quốc gia và nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau; việc đảm bảo hiệu quả quản trị, sử dụng hợp lý nguồn lực, kiểm soát quy trình sản xuất kinh doanh luôn là yếu tố HAGL chú trọng. HAGL đã triển khai áp dụng một số sáng kiến và quy chuẩn quản trị quốc tế như hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp SAP ERP, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008...

30%

Chi phí đầu tư cho khoa học kỹ thuật hiện đại chiếm tới 30% chi phí đầu tư nông nghiệp



Khâu nghiền trộn cỏ, rải thức ăn hay vệ sinh chuồng trại đều được cơ giới hóa.

**1.000
CON BÒ**

là số bò trung bình mỗi công nhân có thể chăm sóc nhờ áp dụng máy móc hiện đại



Đại sứ Úc Hugh Borrowman đến thăm trang trại bò

CHĂM SÓC ĐỜI SỐNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Nhân lực là nền tảng kiến thiết nên thành công của doanh nghiệp, là yếu tố đảm bảo nguồn sáng tạo cũng như trực tiếp vận hành bộ máy hoạt động của tổ chức. Nhận thức được nguyên lý này, HAGL đặc biệt coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực của mình.

1. NGHIÊN CỨU VÀ LẬP KẾ HOẠCH NGUỒN NHÂN LỰC

Trong quá trình hoạt động, HAGL luôn chủ động phân tích nhu cầu về lực lượng lao động cần thiết với tiêu chí: Đúng số lượng, đúng lúc, đúng người, đúng việc. Việc làm này đã giúp HAGL đáp ứng các nhu cầu nhân sự, đảm bảo cho doanh nghiệp không rơi vào tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động, cũng như thừa người thiếu việc.

2. CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG VÀ ĐÀO TẠO

Tuyển dụng

HAGL tuyển dụng nhân sự dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm, bằng cấp và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Chúng tôi trân trọng sự đa dạng và đề cao các cơ hội công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch. Các nhân viên nữ được tạo điều kiện làm việc, phát triển năng lực và thăng chức như nam giới. HAGL không tuyển dụng lao động trẻ em còn đang trong tuổi đi học tại các vùng dự án.

Đào tạo và phát triển kỹ năng nhân viên

HAGL khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực của mình trong công việc. Tập đoàn thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện ở tất cả các lĩnh vực để cải tiến chất lượng, nâng cao chuyên môn và phát huy tiềm năng sẵn có ở mỗi cá nhân. Xác định việc đầu tư và phát triển lâu dài tại nước bạn, Hoàng Anh Gia Lai đã gửi cán bộ, sinh viên sang học tập tại các trường Đại học Quốc gia Lào, Campuchia và Myanmar.

| Hoạt động | Nội dung đào tạo |
|--|--|
| Đào tạo tập huấn tay nghề cao mủ cao su định kỳ tại Việt Nam, Lào, Campuchia | Các khóa học mở thường xuyên trong năm bắt đầu từ tháng 3 để bổ sung lượng công nhân khai thác. |
| Đào tạo tập huấn tại Bệnh viện ĐHYD - HAGL | <ul style="list-style-type: none"> Trong năm 2015, mở 14 lớp đào tạo nâng cao chuyên môn tại bệnh viện cho 625 lượt người. Tổ chức 2 lớp tập huấn tính chuyên nghiệp trong y khoa và kỹ năng giao tiếp cho 165 người do giảng viên ĐHYD TP. HCM phụ trách. |
| Đào tạo trồng và chăm sóc mía, cọ đầu | Được tổ chức định kỳ nhằm nâng cao tay nghề cho các công nhân mới hoặc có tay nghề yếu. |

3. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Đoàn kết là giá trị cốt lõi của Tập đoàn. HAGL phát triển vững mạnh từ ngày thành lập đến nay là nhờ vào tất cả các thành viên luôn đoàn kết, thống nhất và chia sẻ cho nhau các giá trị trong công việc, cùng đồng lòng hướng tới thành công chung của tổ chức.

Lãnh đạo với nhân viên: Các lãnh đạo HAGL luôn quan tâm, lắng nghe và trao đổi thông tin với nhân viên. Lãnh đạo đóng vai trò như nhà tư vấn, truyền cảm hứng cho cấp dưới theo một hướng đi nhất định, rõ ràng, gia tăng sự tin cậy và trung thành đối với nhân viên. Nhân viên HAGL được khuyến khích làm việc trực tiếp, đóng góp các ý tưởng mới, đưa ra nhận xét cá nhân cho cấp trên.

Nhân viên với nhân viên: Mỗi nhân viên HAGL như một mảnh ghép có bản sắc riêng tạo nên một Tập đoàn HAGL vững mạnh và hòa hợp. Để tăng cường tính hợp tác và tương trợ giữa các cán bộ công nhân viên, HAGL tổ chức nhiều khóa teambuilding, triển khai các chương trình làm việc theo nhóm nhằm vừa nâng cao hiệu quả công việc vừa thắt chặt tinh thần cộng tác giữa các cá nhân.

Nhân viên với khách hàng: Mọi hoạt động của công ty và nhân viên đều hướng tới mục tiêu cao nhất là thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Để làm được điều này, HAGL tổ chức các khóa đào tạo về cách ứng xử chuyên nghiệp, thân thiện nhằm hình thành phong cách làm việc bài bản, đáng tin cậy trong mắt khách hàng và đối tác. Từ đó, tăng hiệu quả cho những hoạt động giao dịch, đàm phán của HAGL.

4. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

HAGL xây dựng môi trường làm việc thân thiện và bình đẳng, góp phần tạo ra lực đẩy gia tăng năng suất. Tập đoàn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khang trang, giúp cán bộ nhân viên có được không gian làm việc thoải mái, tiện nghi để phát huy tối đa tính sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu suất lao động, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.

An toàn lao động

Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, HAGL đã xây dựng một quy trình vận hành an toàn cho người lao động theo quy chuẩn của các cơ quan chức năng, tuân thủ đúng quy định về an toàn lao động ở các nước sở tại Việt Nam, Lào, Campuchia, và Myanmar.

Tập đoàn ban hành nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác thực hiện tại các công trường, tổ chức các khóa huấn luyện phòng chống tai nạn cho người lao động, trang bị bảo hộ lao động như quần áo, nón, giày, kính,... đầy đủ, kịp thời theo tính chất công việc; đầu tư và cải tiến công nghệ trong sản xuất nhằm đảm bảo an toàn cho nhân viên.

Chăm sóc sức khỏe cho người lao động

Tập đoàn tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ 1 năm/1 lần; kết hợp với Bệnh viện ĐHYD - HAGL hỗ trợ 50% chi phí khám bệnh cho nhân viên và thanh toán 100% viện phí cho các trường hợp bị tai nạn lao động.

53 TỶ ĐỒNG

Tổng mức lương cho người lao động của Tập đoàn



Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Để thúc đẩy tinh thần làm việc, phát huy khả năng sáng tạo và sự nỗ lực của nhân viên, HAGL xây dựng chính sách lương thưởng công bằng dựa trên các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp vào sự phát triển chung của Tập đoàn.

Mọi chế độ phúc lợi, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đều được HAGL thực hiện theo quy định hiện hành của luật lao động nước sở tại. Ngoài ra, người lao động còn được hưởng các chế độ phúc lợi như thưởng vào các ngày lễ lớn, tham gia các chuyến tham quan du lịch, nghỉ mát định kỳ...

HAGL có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với người lao động địa phương có năng lực thực sự và có đạo đức tốt đang làm việc ở các thành phố lớn tự nguyện về làm việc tại thành phố Pleiku và các vùng dự án. Tập đoàn hỗ trợ xe đưa đón, cấp nhà ở ngay tại dự án nhằm giúp người lao động yên tâm công tác.

CHĂM SÓC ĐỜI SỐNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI (tiếp theo)

KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Song hành với mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận, HAGL luôn coi trọng trách nhiệm cộng đồng, chú trọng nâng cao đời sống xã hội. Với sự chung tay của toàn thể nhân viên, HAGL thường xuyên tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ cộng đồng bằng tinh thần tương thân tương ái tại Việt Nam, Lào và Campuchia và Myanmar.

VIỆT NAM

Tiếp nối hiệu ứng lan tỏa từ các hoạt động tài trợ - từ thiện năm 2014, trong năm 2015, HAGL tiếp tục thực hiện các chương trình an sinh xã hội đến những vùng còn khó khăn, thiếu thốn, chủ yếu tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, chăm sóc y tế, giáo dục, thúc đẩy đời sống văn hóa tinh thần của người dân...

Hơn **5** tỷ đồng
HAGL làm công tác xã hội tại Việt Nam năm 2015



400 triệu đồng
làm đường và kéo điện cho người dân Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định



863 triệu đồng
trợ cấp, tặng quà, ủng hộ các quỹ từ thiện tại tỉnh Gia Lai



ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

HAGL đã nâng cấp sân vận động Pleiku có sức chứa hơn 10.000 người phục vụ cho hoạt động thể thao của Tỉnh và người dân, hỗ trợ người dân huyện Phù Cát, Bình Định làm đường, kéo điện phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu.

VĂN HÓA, GIÁO DỤC

Ngoài việc đầu tư cơ sở vật chất, Tập đoàn chú trọng công tác đầu tư văn hóa, giáo dục. Năm 2015, HAGL tài trợ kinh phí xây dựng Tượng đài anh hùng dân tộc Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn tại TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Đây sẽ là công trình tưởng nhớ vị anh hùng dân tộc, các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

HAGL đầu tư xây dựng trường Tiểu học Lê Anh Xuân, quận 7, TP. Hồ Chí Minh với tổng kinh phí tài trợ 10 tỷ đồng; hàng năm, Tập đoàn trích lợi nhuận để ủng hộ các Quỹ khuyến học của tỉnh Gia Lai.



Các cầu thủ CLB HAGL cùng những học viên Học viện bóng đá Nutifood HAGL Arsenal JMG đến thăm Trung tâm trẻ mồ côi và khuyết tật Tam Bình, TP. HCM

ĐỜI SỐNG KINH TẾ

Với tôn chỉ **Chung tay vì xã hội tốt đẹp hơn**, những hoạt động tài trợ, ủng hộ các chương trình an sinh xã hội trong nước đã trở thành các hoạt động quen thuộc của HAGL: thường xuyên ủng hộ các Quỹ người nghèo, Hội người mù, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ chất độc màu da cam, quyên góp cứu trợ người dân vùng bão lũ, tổ chức tặng quà tết cho các gia đình khó khăn,... Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, cứu trợ không chỉ được thực hiện bằng khoản trích phúc lợi của Tập đoàn mà còn bằng đóng góp cá nhân của các cán bộ, nhân viên Tập đoàn. Học viện bóng đá HAGL – Arsenal – JMG và CLB bóng đá HAGL thường xuyên tổ chức các chương trình từ thiện tại Trung tâm bảo trợ trẻ em ở Gia Lai, Khánh Hòa, giúp đỡ những người già neo đơn không nơi nương tựa,...

Bên cạnh đó, năm vừa qua HAGL đã tặng bò giống cho các hộ dân nghèo, góp phần chung tay xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Quảng Nam.

Y TẾ

Sau bốn năm hoạt động, với đội ngũ y bác sĩ có tay nghề cao và được đầu tư trang thiết bị hiện đại, Bệnh viện ĐHYD - HAGL hiện đang làm rất tốt nhiệm vụ cải thiện chất lượng y tế cho nhân dân các tỉnh Tây Nguyên. Năm 2015, bệnh viện đã khám chữa bệnh cho 201.804 lượt bệnh nhân, điều trị nội trú hơn 12.000 lượt người, thực hiện gần 3.500 ca phẫu thuật trong đó 30% là phẫu thuật nội soi.

Ngoài việc phục vụ khám chữa bệnh tại chỗ, bệnh viện còn thường xuyên thực hiện các hoạt động xã hội như: Tổ chức vui trung thu cho các trẻ em tại bệnh viện, tổ chức khám chữa bệnh nhân đạo, thực hiện chương trình khám và cấp thuốc, mổ mắt miễn phí cho các đồng bào vùng sâu vùng xa tỉnh Gia Lai nói riêng và người dân nước bạn Lào và Campuchia.

Trong tương lai, với mục tiêu xây dựng mô hình Trường - Viện hiện đại đầu tiên tại Tây Nguyên, Bệnh viện sẽ được đầu tư xây dựng thêm 01 toà nhà 10 tầng, nâng quy mô bệnh viện lên 500 giường, tiếp tục đầu tư trang thiết bị y khoa hiện đại và nâng cao hơn nữa tay nghề đội ngũ bác sĩ với mong muốn đủ khả năng thực hiện những kỹ thuật y học tiên tiến trong nước và quốc tế; phát triển điều kiện y tế cho nhân dân khu vực.



Bác sĩ khám cho bệnh nhân nghèo



Khám chữa bệnh miễn phí cho đồng bào thiếu số tại Gia Lai



Bệnh viện Đại Học Y Dược - HAGL

CHĂM SÓC ĐỜI SỐNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI (tiếp theo)



Đội tuyển U21 Việt Nam đăng quang tại U21 Quốc tế Báo Thanh Niên

KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (tiếp theo)

VIỆT NAM

THỂ THAO

Vẫn với lối đá kỹ thuật đẹp mắt và cống hiến, Học viện bóng đá HAGL – Arsenal – JMG tiếp tục có những đóng góp đáng tự hào cho nền Bóng đá Việt Nam khi vượt qua những đội bóng đẳng cấp như Thái Lan, Myanmar và Hàn Quốc để đăng quang ngôi vô địch giải U21 Quốc tế Báo Thanh Niên.

Bên cạnh nhiệm vụ nâng cao trình độ chuyên môn, các cầu thủ HAGL còn thường xuyên thể hiện trách nhiệm xã hội của mình, khi tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, chương trình từ thiện nhằm chia sẻ khó khăn với những mảnh đời bất hạnh: Quyên góp cứu trợ cho người dân vùng bão lũ, thăm và tặng quà cho các trẻ em khuyết tật, mồ côi, các cụ già neo đơn tại Trung tâm bảo trợ xã hội TP.HCM, Gia Lai, Khánh Hòa,... Với hình ảnh đẹp có được trong lòng người hâm mộ, đội HAGL lần thứ 2 được mời làm đại diện hình ảnh cho UNFPA trong chiến dịch chống nạn bạo hành phụ nữ và trẻ em gái. Đây là một vinh dự và cũng là trách nhiệm của các cầu thủ trẻ HAGL trong việc truyền tải thông điệp bình đẳng giới đến thế hệ trẻ Việt Nam.

Học viện bóng đá HAGL-Arsenal-JMG đã và đang tiếp tục thực hiện sứ mệnh của mình trong công tác đào tạo các thế hệ cầu thủ trẻ tài năng về chuyên môn và tầm vóc về đạo đức, góp phần làm thay đổi tích cực cho nền bóng đá Việt Nam.



Các cầu thủ CLB HAGL tiếp tục là đại diện hình ảnh cho Chiến dịch chống bạo hành phụ nữ và trẻ em gái của UNFPA

CHĂM SÓC ĐỜI SỐNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI (tiếp theo)

KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (tiếp theo)

CAMPUCHIA

Năm 2015, Tập đoàn tiếp tục triển khai chương trình “Phát triển cộng đồng” mà lãnh đạo HAGL đã cam kết thực hiện tại Campuchia, bằng những chương trình hỗ trợ thiết thực nhằm nâng cao mức sống cơ bản của đồng bào xung quanh dự án.



Trao bò và tiền hỗ trợ các làng



Tặng lương thực mùa giáp hạt

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Những hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng HAGL thực hiện từ nhiều năm nay đã góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt cho các cộng đồng như: làm đường, xây cầu, kéo điện thấp sáng, xây giếng nước. Trong những năm tới, HAGL sẽ tiếp tục thực hiện các hạng mục đã cam kết.

Tập đoàn dự kiến xây dựng 3.000 ngôi nhà cấp cho bà con ở và làm việc tại dự án với kinh phí 3.500 USD mỗi căn. Nhà ở sẽ có đầy đủ điện, nước, nhà vệ sinh và dịch vụ y tế hoàn chỉnh cho từng cụm dân cư.

HỖ TRỢ LƯƠNG THỰC, TÀI CHÍNH

HAGL thực hiện định kỳ hàng năm việc hỗ trợ lương thực cho các hộ dân nghèo, khó khăn. Trong chuyến thăm vào mùa giáp hạt tháng 4/2015, công ty đã gửi tặng tới 349 hộ nghèo mỗi hộ 50kg gạo và một thùng mì tôm.

Bên cạnh đó, thông qua tổ chức CAO - trực thuộc Ngân hàng Thế giới và sự hợp tác của các tổ chức phi Chính phủ, HAGL đã tiến hành tặng mỗi làng quanh khu vực dự án một con bò 400kg và tiền hỗ trợ thực hiện nghi lễ cúng tế thần linh theo tập quán tín ngưỡng với kinh phí 23.800 USD.

Có thêm phần hỗ trợ của công ty, chúng tôi cảm thấy ấm lòng; bà con cũng đỡ phải chạy lo từng bữa, phải chịu cảnh đói như trước.

Anh So Khum
cư dân địa phương tâm sự

LÀO



Trẻ em tại Attapeu, Lào đi học ở trường do HAGL xây dựng

PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Tập đoàn đã xây dựng một bệnh viện quy mô 200 giường, xây 2.000 căn nhà cho công nhân, nhà làm việc tại các bản, trường học cho trẻ em, xây nhiều cầu kiên cố và thực hiện hàng trăm ki-lô-mét đường cấp phối giúp người dân đi lại thuận tiện, kéo lưới điện cho dân cư trong vùng dự án. Song hành với những dự án của mình, HAGL đã góp phần giải quyết việc làm cho đồng bào địa phương và nhân dân các vùng lân cận.

Với cam kết hỗ trợ Chính phủ Lào thi công xây dựng khu trung tâm hành chính huyện mới tại huyện Phu Vông tỉnh Attapeu, đến nay, Tập đoàn đã hoàn thành 20% khối lượng công trình với tổng số tiền đã đầu tư là 3 triệu USD.

Tháng 05/2015, sân bay quốc tế Attapeu do HAGL hỗ trợ Chính phủ Lào xây dựng đã khánh thành và đi vào hoạt động, góp phần thay đổi đáng kể bộ mặt kinh tế của Attapeu và phục vụ đặc lực nhu cầu đi lại của người dân. Trước đó, HAGL đã tài trợ cho Chính phủ Lào 19 triệu USD xây dựng làng vận động viên SEA Games 25.

Hơn 1,1 triệu USD

tài trợ làm đường và xây nhà làm việc tại các bản thuộc tỉnh Sekong và Attapeu trong năm 2015

12.566 USD

khám chữa bệnh cho cán bộ, công nhân viên người Lào trong năm 2015

Y TẾ

Bên cạnh việc xây dựng bệnh viện tại Attapeu quy mô 200 giường nhằm phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh tại chỗ, nâng cao điều kiện y tế cho người dân trong vùng; hàng năm, HAGL còn tạo điều kiện đưa người dân, công nhân, nhân viên và cán bộ người Lào về chăm sóc, khám chữa bệnh miễn phí tại Bệnh viện ĐHYD - HAGL.

Ngoài ra, HAGL còn tích cực tham gia tài trợ, ủng hộ các bản, làng, các huyện, tỉnh tổ chức đại hội, lễ tết, đóng góp xây dựng các phong trào thể dục thể thao, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên Lào sang học tập tại Việt Nam,...

CHĂM SÓC ĐỜI SỐNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI (tiếp theo)

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (tiếp theo)

MYANMAR

Với tổng mức đầu tư 440 triệu USD, HAGL Myanmar Center là dự án có vốn đầu tư lớn nhất Yangon hiện nay, có ý nghĩa to lớn góp phần thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của TP. Yangon nói riêng và Myanmar nói chung; củng cố và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa 2 nước. Dự kiến khi đi vào hoạt động, dự án sẽ tạo việc làm ổn định cho khoảng 2.500 lao động địa phương và đóng góp ngân sách hàng năm cho nước bạn hàng triệu USD.

Không chỉ đẩy mạnh việc kinh doanh, HAGL Myanmar luôn nỗ lực thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình cộng đồng. Vừa qua, HAGL Myanmar đã tổ chức chuyến thăm đến hai Trung tâm hỗ trợ trẻ em mồ côi và có hoàn cảnh đặc biệt tại thành phố Yangon. Chuyến đi thực sự mang nhiều ý nghĩa khi nhân viên công ty đã tổ chức khảo sát trước mong muốn của các bé để từ đó gửi đến những món quà theo đúng ước muốn.

Trong những năm tới, công ty sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động có ý nghĩa hơn nữa tại địa phương.

Tôi muốn thể hiện sự trân trọng nhất với HAGL vì sự đầu tư bền vững của các bạn và nỗ lực hợp tác trong việc xây dựng khách sạn và tòa nhà thương mại liên quan theo tiêu chuẩn quốc tế và chúng tôi rất mong được làm việc nhiều hơn nữa với công ty các bạn.

Bộ trưởng Khách sạn, Du lịch Myanmar
U Htay Aung

Nhận thức thấu đáo vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, chúng tôi nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi sinh và khai thác tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo đồng thời giảm thiểu tác động xấu tới môi trường...

Tạo việc làm ổn định cho khoảng
2.500
lao động địa phương



Thăm và tặng quà cho các bé tại Trung tâm hỗ trợ trẻ em mồ côi và có hoàn cảnh đặc biệt thành phố Yangon



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

- **Xây dựng quy trình sản xuất khép kín:** Công ty tận dụng tối đa các phụ phẩm như bã mía, rỉ mật đường, hạt, thân bắp để dùng làm thức ăn chăn nuôi; sử dụng phân bón bón cho cây trồng. Với quy trình hoạt động khép kín, các nhà máy, trang trại của Tập đoàn hạn chế được chất thải độc hại ra môi trường, bảo vệ nguồn đất và nguồn nước quanh vùng dự án.
- **Ứng dụng hệ thống tưới nước nhỏ giọt công nghệ Israel:** Hệ thống này tiết kiệm được 50 - 70% lượng nước tưới, hạn chế tối đa dư lượng phân bón, giảm thiểu mức độ tác động xấu đến đất đai và mạch nước ngầm, cải tạo vi khí hậu nội khu, giúp giữ đất khỏi xói mòn hay bạc màu...

KHAI THÁC HIỆU QUẢ NGUỒN TÀI NGUYÊN TÁI TẠO

- Tận dụng phụ phẩm nông nghiệp như bã mía, bã cọ dầu tạo ra điện năng phục vụ cho toàn bộ vùng dự án. Hiện nay nhà máy nhiệt điện chạy bằng bã mía tại Lào đã đi vào vận hành có hiệu quả.



Khu bảo tồn thiên nhiên tại Attapeu, Lào

- Nỗ lực hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải, chất thải: Chất thải sau sản xuất đi qua hệ thống xử lý sẽ được tái sử dụng, giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ nguồn nước và tiết kiệm chi phí.

TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Việc đầu tư kinh doanh của Tập đoàn phụ thuộc việc tuân thủ các quy định và luật về môi trường do Chính phủ Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar ban hành. Đến nay Hoàng Anh Gia Lai đã nhận được các phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường 17 dự án tại Việt Nam, 10 dự án tại Lào và 03 dự án tại Campuchia.
- HAGL thành lập bộ phận Môi trường có chức năng tiến hành các biện pháp kiểm soát hoạt động sản xuất tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường hiện tại và trong tương lai.
- Trong quá trình khai hoang và trồng trọt, HAGL yêu cầu các đối tác và các nhà thầu phụ cam kết tuân thủ các mốc ranh giới dự án do Chính phủ nước sở tại giao, không vi phạm ranh giới vùng đệm đối với các sông, suối chính trong vùng dự án và các khu vực bảo tồn động thực vật hoang dã đã được quy định.

Tiết kiệm **50-70%** lượng nước tưới nhờ sử dụng Hệ thống tưới nhỏ giọt Israel



Công nghệ tưới nhỏ giọt của Israel

- Tháng 11/2015, HAGL chính thức ban hành Quy chế sử dụng hóa chất đúng quy định của pháp luật, hạn chế tối đa sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc hóa học nhằm giảm thiểu tác động có hại lên nguồn đất, nước và sức khỏe con người.
- Để đảm bảo quyền lợi dân sinh quanh dự án cũng như thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp khi đầu tư, HAGL thiết lập cơ chế phản ánh, khiếu nại cho người dân quanh vùng để kịp thời tiếp nhận, xử lý và khắc phục những ảnh hưởng liên quan tới môi trường, xã hội xảy ra trong quá trình đầu tư.
- HAGL hợp tác với Bureau Veritas - Tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kiểm tra, đánh giá và xác nhận thực hiện những cam kết về phát triển và sản xuất kinh doanh bền vững hướng đến xây dựng, bảo vệ các giá trị cộng đồng và bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên.



BUREAU VERITAS

- Năm 2014, HAGL đã triển khai hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 cho dự án cọ dầu tại Campuchia. Hệ thống này giúp Tập đoàn kiểm soát quy trình sản xuất từ khâu đầu vào cho đến đầu ra một cách rõ ràng và chính xác; từ đó bảo đảm tất cả các sản phẩm nông nghiệp đưa ra thị trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chí phù hợp với luật bảo vệ môi trường. Trong tương lai, HAGL từng bước hướng tới đạt chứng nhận Global GAP về nông phẩm của mình, áp dụng các tiêu chuẩn SA 8000, RSPO... vào nuôi trồng.

NÂNG CAO Ý THỨC CÁ NHÂN HƯỚNG TỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Để thực hiện mục tiêu "Vì môi trường xanh" HAGL chú trọng nâng cao ý thức cá nhân của cán bộ - công nhân viên.

- Phát động phong trào tiết kiệm sử dụng và in ấn tài liệu bằng giấy hai mặt.
- Từng bước triển khai Báo cáo Phát triển bền vững bằng bản mềm dành cho thiết bị di động, hạn chế việc in ấn, tránh lãng phí nguồn giấy.
- Triển khai Quy chế sử dụng chất hóa học thống nhất cho tất cả công nhân các công ty con ở cả 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia nhằm đảm bảo quy chế được thực hiện đồng bộ và nghiêm ngặt.

HAGL kêu gọi cán bộ - công nhân viên có ý thức bảo vệ môi trường và chung tay góp phần tạo nên sự phát triển bền vững từ những việc làm thiết thực.



CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Dựa vào sự tin tưởng, chia sẻ và hợp tác cùng có lợi, duy trì lợi ích lâu dài giữa các bên; tôn trọng tính minh bạch; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức doanh nghiệp, HAGL chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển mối quan hệ bền vững với các bên liên quan.

1. CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Minh bạch hóa các hoạt động kinh doanh, cập nhật thông tin thường xuyên nhằm củng cố niềm tin và thúc đẩy mối quan hệ giữa doanh nghiệp với nhà đầu tư thành một khối thống nhất vững chắc:

- Chủ động công bố thông tin chuẩn xác, trung thực về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính thông qua báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông cáo báo chí, thông tin trên website công ty, website của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và qua các phương tiện truyền thông...
- Lãnh đạo Tập đoàn trao đổi, lắng nghe ý kiến cổ đông, nhà đầu tư thông qua các buổi gặp trực tiếp, họp báo, đại hội cổ đông.
- Thường xuyên tổ chức các chuyến đi thực tế, tham quan dự án của Tập đoàn tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar giúp nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện hơn về hoạt động của Tập đoàn.
- Đảm bảo các quyền lợi của nhà đầu tư.

2. KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC

Hiện nay, HAGL đang hợp tác với công ty NutiFood trong việc tiêu thụ và sản xuất sữa tươi nguyên chất; ký hợp đồng với Tập đoàn quản lý khách sạn nổi tiếng điều hành, khai thác kinh doanh khách sạn Melia Yangon; hợp tác với CBRE quản lý và khai thác trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê Myanmar Center Plaza,... Với sự hợp tác này, HAGL cùng với các đối tác tạo ra được những sản phẩm, dịch vụ với chất lượng tốt nhất để cung ứng ra thị trường.

3. NHÂN VIÊN

- HAGL khuyến khích nhân viên trao đổi trực tiếp với lãnh đạo, tham gia đóng góp vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.
- Thường xuyên trao đổi, cập nhật thông tin cho nhân viên qua intranet, email, điện thoại, các cuộc họp trực tuyến.
- Nâng cao tính đoàn kết của tập thể nhân viên bằng những buổi giao lưu thân mật, sinh nhật, tiệc liên hoan, tổ chức teambuilding...

4. CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG

Cơ quan truyền thông đóng vai trò là cầu nối giữa HAGL với các bên hữu quan, giúp thông tin về các hoạt động của Tập đoàn minh bạch, chuẩn xác đối với nhà đầu tư, khách hàng và các đối tượng đại chúng có quan tâm.

- HAGL trao đổi và chia sẻ thông tin với cơ quan báo chí trong các chương trình họp báo, các sự kiện HAGL tổ chức và Hội nghị chuyên ngành trong lĩnh vực mà HAGL đang hoạt động.
- Mời nhà báo đồng hành trong hầu hết các hoạt động cộng đồng mà HAGL thực hiện.
- Phát hành thông cáo báo chí, bài trả lời phỏng vấn nhằm cung cấp và cập nhật thông tin mới nhất liên quan đến Tập đoàn.



5. CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Mọi hoạt động kinh doanh của Tập đoàn đều hướng đến mục tiêu nâng cao đời sống cộng đồng địa phương bằng các chương trình hỗ trợ tích cực như:

- Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương nhằm tạo công ăn việc làm, giúp người dân có thu nhập ổn định.
- Phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng cơ sở vật chất như xây nhà, làm đường, đào giếng, xây dựng bệnh viện, trường học... nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.
- Thực hiện các chương trình từ thiện, khám chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ lương thực... cho người nghèo.
- Phối hợp với các trường học, bệnh viện, và các trung tâm nhân đạo để giúp đỡ, tạo cơ hội cho các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

6. NHÀ CUNG ỨNG

Nhà cung ứng là một trong những nhân tố quan trọng góp phần xây dựng chuỗi giá trị vững mạnh của HAGL. Nắm giữ đầu vào của quy trình sản xuất, các đối tác được HAGL lựa chọn đang cung cấp kỹ thuật, công nghệ, in ấn, giống cây trồng, vật nuôi... đều là những nhà thầu uy tín đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc môi trường, cộng đồng. Điển hình như

việc cung cấp bò giống và công nghệ chăm sóc bò từ các đối tác tin cậy của Úc đã giúp cho dự án chăn nuôi HAGL đạt hiệu quả đồng thời hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

Bò nhập khẩu từ Úc, đáp ứng được các tiêu chuẩn của Hệ thống Đảm bảo Chất lượng Chuỗi cung ứng của nhà xuất khẩu ESCAS do Chính phủ nước này quy định nhằm giám sát động vật từ khi xuất khẩu cho đến khi vào các lò giết mổ, đảm bảo được đối xử nhân đạo.

7. CHÍNH PHỦ, CÁC CƠ QUAN BAN NGÀNH

HAGL là một trong những doanh nghiệp được Chính phủ các nước sở tại đánh giá cao vì những đóng góp lớn đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, làm tốt đẹp hơn mối quan hệ giữa các quốc gia nơi HAGL hoạt động đầu tư với Việt Nam:

- Đầu tư phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống xã hội của cộng đồng.
- Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính Phủ, Bộ và Ban ngành Trung ương tổ chức để đóng góp ý kiến;
- Tham gia hoạt động của các tổ chức, hiệp hội: Hội doanh nghiệp phát triển bền vững, Liên đoàn bóng đá Việt Nam, Hội doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Myanmar, Tổng hội Nông nghiệp Việt Nam...



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | |
|---|-----------|
| Thông tin chung | 98 - 99 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 100 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 101 - 102 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 103 - 104 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 105 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 106 - 107 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 108 - 188 |



CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và hai mươi bảy (27) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi lăm (25) vào ngày 5 tháng 2 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh buôn bán thức ăn gia súc (Mã ngành 4620).

Điều chỉnh lần thứ hai mươi sáu (26) vào ngày 16 tháng 4 năm 2015 phê duyệt việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi bảy (27) vào ngày 18 tháng 6 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp (Mã ngành 5210, 0163 và 1079).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Tập đoàn có chín (9) công ty con trực tiếp, hai mươi sáu (26) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 17 của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | |
|------------------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch | |
| Ông Đoàn Nguyên Thu | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Văn Minh | Thành viên | |
| Bà Võ Thị Huyền Lan | Thành viên | |
| Ông Phan Thanh Thủ | Thành viên | |
| Ông Võ Trường Sơn | Thành viên | bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Xuân Thắng | Thành viên | bổ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Văn Sự | Thành viên | mãn nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2015 |
| Ông Pornchai Lueang-a-papong | Thành viên | mãn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | |
|---------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Lâm Hoàng Hải | Trưởng Ban | |
| Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Tấn Anh | Thành viên | bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015 |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | |
|-----------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Võ Trường Sơn | Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Văn Sự | Tổng Giám đốc | mãn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Đoàn Nguyên Thu | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Văn Minh | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Xuân Thắng | Phó Tổng Giám đốc | |
| Bà Hồ Thị Kim Chi | Phó Tổng Giám đốc | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-------------------|------------------------------------|
| Ông Võ Trường Sơn | bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Văn Sự | mãn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60752790/17793928-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 8 tháng 4 năm 2016 và được trình bày từ trang 103 đến trang 188, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

B01-DN/HN

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến các thuyết minh số 2.1 và 26 của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập với giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả là 27.099.215.061 ngàn VND, trong đó 8.297.755.147 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm 2016. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 26.1, 26.3, 26.5 và 26.6 của báo cáo tài chính hợp nhất. Những vấn đề này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 37 của báo cáo tài chính hợp nhất. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn với trị giá lần lượt là 821.465.844 ngàn VND và 5.050.459.374 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 2223-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 8 tháng 4 năm 2016

Ngàn VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) |
|------------|---|-------------|-----------------------|--|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 13.215.916.673 | 9.678.319.508 |
| 110 | I. Tiền | 5 | 967.966.695 | 978.413.817 |
| 111 | 1. Tiền | | 967.966.695 | 978.413.817 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 8.469.868.136 | 6.426.635.674 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 1.607.110.089 | 2.048.582.210 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7 | 1.661.082.955 | 2.127.283.332 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 8 | 3.699.988.122 | 1.366.336.857 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 9 | 1.511.776.819 | 889.733.471 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (10.089.849) | (5.300.196) |
| 140 | III. Hàng tồn kho | 10 | 3.646.452.010 | 2.084.905.558 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 3.651.634.817 | 2.084.905.558 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (5.182.807) | - |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 131.629.832 | 188.364.459 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 13.427.321 | 47.264.148 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 33.767.746 | 44.408.079 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 23 | 2.238.777 | 14.908.992 |
| 155 | 4. Tài sản ngắn hạn khác | 11 | 82.195.988 | 81.783.240 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 36.012.472.005 | 26.805.913.965 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 6.141.903.570 | 6.729.891.525 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 8 | 6.062.008.291 | 6.311.592.294 |
| 216 | 2. Phải thu dài hạn khác | 9 | 79.895.279 | 418.299.231 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 6.287.742.157 | 5.303.946.388 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 12 | 6.176.778.419 | 5.145.616.089 |
| 222 | Nguyên giá | | 7.116.522.216 | 5.805.775.693 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (939.743.797) | (660.159.604) |
| 227 | 2. Tài sản vô hình | 13 | 110.963.738 | 158.330.299 |
| 228 | Nguyên giá | | 146.580.676 | 176.921.034 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (35.616.938) | (18.590.735) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | 14 | 81.725.494 | 147.263.493 |
| 231 | 1. Nguyên giá | | 84.074.852 | 148.013.552 |
| 232 | 2. Giá trị hao mòn lũy kế | | (2.349.358) | (750.059) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 21.458.876.315 | 12.747.259.561 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 15 | 21.458.876.315 | 12.747.259.561 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | 328.257.789 | 500.435.332 |
| 252 | 1. Đầu tư vào các công ty liên kết | 17.2 | 252.299.640 | 463.677.182 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 18 | 75.938.149 | 36.738.150 |
| 255 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 20.000 | 20.000 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 1.713.966.680 | 1.377.117.666 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 19 | 1.156.515.098 | 1.054.603.703 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 36.3 | 82.941.387 | 148.861.210 |
| 269 | 3. Lợi thế thương mại | 20 | 474.510.195 | 173.652.753 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 49.228.388.678 | 36.484.233.473 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2015

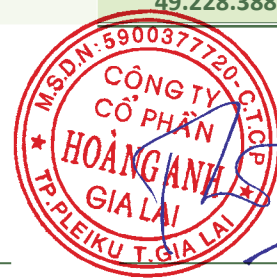
B01-DN/HN

Ngàn VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) |
|------------|---|-------------|-----------------------|--|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 32.962.668.396 | 21.129.029.145 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 13.212.975.900 | 9.457.201.508 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 21 | 1.123.648.086 | 652.932.314 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 22 | 1.438.433.801 | 508.736.004 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 23 | 275.400.876 | 284.722.381 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 46.519.890 | 44.733.270 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 24 | 809.388.331 | 503.364.457 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 25 | 1.217.547.588 | 614.954.515 |
| 320 | 7. Vay ngắn hạn | 26 | 8.297.755.147 | 6.839.582.567 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 4.282.181 | 8.176.000 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 19.749.692.496 | 11.671.827.637 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 25 | 546.724.865 | 169.773.513 |
| 338 | 2. Vay dài hạn | 26 | 18.801.459.914 | 11.286.989.938 |
| 341 | 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 36.3 | 395.127.749 | 208.457.044 |
| 342 | 4. Dự phòng phải trả dài hạn | | 6.379.968 | 6.607.142 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 16.265.720.282 | 15.355.204.328 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | | 16.265.720.282 | 15.355.204.328 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | 27.1 | 7.899.679.470 | 7.899.679.470 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 7.899.679.470 | 7.899.679.470 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | 27.1 | 3.539.078.784 | 3.539.078.784 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | 27.1 | (686.640) | (686.640) |
| 417 | 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 27.1 | 555.077.253 | 670.143 |
| 418 | 5. Quỹ đầu tư phát triển | 27.1 | 279.895.303 | 249.756.283 |
| 421 | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 27.1 | 2.023.903.249 | 2.517.123.517 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 1.570.546.874 | 1.092.953.681 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 453.356.375 | 1.424.169.836 |
| 429 | 7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 28 | 1.968.772.863 | 1.149.582.771 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 49.228.388.678 | 36.484.233.473 |

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-DN/HN

Ngàn VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) |
|-----------|---|-------------|------------------------|---|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 30.1 | 6.252.482.061 | 3.055.283.747 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 30.1 | (35.528) | (952.791) |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 30.1 | 6.252.446.533 | 3.054.330.956 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 31 | (4.398.020.571) | (1.827.338.066) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1.854.425.962 | 1.226.992.890 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 30.2 | 1.053.656.518 | 1.477.819.111 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 32 | (1.203.667.607) | (628.138.146) |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | (1.078.711.240) | (604.691.381) |
| 24 | 8. Phần lỗ trong công ty liên kết | | (1.898.163) | - |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | 33 | (111.239.060) | (82.212.779) |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 34 | (350.371.742) | (268.906.408) |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 1.240.905.908 | 1.725.554.668 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | 35 | 180.631.718 | 106.382.214 |
| 32 | 13. Chi phí khác | 35 | (615.325.413) | (81.957.304) |
| 40 | 14. (Lỗ) lợi nhuận khác | 35 | (434.693.695) | 24.424.910 |
| 50 | 15. Lợi nhuận kế toán trước thuế | | 806.212.213 | 1.749.979.578 |
| 51 | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 36.2 | (153.548.976) | (67.475.212) |
| 52 | 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 36.3 | (50.302.292) | (149.742.906) |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 602.360.945 | 1.532.761.460 |
| 61 | 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | 502.343.207 | 1.453.002.809 |
| 62 | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | 100.017.738 | 79.758.651 |
| 70 | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 29 | 613 | 1.831 |
| 71 | 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND) | 29 | 613 | 1.778 |

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-DN/HN

Ngàn VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) |
|-----------|--|-------------|-------------------------|---|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 806.212.213 | 1.749.979.578 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) | | 372.592.068 | 334.181.075 |
| 03 | Các khoản dự phòng | | 9.745.286 | 4.983.141 |
| 04 | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (115.305.562) | (11.047.343) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (628.376.312) | (1.546.509.831) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 32 | 1.078.711.240 | 604.691.381 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 1.523.578.933 | 1.136.278.001 |
| 09 | Giảm (tăng) các khoản phải thu | | 1.169.669.226 | (1.528.393.473) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (1.916.001.996) | (229.052.284) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 1.699.906.910 | 848.233.213 |
| 12 | Giảm (tăng) chi phí trả trước | | 121.084.629 | (52.706.791) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (932.571.773) | (545.854.900) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 36.2 | (109.599.492) | (89.958.416) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (26.760.841) | (11.975.587) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh | | 1.529.305.596 | (473.430.237) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác | | (7.946.189.324) | (4.447.438.540) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác | | 791.534.557 | 319.789.280 |
| 23 | Tiền chi cho các đơn vị khác vay | | (6.581.690.554) | (3.610.212.923) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 4.476.003.816 | 1.679.373.093 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về) | | (2.350.933.815) | (474.444.498) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ) | | 866.639.814 | 264.517.855 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 411.747.874 | 460.400.684 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (10.332.887.632) | (5.808.015.049) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-DN/HN

Ngàn VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) |
|-----------|--|-------------|----------------------|---|
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát | | 159.000.000 | 1.100.000.000 |
| 32 | Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát | | (2.200.000) | - |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 15.978.713.459 | 10.846.172.358 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | | (7.342.378.545) | (7.130.396.235) |
| 36 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát | | - | (4.173.042) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 8.793.134.914 | 4.811.603.081 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (10.447.122) | (1.469.842.205) |
| 60 | Tiền đầu năm | | 978.413.817 | 2.448.256.022 |
| 70 | Tiền cuối năm | 5 | 967.966.695 | 978.413.817 |



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 8 tháng 4 năm 2016



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và hai mươi bảy (27) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi lăm (25) vào ngày 5 tháng 2 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh buôn bán thức ăn gia súc (Mã ngành 4620).

Điều chỉnh lần thứ hai mươi sáu (26) vào ngày 16 tháng 4 năm 2015 phê duyệt việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi bảy (27) vào ngày 18 tháng 6 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung mã ngành kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp (Mã ngành 5210, 0163 và 1079).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Tập đoàn có chín (9) công ty con trực tiếp, hai mươi sáu (26) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 17 của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.198 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.094).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả là 27.099.215.061 ngàn VND, trong đó 8.297.755.147 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm 2016. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 26.1, 26.3, 26.5 và 26.6 của báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phụ thuộc vào khả năng Tập đoàn thu xếp được các dòng tiền trong tương lai để hoàn trả các khoản vay và trái phiếu khi đến hạn thanh toán, hoặc đạt được các thỏa thuận với các chủ nợ để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Giả định hoạt động liên tục (tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên. Ban Giám đốc tin tưởng rằng các đề xuất tái cơ cấu sẽ được chấp thuận và Tập đoàn có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh trong tương lai gần.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”).

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.13*). Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Tập đoàn trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tập đoàn cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 42.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

| | |
|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành và ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|-------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị | 5 - 20 năm |
| Phương tiện vận chuyển | 6 - 20 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 10 năm |
| Vật nuôi và cây trồng lâu năm | 6 - 8 năm |
| Quyền sử dụng đất | 45 năm |
| Phần mềm máy tính | 8 năm |
| Tài sản khác | 6 - 15 năm |

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

| Năm khai thác | Tỷ lệ khấu hao (%) |
|---------------|--------------------|
| Năm thứ 1 | 2,50 |
| Năm thứ 2 | 2,80 |
| Năm thứ 3 | 3,50 |
| Năm thứ 4 | 4,40 |
| Năm thứ 5 | 4,80 |
| Năm thứ 6 | 5,40 |
| Năm thứ 7 | 5,40 |
| Năm thứ 8 | 5,10 |
| Năm thứ 9 | 5,10 |
| Năm thứ 10 | 5,00 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

| Năm khai thác | Tỷ lệ khấu hao (%) |
|---------------|--------------------|
| Năm thứ 11 | 7,00 |
| Năm thứ 12 | 6,60 |
| Năm thứ 13 | 6,20 |
| Năm thứ 14 | 5,90 |
| Năm thứ 15 | 5,50 |
| Năm thứ 16 | 5,40 |
| Năm thứ 17 | 5,00 |
| Năm thứ 18 | 5,50 |
| Năm thứ 19 | 5,20 |
| Năm thứ 20 | Giá trị còn lại |

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản với giá trị còn lại của nó đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu và vườn tiêu như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

Chi phí dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 6 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu khách sạn, trung tâm thương mại, tòa nhà văn phòng và căn hộ cho thuê trị giá 440 triệu USD tại Myanmar (73.358 m²). Việc đầu tư vào dự án này được cấp phép bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 586/BKHĐT-ĐTRNN ngày 21 tháng 2 năm 2013.

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

3.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn mía, chi phí vườn bắp, chi phí trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Chi phí trả trước (tiếp theo)

- Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí phát triển vườn mía, chi phí vườn bắp và chi phí trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí mía giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây mía (5 năm). Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn mía được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ 7 đến 10 năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

3.13 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả năm tài chính, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

➤ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

➤ Quỹ phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.22 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.23 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.24 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Vào thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.25 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung kiểm soát với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.26 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

4.1 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 2,255% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”), công ty con của Công ty, từ các cổ đông không kiểm soát.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án nông nghiệp do HNG và các công ty con của HNG sở hữu, và việc mua thêm quyền sở hữu trong HNG chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án nông nghiệp này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu tăng thêm trong giá trị tài sản thuần của HNG và các công ty con của HNG vào ngày mua là 677.340.578 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.2 Hoán đổi một phần cổ phần trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai với cổ phần trong Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tiến hành hoán đổi 29.700.000 cổ phiếu, tương đương với 7,442% tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG, một công ty con của Công ty, cho các cổ đông không kiểm soát của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (“BSTN”), một công ty liên kết của Công ty, để lấy 29.700.000 cổ phiếu hiện hữu của BSTN, tương đương 54% tỷ lệ sở hữu trong BSTN do các cổ đông không kiểm soát này nắm giữ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BSTN tăng từ 45% lên 99% và BSTN trở thành công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5900985126, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 28 tháng 4 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của BSTN trong năm là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của BSTN. Do đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của BSTN vào ngày mua được trình bày dưới đây:

Ngàn VND

| | Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua |
|---|---|
| Tài sản | |
| Tiền | 411.433 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 205.726.534 |
| Hàng tồn kho | 8.038.851 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 58.254.349 |
| Tài sản cố định hữu hình | 23.774.972 |
| Tài sản cố định vô hình | 6.648.075 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 54.562.778 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 39.200.000 |
| Nợ phải trả | |
| Phải trả ngắn hạn khác | (2.341.549) |
| Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý | 394.275.443 |
| Cổ đông không kiểm soát | 2.077.760 |
| Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh | 64.650.597 |
| Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh | (461.003.800) |

Theo đó, Công ty đã chuyển giao 7,442% tỷ lệ sở hữu trong HNG cho các cổ đông không kiểm soát và khoản giá trị là 162.277.235 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2015, Công ty đã bán lại toàn bộ 38.993.170 cổ phiếu của BSTN, tương đương với 99% tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BSTN cho HNG theo giá 11.823 VND/cổ phiếu theo hợp đồng mua bán cổ phần số 27/4/HĐMBCP. Theo đó, BSTN đã trở thành công ty con của HNG.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.3 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã mua thêm 45.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh (“HAQM”), một công ty con khác trong Tập đoàn, từ các cổ đông không kiểm soát với tổng giá mua là 910.000 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong HAQM từ 97,54% lên 97,77%.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án cao su do HAQM và các công ty con của HAQM sở hữu, và việc mua thêm quyền sở hữu trong HAQM chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án cao su này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của HAQM và các công ty con của HAQM vào ngày mua là 185.028 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.4 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai cho các công ty con khác

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng 16.538.180 cổ phiếu của HNG, công ty con, tương đương với 2,335% tỷ lệ sở hữu trong HNG cho Thủy Điện với tổng giá bán là 162.074.164 ngàn VND. Cũng vào ngày này, Công ty đã chuyển nhượng 34.699.050 cổ phiếu của HNG, tương đương với 4,9% tỷ lệ sở hữu trong HNG của Công ty cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh (“HAN”) với tổng giá bán là 340.050.690 ngàn VND.

Việc chuyển nhượng này đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG từ 86,75% xuống còn 85,95%. Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của HNG và các công ty con của HNG vào ngày bán là 15.906.781 ngàn VND được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.5 Chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã chuyển nhượng toàn bộ 99,83% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên với tổng giá bán là 425.663.639 ngàn VND. Theo đó, số tiền lãi là 29.925.898 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. (Thuyết minh số 30.2)

4.6 Mua Công ty Cổ phần Đông Pênh và công ty con – Công ty TNHH Daun Pênh Agrico

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã hoàn tất mua 19.940.000 cổ phiếu, tương đương với 99,7% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đông Pênh (“DPC”), từ các cá nhân với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 798.397.600 ngàn VND. Theo đó, DPC và công ty con của DPC, Công ty TNHH Daun Pênh Agrico (“DPA”), sở hữu 100% bởi DPC, đã trở thành công ty con của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đông Pênh là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900981604, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 13 tháng 3 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của DPC trong năm hiện tại là trồng trọt và kinh doanh cây cọ dầu và các cây trồng lâu năm khác.

Vào ngày mua, DPC đang nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu trong DPA, một công ty ở Vương Quốc Campuchia (“Campuchia”), là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Campuchia theo Giấy Chứng nhận vĩnh viễn số 2660/11 cấp ngày 18 tháng 11 năm 2011. Hoạt động kinh doanh chính của DPA trong năm hiện tại là trồng và chăm sóc 8.825 ha vườn cọ dầu và xây dựng nhà máy cọ dầu tại Phường Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia. DPC được sự chấp thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cho việc đầu tư vào Campuchia theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 201500021 cấp ngày 26 tháng 8 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.6 *Mua Công ty Cổ phần Đông Pênh và công ty con – Công ty TNHH Daun Pênh Agrico* (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của DPC và DPA. Do đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của DPC và DPA tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Ngàn VND

| | Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua |
|---|---|
| Tài sản | |
| Tiền | 1.060.840 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 159.204.731 |
| Hàng tồn kho | 8.827.132 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 2.821.666 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 1.078.605.518 |
| Nợ phải trả | |
| Vay ngắn hạn | (58.015.000) |
| Phải trả ngắn hạn khác | (479.439.637) |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (105.091.671) |
| Tổng tài sản thuần | 607.973.579 |
| Cổ đông không kiểm soát | 25.186.915 |
| Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh | 165.237.106 |
| Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh | (798.397.600) |

4.7 *Mua Công ty Cổ phần An Đông Mia và công ty con – Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat*

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã hoàn tất mua 13.900.000 cổ phiếu, tương đương với 69,5% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mia (“ADM”), từ các cá nhân với giá phí hợp nhất kinh doanh là 700.695.000 ngàn VND. Vào cùng ngày, một công ty con khác của Công ty, BSTN đã mua thêm 100.000 cổ phiếu tương đương với 0,5% tỷ lệ sở hữu trong ADM từ một cá nhân khác. Theo đó, ADM và công ty con của ADM, Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat (“HAL”), sở hữu 100% bởi ADM, đã trở thành công ty con của Tập đoàn.

ADM, một công ty ở Việt Nam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900910258, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 10 tháng 7 năm 2012. Hoạt động kinh doanh chính của ADM đã đăng ký là trồng trọt và kinh doanh cao su và các cây trồng lâu năm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.7 *Mua Công ty Cổ phần An Đông Mia và công ty con – Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat* (tiếp theo)

Tại thời điểm mua, ADM nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu trong HAL, một công ty tại Campuchia, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Campuchia theo Giấy Chứng nhận vĩnh viễn số 3030/13 cấp ngày 6 tháng 12 năm 2013. Hoạt động kinh doanh chính của HAL là trồng, thu hoạch và chế biến cao su và cọ dầu tại Phường Labanseak, Thành phố Banglung, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia. ADM được sự chấp thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cho việc đầu tư vào Campuchia theo giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 670/BKHĐT-ĐTRNN cấp ngày 9 tháng 1 năm 2014.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của ADM và HAL. Do đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của ADM và HAL tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Ngàn VND

| | Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua |
|---|---|
| Tài sản | |
| Tiền | 3.790.446 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 608.616.110 |
| Hàng tồn kho | 23.478.270 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 1.034.220.865 |
| Tài sản cố định hữu hình | 43.737.459 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 1.331.084.425 |
| Nợ phải trả | |
| Vay ngắn hạn | (1.757.985.034) |
| Phải trả ngắn hạn khác | (611.629.060) |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (97.196.565) |
| Tổng tài sản thuần | 578.116.916 |
| Cổ đông không kiểm soát | (124.645.138) |
| Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh | 247.223.222 |
| Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh | (700.695.000) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.8 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã mua thêm 22.239 cổ phiếu tương đương với 0,07% tỷ lệ sở hữu trong một công ty con khác của Tập đoàn, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc (“HADL”) từ một cổ đông không kiểm soát của HADL, làm tăng tỷ lệ sở hữu từ 99,46% lên 99,53% với tổng giá mua là 890.450 ngàn VND.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án cao su do HADL sở hữu, và việc mua thêm quyền sở hữu trong HADL chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án cao su này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của HADL vào ngày mua là 678.589 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.9 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Đông Pênh

Vào ngày 8 tháng 12 năm 2015, công ty con trong Tập đoàn, BSTN đã mua thêm 40.000 cổ phiếu tương đương với 0,2% tỷ lệ sở hữu trong một công ty con khác của Tập đoàn, Công ty Cổ phần Đông Pênh từ cổ đông không kiểm soát, làm tăng tỷ lệ sở hữu lên 0,2% với tổng giá mua là 1.600.000 ngàn VND.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án cọ dầu do DPC và công ty con của DPC sở hữu, và việc mua thêm quyền sở hữu trong DPC chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án cọ dầu này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của DPC và công ty con của DPC vào ngày mua là 1.214.827 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

5. TIỀN

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền mặt tại quỹ | 54.242.848 | 18.391.341 |
| Tiền gửi ngân hàng (*) | 801.473.847 | 960.013.445 |
| Tiền đang chuyển | 112.250.000 | 9.031 |
| TỔNG CỘNG | 967.966.695 | 978.413.817 |

(*) Tập đoàn đã thế chấp 29.850.088 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn (Thuyết minh số 26.4) (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: 194.000.000 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu của Tập đoàn và 101.000.000 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay từ các bên khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Các khoản phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 341.776.177 | 1.049.728.504 |
| Các khoản phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư | 309.841.300 | 454.948.900 |
| Các khoản phải thu từ dịch vụ xây dựng | 850.175.129 | 471.528.265 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i> Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay</i> | <i>730.579.743</i> | <i>470.501.762</i> |
| <i> Phải thu từ các khách hàng khác</i> | <i>119.595.386</i> | <i>1.026.503</i> |
| Phải thu về thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 76.548.668 | - |
| Phải thu tiền bán căn hộ | 28.768.815 | 72.376.541 |
| TỔNG CỘNG | 1.607.110.089 | 2.048.582.210 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i> Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i> | <i>283.018.184</i> | <i>93.981.410</i> |
| <i> Phải thu các bên khác</i> | <i>1.324.091.905</i> | <i>1.954.600.800</i> |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 755.208.152 | 241.030.357 |
| Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ của Tập đoàn và mua máy móc, thiết bị | 585.491.717 | 922.757.727 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i> HongKong Tongqing International Trading Limited</i> | <i>244.247.966</i> | <i>407.507.805</i> |
| <i> Trả trước cho các nhà thầu khác</i> | <i>341.243.751</i> | <i>515.249.922</i> |
| Trả trước cho thầu phụ hai dự án sân bay ở Lào | 320.383.086 | 963.495.248 |
| TỔNG CỘNG | 1.661.082.955 | 2.127.283.332 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i> Trả trước các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i> | <i>489.232.072</i> | <i>43.910.459</i> |
| <i> Trả trước các bên khác</i> | <i>1.171.850.883</i> | <i>2.083.372.873</i> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 37) | 3.581.551.780 | 687.074.735 |
| Trong đó: | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (“An Phú”) (i) | 2.860.085.936 | - |
| Nhân viên Tập đoàn (ii) | 109.024.937 | 92.867.100 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty (iii) | 31.098.296 | - |
| Bên liên quan khác (iv) | 581.342.611 | 594.207.635 |
| Cho vay ngắn hạn các bên khác (iv) | 118.436.342 | 679.262.122 |
| | 3.699.988.122 | 1.366.336.857 |
| Dài hạn | | |
| Cho vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 37) | 5.050.459.374 | 4.789.375.936 |
| Trong đó: | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (“An Phú”) (i) | 1.471.708.240 | 4.087.185.936 |
| Nhân viên Tập đoàn (ii) | 294.936.000 | - |
| Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty (iii) | 697.320.000 | - |
| Bên liên quan khác (iv) | 2.586.495.134 | 702.190.000 |
| Cho vay dài hạn các bên khác (iv) | 843.568.572 | 1.054.121.740 |
| Cho vay dài hạn Chính phủ Lào – Dự án sân bay quốc tế Attapeu (v) | 167.980.345 | 468.094.618 |
| | 6.062.008.291 | 6.311.592.294 |
| TỔNG CỘNG | 9.761.996.413 | 7.677.929.151 |

(i) Đây là khoản Tập đoàn cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 (“Hợp đồng 1”), hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 (“Hợp đồng 2”), hợp đồng vay số 02/08/HĐV/AP/XNK ngày 8 tháng 8 năm 2014 (“Hợp đồng 3”), hợp đồng vay số 01/15/HA-AP ngày 7 tháng 4 năm 2015 (“Hợp đồng 4”), hợp đồng vay số 02/15/HA-AP ngày 8 tháng 9 năm 2015 (“Hợp đồng 5”) và khoản cho mượn ngắn hạn, chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

B09-DN/HN

Hợp đồng 1 được bảo đảm bởi toàn bộ tài sản, cổ phần, vốn góp, cổ tức, lợi ích và các tài sản khác tại Công ty của Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 1 tháng 10 năm 2013) và có lãi suất trong năm là 9,5%/năm (2014: 13%/năm). Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL-AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VND, có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày cho vay (tức ngày 17 tháng 7 năm 2014), và có lãi suất trong năm là 9,5%/năm (2014: 13%/năm).

Hợp đồng 3 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 300 tỷ VND, có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày cho vay (tức ngày 8 tháng 8 năm 2014), và có lãi suất trong năm là 12%/năm (2014: 12%/năm).

Hợp đồng 4 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 100 tỷ VND không lãi suất.

Hợp đồng 5 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 700 tỷ VND, có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày cho vay (tức ngày 8 tháng 9 năm 2015) và không lãi suất.

Phát sinh trong năm của khoản phải thu về cho vay và lãi vay từ An Phú tương ứng được chi tiết như sau:

Ngàn VND

| Gốc vay | Hợp đồng 1 | Hợp đồng 2 | Hợp đồng 3 | Hợp đồng 4 | Hợp đồng 5 | Cho mượn (*) | Tổng cộng |
|----------------|---------------|-------------|-------------|---------------|-------------|--------------|---------------|
| Số đầu năm | 3.166.085.936 | 641.100.000 | 280.000.000 | - | - | - | 4.087.185.936 |
| Tăng trong năm | 44.000.000 | - | - | 100.000.000 | 550.608.240 | 100.000.000 | 794.608.240 |
| Trả trong năm | (450.000.000) | - | - | (100.000.000) | - | - | (550.000.000) |
| Số cuối năm | 2.760.085.936 | 641.100.000 | 280.000.000 | - | 550.608.240 | 100.000.000 | 4.331.794.176 |

Ngàn VND

| Lãi vay | Hợp đồng 1 | Hợp đồng 2 | Hợp đồng 3 | Tổng cộng |
|------------------|--------------|------------|------------|--------------|
| Số đầu năm | 255.333.154 | 19.435.000 | 11.250.000 | 286.018.154 |
| Tăng trong năm | 307.714.528 | 32.810.536 | 34.071.665 | 374.596.729 |
| Trả trong năm | (64.261.479) | - | - | (64.261.479) |
| Số cuối năm (**) | 498.786.203 | 52.245.536 | 45.321.665 | 596.353.404 |

(*) Đây là khoản cho mượn ngắn hạn tín chấp, không lãi suất, và được giải ngân vào ngày 20 tháng 10 năm 2015.

(**) Số dư là lãi vay phải thu từ các khoản cho vay trên (Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho nhân viên có thời hạn hoàn trả từ ba đến ba mươi sáu tháng tính từ ngày giải ngân, có lãi suất theo lãi suất thị trường và được rà soát, điều chỉnh sáu tháng một lần.

(iii) Đây là các khoản phải thu từ cho vay Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm:

Số tiền cho Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty vay theo hợp đồng số 01/10/15HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2015 hoàn trả trong vòng ba năm và có lãi suất là 10%/năm.

Số tiền cho Ông Phan Thanh Thủ, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty vay theo hợp đồng số 1012-VAYCN ngày 10 tháng 12 năm 2015 hoàn trả trong vòng một năm, không lãi suất.

(iv) Đây là các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 7 năm 2020 với lãi suất trung bình từ 10% đến 15,1%/năm.

(v) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cấu trúc với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm (USD) | 21.900.188 | 5.523.976 |
| Tăng trong năm | 2.000.000 | 16.376.212 |
| Giảm trong năm | (16.417.767) | - |
| Số cuối năm (USD) | 7.482.421 | 21.900.188 |
| Số cuối năm (Ngàn VND) | 167.980.345 | 468.094.618 |

9. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Lãi cho vay các công ty (i) | 896.888.290 | 499.560.600 |
| Lãi cho vay nhân viên | 24.799.150 | 16.203.887 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 216.180.954 | 134.004.928 |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn | 1.144.114 | 56.560.937 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 372.764.311 | 183.403.119 |
| | 1.511.776.819 | 889.733.471 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 37) | 986.928.477 | 475.920.372 |
| Phải thu các bên khác | 524.848.342 | 413.813.099 |
| Dài hạn | | |
| Lãi cho vay các công ty (i) | 23.349.092 | - |
| Các khoản ký quỹ dài hạn | 18.174.130 | 8.887.880 |
| Phải thu dài hạn khác | 38.372.057 | 409.411.351 |
| | 79.895.279 | 418.299.231 |
| TỔNG CỘNG | 1.591.672.098 | 1.308.032.702 |

(i) Số dư này chủ yếu bao gồm khoản phải thu lãi cho vay An Phú được trình bày trong Thuyết minh số 8, với số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 596.353.404 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

10. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí các căn hộ xây để bán (i) | 644.705.652 | 813.467.945 |
| Thành phẩm | 38.557.275 | 130.834.310 |
| Hàng hóa (ii) | 10.267.024 | 5.217.701 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 2.428.332.779 | 610.217.068 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Chi phí nuôi bò thịt (iii) | 1.389.087.259 | 141.250.534 |
| Hoạt động sản xuất | 521.785.649 | 365.384.652 |
| Hoạt động xây dựng | 516.598.857 | 102.920.168 |
| Cung cấp dịch vụ | 861.014 | 661.714 |
| Nguyên vật liệu | 470.738.184 | 345.791.674 |
| Vật liệu xây dựng | 41.367.158 | 155.134.872 |
| Công cụ, dụng cụ | 17.666.745 | 24.241.988 |
| TỔNG CỘNG | 3.651.634.817 | 2.084.905.558 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (5.182.807) | - |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 3.646.452.010 | 2.084.905.558 |

(i) Trong giá trị các căn hộ để bán, dự án Bàu Thạc Gián trị giá 36.764.000 ngàn VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh số 26).

(ii) Trong hàng hóa, kho bãi đậu nành đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh số 26).

(iii) Chi phí nuôi bò thịt trị giá 1.389.087.259 ngàn VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh số 26).

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện giá trị tài sản thuần của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo này nên Tập đoàn chưa ghi giảm tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận chuyển | Thiết bị văn phòng | Vật nuôi và cây trồng lâu năm | Tài sản khác | Tổng cộng |
|---|-----------------------|------------------|------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------|---------------|
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.836.718.296 | 1.481.244.560 | 1.060.848.955 | 9.222.122 | 1.380.208.875 | 37.532.885 | 5.805.775.693 |
| Tăng trong năm | | | | | | | |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 352.611.437 | 138.802.251 | 183.494.479 | - | 1.785.032 | 12.321.360 | 689.014.559 |
| Mua trong năm | 49.596.370 | 129.063.898 | 73.636.005 | 605.361 | 728.110.200 | 7.127.046 | 988.138.880 |
| Tăng từ mua công ty con | 1.347.855 | 45.685.149 | 21.320.075 | - | - | 3.560.726 | 71.913.805 |
| Chênh lệch tỷ giá | 24.959.262 | 31.107.354 | 21.910.944 | (2.782) | 21.802.198 | 262.630 | 100.039.606 |
| Giảm trong năm | | | | | | | |
| Thanh lý | (183.933.466) | (41.427.449) | (100.751.634) | (1.352.514) | (86.012.363) | (1.578.143) | (415.055.569) |
| Xóa sổ tài sản cố định | (48.858.003) | (63.377.031) | (6.473.652) | - | - | - | (118.708.686) |
| Chuyển qua bất động sản đầu tư | (4.596.072) | - | - | - | - | - | (4.596.072) |
| Số cuối năm | 2.027.845.679 | 1.721.098.732 | 1.253.985.172 | 8.472.187 | 2.045.893.942 | 59.226.504 | 7.116.522.216 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | | | | | | |
| Số đầu năm | 216.325.272 | 253.374.608 | 133.866.833 | 5.148.738 | 41.397.282 | 10.046.871 | 660.159.604 |
| Tăng trong năm | | | | | | | |
| Khấu hao trong năm | 85.730.992 | 126.355.266 | 104.563.773 | 992.331 | 63.674.424 | 6.567.334 | 387.884.120 |
| Tăng từ mua công ty con | - | 2.534.033 | 1.867.341 | - | - | - | 4.401.374 |
| Chênh lệch tỷ giá | 5.984.598 | 3.598.305 | 1.934.353 | (8.481) | 658.630 | (7.279) | 12.160.126 |
| Giảm trong năm | | | | | | | |
| Thanh lý | (37.674.612) | (20.804.964) | (22.873.824) | (1.116.185) | (2.763.010) | (1.040.707) | (86.273.302) |
| Xóa sổ tài sản cố định | (16.966.119) | (18.643.821) | (1.878.925) | - | - | - | (37.488.865) |
| Chuyển qua bất động sản đầu tư | (1.099.260) | - | - | - | - | - | (1.099.260) |
| Số cuối năm | 252.300.871 | 346.413.427 | 217.479.551 | 5.016.403 | 102.967.326 | 15.566.219 | 939.743.797 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.620.393.024 | 1.227.869.952 | 926.982.122 | 4.073.384 | 1.338.811.593 | 27.486.014 | 5.145.616.089 |
| Số cuối năm | 1.775.544.808 | 1.374.685.305 | 1.036.505.621 | 3.455.784 | 1.942.926.616 | 43.660.285 | 6.176.778.419 |
| Trong đó: | | | | | | | |
| Thế chấp/ cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 26) | 1.775.544.808 | 1.374.685.305 | 1.036.505.621 | 3.455.784 | 1.942.926.616 | 43.660.285 | 6.176.778.419 |
| Đã khấu hao hết | 5.370.475 | 15.354.643 | 13.432.376 | 1.542.062 | - | 791.998 | 36.491.554 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN VÔ HÌNH

Ngàn VND

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
|---|-------------------|-------------------|--------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 42.635.853 | 134.285.181 | 176.921.034 |
| Tăng từ mua công ty con | 6.648.075 | - | 6.648.075 |
| Thanh lý trong năm | (36.988.433) | - | (36.988.433) |
| Số cuối năm | 12.295.495 | 134.285.181 | 146.580.676 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số đầu năm | 175.922 | 18.414.813 | 18.590.735 |
| Hao mòn trong năm | 249.303 | 16.776.900 | 17.026.203 |
| Số cuối năm | 425.225 | 35.191.713 | 35.616.938 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 42.459.931 | 115.870.368 | 158.330.299 |
| Số cuối năm | 11.870.270 | 99.093.468 | 110.963.738 |
| Trong đó: | | | |
| Thế chấp/ cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 26) | 11.870.270 | - | 11.870.270 |
| Đã hao mòn hết | - | 294.964 | 294.964 |

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Ngàn VND

| | Quyền sử dụng đất | Nhà cửa, vật kiến trúc | Tổng cộng |
|---|-------------------|------------------------|--------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 133.012.372 | 15.001.180 | 148.013.552 |
| Được cấp mới trong năm | 64.477.600 | - | 64.477.600 |
| Bị thu hồi trong năm | (51.828.858) | - | (51.828.858) |
| Thanh lý trong năm | (81.183.514) | - | (81.183.514) |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình | - | 4.596.072 | 4.596.072 |
| Số cuối năm | 64.477.600 | 19.597.252 | 84.074.852 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | | |
| Số đầu năm | - | 750.059 | 750.059 |
| Khấu hao trong năm | - | 500.039 | 500.039 |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình | - | 1.099.260 | 1.099.260 |
| Số cuối năm | - | 2.349.358 | 2.349.358 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 133.012.372 | 14.251.121 | 147.263.493 |
| Số cuối năm | 64.477.600 | 17.247.894 | 81.725.494 |
| Trong đó: | | | |
| Thế chấp/ cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 26) | - | 13.751.082 | 13.751.082 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------|------------|
| Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư | 16.877.980 | 17.835.828 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm | 8.631.938 | 8.341.506 |

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí trồng cây cao su và cây cọ dầu (*) (**) | 10.812.792.985 | 6.634.309.584 |
| Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (*) | 5.495.274.409 | 2.717.217.940 |
| Nhà máy thủy điện (*) | 3.305.411.052 | 1.667.380.438 |
| Văn phòng cho thuê | 793.334.270 | 793.161.542 |
| Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*) | 614.760.611 | 336.387.148 |
| Dự án bò thịt (*) | 239.012.337 | 57.262.902 |
| Vườn tiêu (*) | 83.114.339 | 64.776.197 |
| Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG | 47.140.970 | 100.268.827 |
| Thiết bị hạ tầng ngành khoáng sản | - | 213.693.057 |
| Các công trình khác (*) | 68.035.342 | 162.801.926 |
| TỔNG CỘNG | 21.458.876.315 | 12.747.259.561 |

(*) Vườn cây cao su, cây cọ dầu, Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, nhà máy thủy điện, vườn tiêu, dự án bò thịt và các công trình khác đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (*Thuyết minh số 26*).

(**) Giá trị vườn cây cọ dầu tăng thêm từ việc mua mới các công ty con trong năm (Công ty Cổ phần Đông Pênh và công ty con; và Công ty Cổ phần An Đông Mía và công ty con) với giá trị lần lượt là 525.458.356 ngàn VND và 485.982.823 ngàn VND (*Thuyết minh số 4.6 và Thuyết minh số 4.7*).

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay trị giá 1.143.044.636 ngàn VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 984.721.957 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, công trình thủy điện, cao su, cọ dầu và các dự án xây dựng căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

17.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

| Tên công ty con | Trụ sở | Tình trạng hoạt động | Ngày thành lập/ngày mua | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|--|---------------------------|----------------------|-------------------------|------------------|
| Bất động sản | | | | |
| (1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh | Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam | Đang hoạt động | 4/6/2007 | 85,75 |
| (2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar | Tp. Yangon, Myanmar | Đang hoạt động | 21/2/2013 | 85,75 |
| (3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok | Tp. Bangkok, Thái Lan | Đang hoạt động | 2009 | (i) 40,30 |
| Thủy điện | | | | |
| (4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 5/6/2007 | 95,58 |
| (5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu | Viên Chăn, Lào | Trước hoạt động | 18/7/2011 | 95,58 |
| (6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 | Tỉnh Attapeu, Lào | Trước hoạt động | 31/5/2013 | 95,58 |
| Nông nghiệp | | | | |
| (7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là "Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai") (ii) | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 26/5/2010 | 85,95 |
| (8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 5/2/2013 | 85,95 |
| (9) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 26/1/2011 | 85,94 |
| (10) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu | Tỉnh Attapeu, Lào | Đang hoạt động | 1/11/2011 | 85,94 |
| (11) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 1/2/2007 | 84,03 |
| (12) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh | Tỉnh Attapeu, Lào | Đang hoạt động | 12/1/2007 | 84,03 |
| (13) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk | Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam | Đang hoạt động | 12/9/2007 | 85,54 |
| (14) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê | Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam | Trước hoạt động | 15/1/2010 | 85,48 |
| (15) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu | Tỉnh Attapeu, Lào | Đang hoạt động | 22/5/2008 | 85,95 |
| (16) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas | Rattanakiri, Campuchia | Đang hoạt động | 17/2/2011 | 84,03 |
| (17) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động | 16/7/2010 | 85,95 |
| (18) Công ty TNHH Heng Brothers | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động | 25/1/2010 | 85,95 |
| (19) Công ty TNHH CRD | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động | 15/12/2010 | 85,95 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết về các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau: (tiếp theo)

| Tên công ty con | Trụ sở | Tình trạng hoạt động | Ngày thành lập/ngày mua | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|--|------------------------|----------------------|-------------------------|------------------|
| Nông nghiệp (tiếp theo) | | | | |
| (20) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động | 18/11/2009 | 85,95 |
| (21) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 26/4/2015 | 85,09 |
| (22) Công ty Cổ phần An Đông Mía | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 15/10/2015 | 61,41 |
| (23) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động | 15/10/2015 | 61,41 |
| (24) Công ty Cổ phần Đông Pênh | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 14/10/2015 | 85,69 |
| (25) Công ty TNHH Daun Pênh Agrico | Rattanakiri, Campuchia | Trước hoạt động | 14/10/2015 | 85,69 |
| Khai khoáng | | | | |
| (26) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Ngưng hoạt động | 8/12/2007 | 95,58 |
| (27) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum | Tỉnh Kontum, Việt Nam | Ngưng hoạt động | 9/2/2010 | 95,58 |
| (28) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông | Tỉnh Attapeu, Lào | Ngưng hoạt động | 15/10/2009 | 95,58 |
| Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ | | | | |
| (29) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 12/1/2009 | 69,48 |
| (30) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 7/5/2008 | 99,00 |
| (31) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) | Viên Chăn, Lào | Trước hoạt động | 6/1/2009 | 80,00 |
| (32) Công ty TNHH V&H Corporation | Viên Chăn, Lào | Trước hoạt động | 27/3/2009 | 100,00 |
| (33) Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai | Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | Đang hoạt động | 22/12/2009 | 55,12 |
| (34) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane | Viên Chăn, Lào | Trước hoạt động | 6/5/2010 | 100,00 |
| (35) Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai | Tp. Đà Nẵng, Việt Nam | Đang hoạt động | 27/7/2012 | 94,50 |

- (i) Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.
- (ii) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã cổ phiếu là HNG, số lượng cổ phiếu được niêm yết là 708.143.895 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Từ ngày 20 tháng 7 năm 2015, cổ phiếu HNG đã chính thức được giao dịch tại HOSE.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

17.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

| Tên công ty liên kết | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------------------------|------------------|--------------------|------------------|--------------------|
| | | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá trị ghi sổ | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá trị ghi sổ |
| | | | Ngàn VND | | Ngàn VND |
| Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar | Trồng cây cao su | 47,80 | 244.809.722 | 45,22 | 221.844.260 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông | Tư vấn và thiết kế điện | 25,00 | 7.489.918 | 25,00 | 7.870.422 |
| Công ty cổ phần HAGL Miền Trung (i) | Xây dựng và kinh doanh | - | - | 42,55 | 11.850.000 |
| Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (ii) | Chế biến và chăn nuôi gia súc | - | - | 45,00 | 38.929.500 |
| Công ty Cổ phần An Đông Mía (iii) | Trồng cao su và cọ dầu | - | - | 30,00 | 183.183.000 |
| TỔNG CỘNG | | | 252.299.640 | | 463.677.182 |

(i) Vào ngày 1 tháng 10 năm 2015, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ cổ phiếu sở hữu trong Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung cho các cá nhân không liên quan với giá bán là 9.300 VND/cổ phiếu theo các Hợp đồng số 01/2015/HDDCNCP, 02/2015/HDDCNCP và 03/2015/HDDCNCP ngày 1 tháng 10 năm 2015.

(ii) Vào ngày 26 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tiến hành hoán đổi 29.700.000 cổ phiếu, tương đương với 7,442% tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG, một công ty con của Công ty, cho các cổ đông không kiểm soát của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (“BSTN”), một công ty liên kết của Công ty, để lấy 29.700.000 cổ phiếu hiện hữu của BSTN, tương đương 54% tỷ lệ sở hữu trong BSTN do các cổ đông không kiểm soát này nắm giữ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BSTN tăng từ 45% lên 99% và BSTN trở thành công ty con của Công ty (Thuyết minh số 4.2).

(iii) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ cổ phiếu sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mía (“ADM”) cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai theo giá gốc theo Hợp đồng số 01/15/HĐCNVNG ngày 31 tháng 3 năm 2015. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã thu được toàn bộ số tiền phải thu từ nghiệp vụ này.

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã mua 13.900.000 cổ phiếu, tương đương với 69,5% tỷ lệ sở hữu trong ADM, từ các cổ đông không kiểm soát. Vào cùng ngày, công ty con của Công ty, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên đã mua thêm 100.000 tương đương với 0,5% tỷ lệ sở hữu trong ADM từ một cổ đông không kiểm soát của ADM. Theo đó, ADM và công ty con của ADM, Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat – sở hữu 100%, đã trở thành công ty con của Tập đoàn (Thuyết minh số 4.7).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Đầu tư vào các công ty khác (i) | 74.768.149 | 35.568.150 |
| Các khoản đầu tư khác | 1.170.000 | 1.170.000 |
| TỔNG CỘNG | 75.938.149 | 36.738.150 |

Đầu tư vào các công ty khác thể hiện các khoản đầu tư vào các công ty mà Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể.

(i) Giá trị tăng thêm của khoản đầu tư vào các công ty khác liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai với tỷ lệ sở hữu 4,9% từ Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, công ty con mới trong năm của Tập đoàn.

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí phát triển vườn mía | 658.413.797 | 768.523.792 |
| Công cụ, dụng cụ | 134.418.866 | 132.005.958 |
| Chi phí trồng cỏ | 121.112.688 | 19.108.996 |
| Tiền thuê đất | 91.834.191 | 48.225.510 |
| Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG | 63.699.738 | - |
| Chi phí vườn bắp | 49.185.469 | 48.928.696 |
| Chi phí thuê văn phòng | 26.054.715 | 26.543.171 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 11.795.634 | 11.267.580 |
| TỔNG CỘNG | 1.156.515.098 | 1.054.603.703 |

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Ngàn VND

| | Giá trị |
|-------------------------------|---------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 247.464.889 |
| Tăng từ mua công ty con | 477.110.925 |
| Xóa sổ trong năm | (245.328.259) |
| Số cuối năm | 479.247.555 |
| Giá trị phân bổ lũy kế | |
| Số đầu năm | 73.812.136 |
| Phân bổ trong năm | 29.056.524 |
| Xóa sổ trong năm | (98.131.300) |
| Số cuối năm | 4.737.360 |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 173.652.753 |
| Số cuối năm | 474.510.195 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|--------------------|
| Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ | 152.218.598 | 187.107.204 |
| Phải trả tiền sử dụng đất dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar | 490.407.288 | 396.268.196 |
| Phải trả nhà thầu xây dựng | 300.130.687 | 45.389.623 |
| Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây | 114.681.513 | 19.446.289 |
| Phải trả người bán khác | 66.210.000 | 4.721.002 |
| TỔNG CỘNG | 1.123.648.086 | 652.932.314 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải trả người bán khác</i> | <i>1.021.126.780</i> | <i>616.210.332</i> |
| <i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i> | <i>102.521.306</i> | <i>36.721.982</i> |

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|--------------------|
| Khách hàng thương mại trả tiền trước | 796.834.695 | 329.532.458 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Công ty Cổ phần Bò Đông Dương</i> | <i>574.711.583</i> | <i>-</i> |
| <i>Các khách hàng khác</i> | <i>222.123.112</i> | <i>329.532.458</i> |
| Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước | 267.453.816 | 150.000.000 |
| Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước | 374.145.290 | 29.203.546 |
| TỔNG CỘNG | 1.438.433.801 | 508.736.004 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Các khách hàng khác</i> | <i>1.186.629.294</i> | <i>258.276.004</i> |
| <i>Bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i> | <i>251.804.507</i> | <i>250.460.000</i> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VND

| | Số đầu năm | Số tăng trong năm | Số giảm trong năm | Số cuối năm |
|--|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| Phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 36.2) | 8.339.275 | 1.511.873 | (8.331.737) | 1.519.411 |
| Thuế khác | 6.569.717 | - | (5.850.351) | 719.366 |
| TỔNG CỘNG | 14.908.992 | 1.511.873 | (14.182.088) | 2.238.777 |
| Phải trả | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 252.321.600 | 388.545.991 | (478.628.393) | 162.239.198 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 36.2) | 22.532.903 | 155.060.849 | (109.599.492) | 67.994.260 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.822.157 | 13.675.640 | (9.915.279) | 6.582.518 |
| Thuế khác | 7.045.721 | 38.557.625 | (7.018.446) | 38.584.900 |
| TỔNG CỘNG | 284.722.381 | 595.840.105 | (605.161.610) | 275.400.876 |

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) |
|-------------------|--------------------|--|
| Chi phí lãi vay | 789.498.692 | 471.766.262 |
| Chi phí hoạt động | 19.889.639 | 31.598.195 |
| TỔNG CỘNG | 809.388.331 | 503.364.457 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|--------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Phải trả tiền mượn các công ty | 985.416.520 | 297.637.199 |
| Trong đó: | | |
| Chieun Sekong Group | 509.487.168 | - |
| HongKong Tongqing International Trading Limited | 254.401.133 | - |
| Các công ty khác | 221.528.219 | 297.637.199 |
| Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 37) | 132.170.945 | 234.249.473 |
| Phải trả tiền thuê đất | 14.649.561 | 16.239.014 |
| Phí bảo trì căn hộ | 14.386.625 | 12.319.247 |
| Phải trả nhân viên | 10.422.712 | 1.283.500 |
| Các khoản khác | 60.501.225 | 53.226.082 |
| | 1.217.547.588 | 614.954.515 |
| Dài hạn | | |
| Tiền thuê đất phải trả | 185.951.658 | 166.433.291 |
| Nhận ký quỹ dài hạn (*) | 155.032.207 | - |
| Các khoản khác | 205.741.000 | 3.340.222 |
| | 546.724.865 | 169.773.513 |
| TỔNG CỘNG | 1.764.272.453 | 784.728.028 |

(*) Khoản nhận ký quỹ dài hạn chủ yếu là tiền ký quỹ thuê căn hộ, trung tâm thương mại và văn phòng dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY

Ngàn VND

| | Số đầu năm | Số phát sinh trong năm | | Giảm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|------------------------|------------------------|------|-----------------------|
| | | Tăng | Giảm | | |
| Vay ngắn hạn | | | | | |
| Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 26.1) | 1.100.000.000 | - | - | - | 1.100.000.000 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 26.2) | 1.343.356.016 | 5.422.025.108 | (3.565.835.018) | | 3.199.546.106 |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 26.4) | 416.226.551 | 1.083.592.094 | (305.469.897) | | 1.194.348.748 |
| Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả | 3.980.000.000 | 1.373.860.293 | (2.550.000.000) | | 2.803.860.293 |
| Trong đó: | | | | | |
| Trái phiếu kèm chứng quyền (Thuyết minh số 26.5) | 2.000.000.000 | - | (1.700.000.000) | | 300.000.000 |
| Trái phiếu hoán đổi (Thuyết minh số 26.6) | 1.130.000.000 | - | - | | 1.130.000.000 |
| Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 26.3) | 850.000.000 | 1.373.860.293 | (850.000.000) | | 1.373.860.293 |
| | 6.839.582.567 | 7.879.477.495 | (6.421.304.915) | | 8.297.755.147 |
| Vay dài hạn | | | | | |
| Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 26.3) | 5.537.269.554 | 6.300.000.000 | (1.646.152.590) | | 10.191.116.964 |
| Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 26.4) | 5.690.843.270 | 4.044.043.451 | (1.183.440.006) | | 8.551.446.715 |
| Vay dài hạn khác | 58.877.114 | 19.121 | - | | 58.896.235 |
| | 11.286.989.938 | 10.344.062.572 | (2.829.592.596) | | 18.801.459.914 |
| TỔNG CỘNG | 18.126.572.505 | 18.223.540.067 | (9.250.897.511) | | 27.099.215.061 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.1 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte. Ltd. (“NIMP”), một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte. Ltd., của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND với mệnh giá là 1 triệu VND/trái phiếu. Trái phiếu sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VND/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng, nếu có. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng được niêm yết bởi bốn (4) ngân hàng trong nước (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam) cộng (+) 3%/năm được xác định vào ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được chi trả khi đáo hạn).

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2013, Công ty và NIMP đã ký kết bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 đã được điều chỉnh như sau:

- Ngày Đến hạn: Ngày Đến hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2015.
- Giá chuyển đổi: 25.000 VND/cổ phiếu và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.
- Lãi suất: Lãi Suất Tiền Gửi cộng (+) 3%/năm; được thanh toán hàng năm. “Lãi Suất Tiền Gửi” có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.
- Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 cho đến Ngày Đến hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thưởng, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần vào thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.
- Giá chuyển đổi sau khi điều chỉnh hiệu ứng pha loãng do phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu bằng mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu theo tỷ lệ 5:1; phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi cổ phiếu quốc tế và chia cổ tức trong năm 2013 là 21.610 VND/cổ phiếu; phát hành cổ phần phổ thông để chia cổ tức trong năm 2014 là 19.645 VND/cổ phiếu.
- Quyền yêu cầu Công ty mua lại Trái phiếu: Tại bất kỳ thời điểm nào từ ngày 31 tháng 8 năm 2013 đến Ngày Đến hạn, Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái phiếu với giá thỏa thuận. Theo đó, các trái phiếu trên đã được trình bày trong phần nợ ngắn hạn của báo cáo tài chính hợp nhất.
- Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.1 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 3107/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 31 tháng 7 năm 2015, một số điều khoản và điều kiện của trái phiếu chuyển đổi đã được phê duyệt sửa đổi và đã được NIMP chấp thuận, cụ thể như sau:

- Ngày Đến hạn: Ngày Đến hạn gia hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2017.
- Lãi suất: 3%/năm. Mức lãi suất này sẽ được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2015.
- Giá chuyển đổi: 19.645 VND/cổ phiếu và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, tỷ lệ tổng nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Công ty đã vượt quá tỷ lệ cho phép được quy định trong hợp đồng.

26.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngàn VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) | 1.896.279.457 | 497.665.111 |
| Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (“Ngân hàng Lào - Việt”) | 853.351.981 | 230.433.668 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai | 449.914.668 | 66.377.608 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Gia Lai | - | 548.879.629 |
| TỔNG CỘNG | 3.199.546.106 | 1.343.356.016 |

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu và đàn bò của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau:

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | Nguyên tệ | | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | Lãi suất | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12, 13, 14 và 15) |
|---|----------------------|-------------|------------|---|-------------|--|
| | | Ngàn VND | USD | | | |
| BIDV, Chi nhánh Gia Lai Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5331375/HĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015 | 761.483.565 | 359.810.396 | 17.820.460 | Từ ngày 10 tháng 3 năm 2016 đến ngày 23 tháng 11 năm 2016 | 5,05 - 10 | Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai vườn cao su 1.194,74 ha tại Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên – bên liên quan; 23 căn hộ và 2 tầng khu Thương mại Bà Thạc Gián, Đà Nẵng |
| Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/370863/HĐTD ngày 31 tháng 3 năm 2015 | 603.011.957 | 479.027.922 | 5.522.781 | Từ ngày 25 tháng 1 năm 2016 đến ngày 11 tháng 9 năm 2016 | 5,05 - 10,5 | Công trình khu liên hợp học viện bóng đá HAGL; công trình đại học Y Dược HAGL; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích hợp pháp khác từ vườn cây trên tại Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên - bên liên quan; và 30 căn hộ khu Thương mại Bà Thạc Gián, Đà Nẵng |
| Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015 | 486.807.546 | 486.807.546 | - | Từ ngày 28 tháng 4 năm 2016 đến ngày 29 tháng 9 năm 2016 | 9 - 10,5 | Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND |
| Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/2454995/HĐTD ngày 25 tháng 11 năm 2014 | 44.976.389 | 44.976.389 | - | Từ ngày 14 tháng 5 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016 | 9 - 9,7 | Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất trị giá 262 tỷ VND; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải |
| Tổng cộng BIDV | 1.896.279.457 | | | | | tổng trị giá 67 tỷ VND |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | Nguyên tệ | | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | Lãi suất (%/năm) | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12, 13, 14 và 15) |
|--|--------------------|------------|------------|--|------------------|---|
| | | USD | LAK | | | |
| <i>Ngân hàng Lào – Việt</i> | | | | | | |
| Hợp đồng tín dụng số 083/HD-LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015 | 401.445.860 | 17.807.468 | - | Từ ngày 9 tháng 7 năm 2016 đến 7 tháng 12 năm 2016 | 6,5 - 9 | Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Laman, Xekong, Lào; toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò trị giá 11.372.722 USD; toàn bộ đàn bò nhập về trị giá 26.460.000 USD |
| Hợp đồng tín dụng số 080/HD-LVB.ATP/2015 ngày 1 tháng 7 năm 2015 | 218.825.225 | - | 79.277.382 | Từ ngày 10 tháng 7 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016 | 11,25 | Máy cắt mía trị giá 5,136 tỷ LAK; Quyền sử dụng đất 18.313 m ² tại huyện Samakhixay, tỉnh Attapeu và tài sản liên quan trị giá 46,122 tỷ LAK |
| Hợp đồng tín dụng số 109/LVB.ATP/2015 ngày 1 tháng 10 năm 2015 | 120.362.496 | 5.339.951 | - | Từ ngày 17 tháng 6 năm 2016 đến 14 tháng 12 năm 2016 | 8 - 9,75 | Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ dự án nuôi bò thịt, trong đó tài sản cố định trị giá 7.660.097 USD và đàn bò nhập trị giá 17.640.000 USD |
| Hợp đồng tín dụng số 097/HD-LVB.ATP/2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015 | 112.718.400 | 5.000.000 | - | Ngày 26 tháng 11 năm 2016 | 8,75 | Toàn bộ đàn bò nhập về trị giá 47.640.000 USD; 2 quyền sử dụng đất tại Tỉnh Attapeu và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tổng diện tích 7,9 ha tổng trị giá 14.301.500 USD |
| Tổng cộng ngân hàng Lào - Việt | 853.351.981 | | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | | Lãi suất (%/năm) | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12, 13, 14 và 15) |
|--|--------------------|---|------|--|--|
| | | Ngàn VND | | | |
| <i>HD Bank, Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai</i> | | | | | |
| Hợp đồng vay số 0577/2015/HĐTDHM-DN/135 ngày 12 tháng 6 năm 2015 | 169.914.668 | Từ ngày 6 tháng 4 năm 2016 đến ngày 25 tháng 5 năm 2016 | 10,5 | Tài sản hình thành từ vốn vay (thức ăn cho bò) - kho bãi đậu nành và 5.000.000 cổ phiếu Công ty của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty | |
| Hợp đồng vay số 0874/2015/HĐTDHM-DN/135 ngày 31 tháng 8 năm 2015 | 280.000.000 | Từ ngày 1 tháng 9 năm 2016 đến ngày 3 tháng 9 năm 2016 | 11 | 24.300.000 cổ phiếu Công ty sở hữu bởi Công ty Cổ phần Chân nuôi Gia Lai - bên liên quan, và các quyền phát sinh liên quan | |
| Tổng cộng HDBank | 449.914.668 | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

| Tổ chức thu xếp phát hành | Ngày phát hành | Số tiền Ngàn VND | Ngày đáo hạn |
|--|---------------------------|-----------------------|--|
| Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“ACBS”) (i) | Ngày 25 tháng 4 năm 2012 | 1.760.450.342 | Từ ngày 16 tháng 3 năm 2016 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017 |
| BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BSC”) (ii) | Ngày 17 tháng 8 năm 2015 | 850.000.000 | Ngày 17 tháng 8 năm 2020 |
| BIDV và BSC (iii) | Ngày 9 tháng 7 năm 2013 | 950.000.000 | Ngày 9 tháng 7 năm 2016 |
| BIDV và BSC (iv) | Ngày 28 tháng 3 năm 2014 | 1.000.000.000 | Ngày 28 tháng 3 năm 2019 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia (“PHUGIASC”) (v) | Ngày 1 tháng 4 năm 2014 | 650.000.000 | Ngày 1 tháng 4 năm 2019 |
| Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBS”) (vi) | Ngày 28 tháng 11 năm 2014 | 1.000.000.000 | Ngày 28 tháng 11 năm 2017 |
| BIDV và BSC (vii) | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 1.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2019 |
| BIDV và BSC (viii) | Ngày 23 tháng 7 năm 2015 | 2.150.000.000 | Ngày 23 tháng 7 năm 2020 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (“FPTS”) và ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“VPB”) (ix) | Ngày 27 tháng 8 năm 2015 | 600.000.000 | Từ ngày 27 tháng 8 năm 2016 đến ngày 27 tháng 2 năm 2017 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital (x) | Ngày 17 tháng 11 năm 2015 | 1.700.000.000 | Ngày 17 tháng 12 năm 2018 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | | (95.473.085) | |
| TỔNG CỘNG | | 11.564.977.257 | |
| Trong đó: | | | |
| Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả | | 1.373.860.293 | |
| Vay dài hạn | | 10.191.116.964 | |

- (i) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2012, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 2.500 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do ACBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 18,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín, ACBS, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Eximbank”) và Công ty TNHH Hoàng Phú Sơn căn cứ theo các hợp đồng ngày 26 tháng 4 năm 2012, hợp đồng số 01/HĐMBTP.12 ngày 14 tháng 5 năm 2012, hợp đồng số 1506/2012/HĐ/EIB-HAGL ngày 18 tháng 6 năm 2012 và hợp đồng ngày 23 tháng 9 năm 2014 với số tiền thu được lần lượt là 450 tỷ VND, 450 tỷ VND, 800 tỷ VND và 141 tỷ VND. Theo đó, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.841 tỷ VND. Vào ngày 2 tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua lại trước hạn trái phiếu 80 tỷ VND từ Công ty Cổ phần Hoàn Mai. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á, Ngân hàng HD – Chi nhánh Sở Giao dịch Đồng Nai, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tương ứng là 520 tỷ VND, 200 tỷ VND, 240 tỷ VND và 800 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (“Lào”); dự án thủy điện Nậm Kông 2, công suất 66MW, tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu, Lào và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 74.696.000 cổ phiếu Công ty của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty; 51.650.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) do Công ty nắm giữ; 196.368.900 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh (“HAN”), là công ty con của Công ty; tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Thương Mại HAGL Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (“HAMY”), là công ty con của Tập đoàn tại Thành phố Yangon, Cộng hòa Liên bang Myanmar (“Myanmar”).

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2016, tài sản đảm bảo (tức là 2.625.860 cổ phiếu HNG sở hữu bởi Công ty) cho khoản trái phiếu nắm giữ bởi Bản Việt đã bị bán giải chấp với số tiền trị giá 23.860.293 ngàn VND (Thuyết minh số 43). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, 74.696.000 cổ phiếu Công ty do Chủ tịch Hội đồng Quản trị nắm giữ và 51.650.000 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ có giá trị thị trường lần lượt là VND 10.400/cổ phiếu và VND 28.800/cổ phiếu. Giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu trên sẽ phụ thuộc vào giá trị thị trường sau niên độ.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, tổng giá trị tài sản đảm bảo cho trái phiếu tổng mệnh giá 520 tỷ VND được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố tài sản. Đồng thời, vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, tổng giá trị tài sản đảm bảo cho hai gói trái phiếu tổng mệnh giá 200 tỷ VND và 240 tỷ VND của Ngân hàng HD – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt lần lượt không bằng tối thiểu 120% và 100% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong các hợp đồng cầm cố tài sản.

- (ii) Vào ngày 17 tháng 8 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 850 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do BIDV và BSC thu xếp phát hành theo Hợp đồng Hoán đổi trái phiếu ngày 23 tháng 7 năm 2015. Theo đó, các trái phiếu này được dùng để hoán đổi cho các trái phiếu có tổng mệnh giá 850 tỷ VND đáo hạn vào ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Công ty. Công ty không thu được bất kỳ khoản tiền nào từ việc phát hành trái phiếu hoán đổi này. Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”), BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 17 tháng 2 và ngày 17 tháng 8. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi BIDV. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong, thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”) là công ty con của Tập đoàn tại Tỉnh Attapeu, Lào; quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên.
- (iii) Vào ngày 9 tháng 7 năm 2013, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 950 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Những trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm với lãi suất là 14% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, VCB, BIDV và Vietinbank cộng với biên độ 5%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho BIDV theo hợp đồng ngày 9 tháng 7 năm 2013 với tổng số tiền thu được là 950 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi BIDV.

Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 2.723,9 ha tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, là các công ty con của Tập đoàn tại Tỉnh Attapeu, Lào.

- (iv) Vào ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng trị giá là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 12% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Chi nhánh Agribank – Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Vietinbank – Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh BIDV – Sở Giao Dịch 2 và Chi nhánh VCB – Thành phố Hồ Chí Minh và cộng (+) với biên độ 4%/năm. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 28 tháng 3 và 28 tháng 9. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi BIDV và Công ty Cổ phần Hoàn Mai với tổng số tiền tương ứng là 950 tỷ VND và 50 tỷ VND. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 3.637 ha cây cao su tại Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam; dự án trồng và chăm sóc 9.000 ha cây cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 8.216 ha cây cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 4.900 ha cây cao su tại Tỉnh Attapeu và SeKong, Lào. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM Lào; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, là các công ty con của Tập đoàn tại Tỉnh Attapeu, Lào.
- (v) Vào ngày 1 tháng 4 năm 2014, Công ty phát hành trái phiếu với tổng trị giá là 650 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do PHUGIASC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 13,5% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi mỗi sáu (6) tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại HDBank và cộng (+) với biên độ 6%/năm. Tiền lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần tính từ ngày phát hành. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho HDBank theo hợp đồng số 01/2014/HĐMTP ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tổng số tiền thu được là 650 tỷ VND. Tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu được sử dụng để tái cấu trúc tài chính và bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng HD – Chi nhánh Sở Giao dịch Đồng Nai. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là 67.275.000 cổ phiếu của HNG do Công ty nắm giữ; 196.368.900 cổ phần của HAN và các khoản tiền, tài sản còn lại sau khi được Eximbank – Sacombank xóa thế chấp hoàn trả thanh toán lại theo hợp đồng bảo lãnh số 178 và hợp đồng vay số 2000-LAV-201302293 ngày 18 tháng 4 năm 2013 (Thuyết minh số 26.4). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, 196.368.900 cổ phần của HAN nói trên được đồng thời dùng thế chấp cho 600 tỷ trái phiếu sở hữu bởi VPB như thuyết minh bên dưới (Thuyết minh số 26.3 ix).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

- (vi) Vào ngày 28 tháng 11 năm 2014, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm với lãi suất được thanh toán mỗi kỳ ba (3) tháng kể từ ngày phát hành (“kỳ tính lãi”). Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,35%/năm và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi Đồng Việt Nam đối với tổ chức kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,5%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho VPB theo hợp đồng số 2811/2014/HĐDM ngày 28 tháng 11 năm 2014 với tổng số tiền thu được là 1.000 tỷ VND. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu này được sử dụng để hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (600 tỷ VND) và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi VPB. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty và 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Cũng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, 4.700.000 cổ phiếu Công ty do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nắm giữ và 110.628.505 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ có giá trị thị trường lần lượt là VND 10.400/cổ phiếu và VND 28.800/cổ phiếu. Giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu trên sẽ phụ thuộc vào giá trị thị trường sau niên độ.

Vào thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, tổng giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 145% tổng mệnh giá trái phiếu theo quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

- (vii) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Công ty đã bán trái phiếu cho BIDV theo hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tổng số tiền thu được là 1.000 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi BIDV. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, công ty liên quan, thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai (470 tỷ VND); bổ sung vốn cho các công ty thành viên để chi trả cho các chi phí thực hiện dự án trồng, chăm sóc cây cao su, cọ dầu, xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu và nhà máy nhiệt điện (480 tỷ VND) và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (50 tỷ VND).

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM Lào; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, là các công ty con của Tập đoàn tại Tỉnh Attapeu, Lào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

(viii) Vào ngày 23 tháng 7 năm 2015, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 2.150 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 23 tháng 1 và ngày 23 tháng 7. Vào ngày 23 tháng 7 năm 2015, Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho BIDV theo Hợp đồng cùng ngày với tổng số tiền thu được là 2.150 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này vẫn được sở hữu bởi BIDV. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty, tăng quy mô vốn hoạt động và hợp tác kinh doanh thực hiện các dự án.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM Lào; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; một phần quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 2.723,9 ha tài sản Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas, là công ty con của Công ty tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia và 44.926.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

(ix) Vào ngày 27 tháng 8 năm 2015, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 600 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do FPT và VPB thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau mười tám (18) tháng với lãi suất 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi bằng Đồng Việt Nam đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB – Sở Giao Dịch được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“Lãi Suất Tham Chiếu”) cộng với biên độ là 4,5%/năm. Tiền lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần tính từ ngày phát hành. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho VPB theo hợp đồng ngày 25 tháng 8 năm 2015 với tổng số tiền thu được là 600 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này vẫn được sở hữu bởi VPB.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt tại Xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai cho Công ty Bò sữa Tây Nguyên, dưới hình thức hợp tác đầu tư.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là 196.368.900 cổ phần của HAN và các khoản tiền, tài sản còn lại sau khi được Eximbank – Sacombank xóa thế chấp hoàn trả thanh toán lại theo hợp đồng bảo lãnh 178 và hợp đồng vay số 2000-LAV-201302293 ngày 18 tháng 4 năm 2013 (*Thuyết minh số 26.4*); tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Thương Mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, là công ty con của Công ty tại Thành phố Yangon, Myanmar; vốn góp 51 triệu USD của HAN vào Công ty TNHH Hoàng Anh Myanmar; 225.970.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai và 234.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, 196.368.900 cổ phần của HAN nói trên được đồng thời dùng thế chấp cho 650 tỷ trái phiếu thuộc sở hữu HDBank như đã thuyết minh bên trên (*Thuyết minh số 26.3 v*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

(x) Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, HNG đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital thu xếp phát hành, phải được hoàn trả sau ba (3) năm một (1) tháng. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5%/năm.

HNG đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và VPB căn cứ theo các hợp đồng đặt mua vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, với số tiền thu được là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.700 tỷ VND. Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng và chăm sóc 37.643 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Tập đoàn. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu của HNG được nắm giữ bởi Công ty. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để thế chấp cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các trái phiếu được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND và chịu lãi suất 10,50%/năm trong năm nay.

Cũng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty có giá trị thị trường là VND 28.800/cổ phiếu. Giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu trên sẽ phụ thuộc vào giá trị thị trường sau niên độ. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngàn VND

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”) - Sở Giao dịch 1 | 3.155.600.000 | 2.320.110.909 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) | 2.868.532.269 | 2.141.159.481 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”) | 1.208.568.105 | 971.200.203 |
| Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (“Ngân hàng Lào - Việt”) - Chi nhánh Attapeu | 1.397.191.001 | 479.438.961 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) | 937.322.850 | - |
| Ngân hàng TMCP Á Châu (“ACB”) - Chi nhánh Gia Lai (*) | 178.581.238 | 147.455.793 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - Chi nhánh Gia Lai | - | 47.704.474 |
| TỔNG CỘNG | 9.745.795.463 | 6.107.069.821 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả | 1.194.348.748 | 416.226.551 |
| Vay dài hạn | 8.551.446.715 | 5.690.843.270 |

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án xây dựng và phát triển thủy điện, trồng cây cao su và mía, phát triển dự án bò thịt, xây dựng căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng và mua sắm máy móc thiết bị của Tập đoàn.

(*) Một phần tài sản đảm bảo cho khoản vay này (là 20.022.500 cổ phiếu HNG sở hữu bởi Công ty) đã được bán giải chấp bởi ACB vào ngày 9 tháng 3 năm 2016 (Thuyết minh số 43). Khoản vay này hiện đang được trình bày là khoản vay dài hạn đến hạn trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

| Tên ngân hàng | Số cuối năm Ngàn VND | Nguyên tệ USD | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | Lãi suất %/năm | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15) |
|--|-------------------------|------------------|---|--|---|
| <i>Eximbank – Chi nhánh Trung tâm Giao dịch số 1</i> | | | | | |
| Hợp đồng vay số 2000-LAV-201302293, ngày 18 tháng 4 năm 2013 | 3.155.600.000 | 140.000.000 | Hoàn trả trong vòng 120 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 10 tháng 4 năm 2013). Được thanh toán hàng quý làm 28 lần, lần đầu vào tháng 4 năm 2016 | Lãi suất LIBOR 3 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,8%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần (2015: 8% - 8,5%/năm) | Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án “Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar”, các khoản phải thu và tài sản khác; 196.368.900 cổ phần của HAN - tài sản này hiện đang đồng thời thế chấp cho trái phiếu 650 tỷ sở hữu bởi HDBank và trái phiếu 600 tỷ sở hữu bởi VPBank trình bày ở trên (Thuyết minh số 26.3) |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 338.100.000 | | | | |
| <i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i> | | | | | |
| Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010 | 723.036.497 | 32.077.928 | Hoàn trả trong vòng 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 28 tháng 4 năm 2010) | Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2015: 7%/năm) | Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào |
| Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV-Attapeu ngày 17 tháng 10 năm 2013 | 508.460.141 | 22.542.200 | Hoàn trả trong vòng 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 23 tháng 12 năm 2013) | Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2015: 7%/năm) | Tài sản dự án thủy điện Nậm Kông 2; khu liên hợp học viện bóng đá HAGL; bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trị giá 262 tỷ VND |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)**26.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | Lãi suất | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15) |
|---|-------------|---|---|---|
| | Ngàn VND | | %/năm | |
| <i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)</i> | | | | |
| Hợp đồng vay số 01/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015 | 222.482.398 | Hoàn trả trong vòng 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 4 tháng 5 năm 2015) | Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,2%/năm (2015: 8% - 10,7%/năm) | Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò tại Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND |
| Hợp đồng vay số 02/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015 | 79.544.318 | Hoàn trả trong vòng 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 4 tháng 5 năm 2015) | Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,2%/năm (2015: 8% - 11,25%/năm) | Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò sữa tại Gia Lai trị giá 480 tỷ VND |
| Hợp đồng vay số 05/2015/6261950/HĐTD ngày 1 tháng 12 năm 2015 | 65.968.272 | Hoàn trả trong vòng 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 1 tháng 12 năm 2015) | Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2015: 8%/năm) | Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò tại Xã Ia Băng, Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND |
| Hợp đồng vay số 01/2015/2454995/HĐTDTH ngày 9 tháng 3 năm 2015 | 20.206.660 | Hoàn trả trong vòng 25 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 19 tháng 3 năm 2015) | Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 2,8%/năm (2015: 10% - 10,8%/năm) | Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trị giá 262 tỷ VND; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tổng trị giá 67 tỷ VND |
| Hợp đồng vay số 02/2015/2454995/HĐTDTH ngày 23 tháng 4 năm 2015 | 4.220.608 | Hoàn trả trong vòng 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 23 tháng 4 năm 2015) | Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 36 tháng do BIDV thông báo cộng phí ngân hàng 3,2%/năm (2015: 10% - 10,95%/năm) | Toàn bộ máy móc thiết bị y tế hình thành từ vốn vay |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)**26.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | Nguyên tệ | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | Lãi suất | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15) |
|--|----------------------|------------|--|--|--|
| | Ngàn VND | USD | | %/năm | |
| <i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i> | | | | | |
| Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV-Attapeu ngày 18 tháng 2 năm 2013 | 663.612.357 | 29.436.736 | Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 18 tháng 4 năm 2013) | Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2015: 7%/năm) | 121 căn hộ thuộc Cao ốc Hoàng Văn Thu, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; quyền sử dụng đất tại Hồ sinh thái Đổng Đa, Thành phố Quy Nhơn; nhà máy đá Grannite HAGL tại Tỉnh Gia Lai; 136 căn hộ thuộc khu căn hộ cao cấp HAGL-BIDV tại Tỉnh Đắk Lắk; số dư tiền gửi ngân hàng 5.850.088 ngàn VND tại BIDV (Thuyết minh số 5); quyền sử dụng 6.993,2 m ² đất tại Phù Đổng, Pleiku, Gia Lai; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cò dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào |
| Hợp đồng vay số 01/2012/BIDV-HAGL_Attapeu ngày 22 tháng 3 năm 2012 | 581.001.018 | 25.772.235 | Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 23 tháng 4 năm 2012) | Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm (2015: 7% - 8%/năm) | Quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu, Lào |
| Tổng cộng BIDV | 2.868.532.269 | | | | |
| Trong đó: | | | | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 459.254.679 | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)**26.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

| Tên ngân hàng | Số cuối năm Ngàn VND | Nguyên tệ USD | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | Lãi suất %/năm | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15) |
|--|-------------------------|------------------|---|--|---|
| | | | | | |
| <i>Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng</i> | | | | | |
| Hợp đồng vay số LD1214500238 ngày 24 tháng 5 năm 2012 | 306.250.000 | - | Hoàn trả trong vòng 84 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 24 tháng 5 năm 2012) | 1,55%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,55% (2015: 11% - 13%/năm) | Toàn bộ diện tích 20.000 m ² đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Bình Hiên, Bình Thuận, Đà Nẵng |
| Hợp đồng tín dụng số LD1400300153 ngày 3 tháng 1 năm 2014 | 262.454.605 | 12.420.658 | Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 3 tháng 1 năm 2014) | 1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333%/tháng (2015: 11,55% - 12%/năm) | Toàn bộ diện tích 20.000 m ² đất và tài sản gắn liền với đất tại Phường Bình Hiên, Bình Thuận, Đà Nẵng; 16 triệu cổ phiếu Công ty của Chủ tịch |
| Hợp đồng tín dụng số LD 0931400065 ngày 10 tháng 11 năm 2009 | 22.500.000 | - | Ngày 19 tháng 1 năm 2016 | 0,875%/tháng trong tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 1 lần mỗi tháng theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng (2015: 12% - 13%/năm) | Tin chấp |
| Hợp đồng vay số 7683 ngày 6 tháng 8 năm 2007 | 9.843.750 | - | Ngày 24 tháng 3 năm 2016 | 1,1%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 0,45%/tháng (2015: 12,5% - 13,64%/năm) | Tin chấp |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)**26.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

| Tên ngân hàng | Số cuối năm Ngàn VND | Nguyên tệ USD | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | Lãi suất %/năm | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15) |
|--|-------------------------|------------------|--|---|--|
| | | | | | |
| <i>Sacombank, Chi nhánh Trung tâm</i> | | | | | |
| Hợp đồng vay số LD1516900472 ngày 22 tháng 6 năm 2015 | 300.000.000 | - | Hoàn trả trong vòng 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 22 tháng 6 năm 2015) | 6 tháng đầu: 11%/năm; từ tháng thứ 7: lãi suất tiền gửi 13 tháng cộng 3,5%/năm, điều chỉnh mỗi 3 tháng (2015: 11%/năm) | 30 triệu cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAN |
| <i>Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức</i> | | | | | |
| Hợp đồng tín dụng số LD133200419 ngày 29 tháng 11 năm 2013 | 250.000.000 | - | Hoàn trả trong vòng 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 6 tháng 12 năm 2013) | Lãi suất thả nổi (2015: 12%/năm) | Vườn cao su 1.328,1 ha của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên; quyền sử dụng 9.000 m ² đất tại Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Đà Nẵng, của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông – bên liên quan |
| <i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i> | | | | | |
| Hợp đồng tín dụng số LQ.1335703551 ngày 23 tháng 12 năm 2013 | 57.519.750 | 2.500.000 | Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 23 tháng 12 năm 2013) | Lãi suất huy động USD thời hạn 12 tháng của ngân hàng Sacombank (CPC) + biên độ 3,5%/năm, thay đổi 6 tháng 1 lần (2015: 9%/năm) | Quyền sử dụng đất thuê diện tích 8.825 ha và các công trình đã xây dựng, cùng với các tài sản có trên đất tại Huyện Lum Phat, Tỉnh Ratanakiri (trị giá 7.423.000 USD) |
| Tổng cộng Sacombank | 1.208.568.105 | | | | |
| Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả | 161.016.969 | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | Nguyên tệ | | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | Lãi suất | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15) |
|---|-------------|------------|-------------|--|---|--|
| | | USD | LAK | | | |
| <i>Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu</i> | | | | | | |
| Hợp đồng vay số 102/LVB-ATP/2014 ngày 25 tháng 12 năm 2014 | 342.192.713 | - | 123.982.868 | Hoàn trả trong vòng 144 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 2 tháng 2 năm 2015) | 13,75%/năm trong năm đầu tiên, từ năm thứ 2 lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng + biên độ lãi suất quy định từng thời kỳ | Tài sản dự án Thủy điện Nậm Kông 3 |
| Hợp đồng vay số 098/HĐ-LVB.ATP/2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015 | 315.729.777 | 14.005.246 | - | Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 5 tháng 8 năm 2015). Thời gian ân hạn 12 tháng. | 10%/năm đối với 06 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng tại LVB + biên độ lãi suất, điều chỉnh 06 tháng/lần | 2 quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tổng diện tích 7,9 ha; đàn bò nhập về trị giá 47.640.000 USD |
| Hợp đồng vay số 010/2013/LVB-ATTAPEU ngày 15 tháng 3 năm 2013 | 281.075.943 | 7.649.849 | 39.355.142 | Hoàn trả trong vòng 120 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 21 tháng 3 năm 2013) | Vay bằng USD: mức vay trung hạn tại LVB, điều chỉnh 6 tháng/lần. (2015: 11%/năm). Vay bằng LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần (2015: 13,75%/năm) | Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào |
| Hợp đồng vay số 006/LVB.NVKD/2012 ngày 20 tháng 3 năm 2012 | 220.385.558 | - | 79.849.840 | Hoàn trả trong vòng 108 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn (tức ngày 20 tháng 3 năm 2015) | Lãi suất năm đầu 13,5%, sau đó, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng + 3%/năm, sẽ được điều chỉnh 6 tháng/lần.(2015: 13,5% - 13,75%/năm) | Tài sản dự án thủy điện Nậm Kông 2 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | Nguyên tệ | | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | Lãi suất | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15) |
|---|----------------------|-----------|------------|---|---|--|
| | | USD | LAK | | | |
| <i>Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu</i> (tiếp theo) | | | | | | |
| Hợp đồng vay số 056/2013/LVB-ATTAPEU ngày 19 tháng 9 năm 2013 | 165.582.110 | - | 59.993.518 | Hoàn trả trong vòng 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 31 tháng 10 năm 2013) | 13,5%/năm trong năm đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 3%/năm (13,5% - 13,75%/năm) | Tài sản dự án thủy điện Nậm Kông 2 |
| Hợp đồng vay số 025/LVB.NVKD/2012 ngày 10 tháng 9 năm 2012 | 27.371.223 | - | 9.917.110 | Hoàn trả trong vòng 48 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 10 tháng 9 năm 2012) | 13,5%/năm trong năm đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm (2015: 13,5% - 13,75%/năm) | 2 quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tổng diện tích 7,9 ha tổng trị giá 14.301.500 USD |
| Hợp đồng vay số 124/HĐ-LVB/2015 ngày 25 tháng 11 năm 2015 | 44.853.677 | 1.989.634 | - | Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 30 tháng 11 năm 2015) | 10,5 | Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư |
| Tổng cộng Ngân hàng Lào - Việt | 1.397.191.001 | | | | | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | <i>57.395.862</i> | | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)**26.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

| Tên ngân hàng | Số cuối năm | Nguyên tệ | | Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn | Lãi suất | Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15) |
|---|--------------------|-------------|------------|--|---|--|
| | | Ngàn VND | USD | | | |
| <i>HD Bank – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai</i> | | | | | | |
| Hợp đồng vay số 0044/2014/HĐTĐTDH-DN ngày 25 tháng 4 năm 2014 | 874.362.225 | 449.999.993 | 18.827.073 | Hoàn trả trong vòng 60 tháng từ ngày giải ngân (tức ngày 25 tháng 4 năm 2014) | 8% cho năm đầu tiên, sau đó lãi suất huy động USD thời gian 12 tháng của ngân hàng cộng 7% nhưng không vượt quá 8%/năm, điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2015: 12% - 13%/năm cho VND và 7,5% - 8%/năm cho USD) | 42.880.000 Cổ phiếu của Công ty do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nắm giữ và toàn bộ quyền phát sinh; quyền thuê đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trên đất và quyền khai thác dự án Hoàng Anh Lumphat |
| <i>HD Bank – Chi nhánh Đắk Lắk</i> | | | | | | |
| Hợp đồng vay số 1762/2015/HĐTĐTDH-DN ngày 2 tháng 12 năm 2015 | 62.960.625 | 62.960.625 | - | Hoàn trả trong vòng 60 tháng từ ngày giải ngân (tức ngày 2 tháng 12 năm 2015) | 11,25 | Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò |
| Tổng cộng HD bank | 937.322.850 | | | | | |
| <i>ACB, Chi nhánh Gia Lai</i> | | | | | | |
| Hợp đồng tín dụng số GILDN02041110 ngày 4 tháng 11 năm 2010 | 178.581.238 | 178.581.238 | - | Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 4 tháng 11 năm 2010) | Lãi suất thả nổi, (2015: 10,5% - 11%/năm) | 28.405.000 cổ phiếu HNG; tiền gửi ngân hàng của Công ty trị giá 24.000.000 ngàn VND (Thuyết minh số 5) |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 178.581.238 | | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)**26.5 Trái phiếu kèm chứng quyền**

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm 1 năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37%/năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước (“SBV”) bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. HNG đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (“ECS”) căn cứ theo các hợp đồng lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được lần lượt là 750 tỷ VND, 450 tỷ VND và 800 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VND. Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của HNG và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của HNG và các công ty con.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của HNG tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của HNG tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của HNG tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã trả 1.700 tỷ VND của trái phiếu đến hạn. Các trái phiếu còn lại trị giá 300 tỷ VND được gia hạn thêm một (1) năm từ ngày 28 tháng 12 năm 2015. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 25.585.000 cổ phiếu và 3.850.000 cổ phiếu của Công ty lần lượt thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức và ông Nguyễn Anh Hòa và 4.000.000 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và thời điểm lập báo cáo này, giá trị của các tài sản đảm bảo này không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu được người sở hữu trái phiếu nắm giữ.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Bắc Á và đã được phân loại sang khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. VAY (tiếp theo)

26.6 Trái phiếu hoán đổi

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Tập đoàn đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VND cho NIMP với các nội dung chi tiết như sau:

- Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 VND.
 - Số lượng trái phiếu phát hành: 1.130.000.
 - Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ Ngày Hoàn Tất (tức ngày 30 tháng 6 năm 2015) với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thoả thuận của chủ sở hữu trái phiếu.
- Trong năm, Công ty đã đàm phán với NIMP và đã được chấp thuận việc gia hạn kỳ hạn của trái phiếu đến 14 tháng 7 năm 2017 (ngày đến hạn gia hạn).
- Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

Lãi suất = 5% x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái).

“Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái” có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa Đô la Mỹ và VND do Ngân hàng HSBC Việt Nam niêm yết kể từ ngày phát hành trái phiếu (“ngày phát hành”) đến trước 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

Lãi Suất = 5% x (1+y)ⁿ

Trong đó “y” có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Tập đoàn thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Tập đoàn không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%; n” có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ ngày phát hành đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của HNG do Công ty nắm giữ vào bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của HNG hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Hoàn Tất tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Hoàn Tất.
- Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của HNG.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, tỷ lệ nợ ngắn hạn trên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao tài sản cố định (“EBITDA”) đã vượt mức cho phép theo quy định của hợp đồng mua bán trái phiếu. Do đó, các trái phiếu này đã được trình bày tại mục vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

| | Ngàn VND | | | | | | | | | |
|---|----------------------|----------------------|------------------|-------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|--|
| | Vốn cố phần | Thặng dư vốn cố phần | Cổ phiếu quỹ | Phụ trội hợp nhất công ty con | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng | |
| Năm trước | | | | | | | | | | |
| Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) | 7.181.546.930 | 3.544.438.784 | - | (170.661.078) | 89.710.850 | 8.622.737 | 230.027.423 | 1.958.111.130 | 12.841.796.776 | |
| Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) | - | - | - | - | - | - | - | 1.453.002.809 | 1.453.002.809 | |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | - | - | (89.040.707) | - | - | - | (89.040.707) | |
| Thanh lý công ty con | - | - | - | 23.636.169 | - | - | - | - | 23.636.169 | |
| Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký | - | - | - | - | - | - | - | (11.063.176) | (11.063.176) | |
| Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ phúc lợi | - | - | - | - | - | - | 11.106.123 | (17.769.797) | (6.663.674) | |
| Chi cổ tức bằng cổ phiếu | 718.132.540 | - | - | - | - | - | - | (718.132.540) | - | |
| Thu hồi cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ | - | - | (686.640) | - | - | - | - | - | (686.640) | |
| Thuế GTGT không được khấu trừ của chi phí phát hành cổ phiếu | - | (5.360.000) | - | - | - | - | - | - | (5.360.000) | |
| Số cuối năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) | 7.899.679.470 | 3.539.078.784 | (686.640) | (147.024.909) | 670.143 | 8.622.737 | 241.133.546 | 2.664.148.426 | 14.205.621.557 | |

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

| Ngàn VND | | | | | | | | | | |
|---|----------------------|----------------------|------------------|-------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--|
| Năm nay | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Phụ trội hợp nhất công ty con | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng | |
| Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) | 7.899.679.470 | 3.539.078.784 | (686.640) | (147.024.909) | 670.143 | 8.622.737 | 241.133.546 | 2.664.148.426 | 14.205.621.557 | |
| Phân loại lại (Thuyết minh số 42) | - | - | - | 147.024.909 | - | 241.133.546 | (241.133.546) | (147.024.909) | - | |
| Số đầu năm (Đã trình bày lại) | 7.899.679.470 | 3.539.078.784 | (686.640) | - | 670.143 | 249.756.283 | - | 2.517.123.517 | 14.205.621.557 | |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | - | - | 502.343.207 | 502.343.207 | |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | - | - | 554.407.110 | - | - | - | 554.407.110 | |
| Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký | - | - | - | - | - | - | - | (737.400) | (737.400) | |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ phúc lợi | - | - | - | - | - | 30.139.020 | - | (48.249.432) | (18.110.412) | |
| Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con | - | - | - | - | - | - | - | (946.576.643) | (946.576.643) | |
| Số cuối năm | 7.899.679.470 | 3.539.078.784 | (686.640) | - | 555.077.253 | 279.895.303 | - | 2.023.903.249 | 14.296.947.419 | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Cổ phiếu

| | Số cuối năm Cổ phiếu | Số đầu năm Cổ phiếu |
|--|-------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 789.967.947 | 789.967.947 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 789.967.947 | 789.967.947 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 789.899.283 | 789.899.283 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | 68.664 | 68.664 |

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

27.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

| Ngàn VND | | |
|-----------------------------------|---------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Vốn cổ phần đã góp | | |
| Số đầu năm | 7.899.679.470 | 7.181.546.930 |
| Tăng trong năm | - | 718.132.540 |
| Số cuối năm | 7.899.679.470 | 7.899.679.470 |
| Cổ tức | | |
| Chi cổ tức bằng cổ phiếu | - | 718.132.540 |
| Cổ tức đã trả bằng tiền trong năm | - | - |

28. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

| Ngàn VND | | |
|---|----------------------|--|
| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) |
| Số đầu năm | 1.149.582.771 | 666.358.469 |
| Mua công ty con | 465.067.390 | - |
| Lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát | 100.017.738 | 79.758.651 |
| Thanh lý công ty con | (8.652.537) | (26.337.757) |
| Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát | (2.200.000) | - |
| Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát | (602.955) | (9.041.163) |
| Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con nhưng không làm thay đổi quyền sở hữu | 265.560.456 | 438.844.571 |
| Số cuối năm | 1.968.772.863 | 1.149.582.771 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 41) |
|--|--------------------|---|
| Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND) | 502.343.207 | 1.453.002.809 |
| Trích lập quỹ phúc lợi (Ngàn VND) | (18.110.412) | (6.663.674) |
| Tiền lãi sau thuế của trái phiếu chuyển đổi hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Ngàn VND) | 47.883.010 | 57.475.599 |
| Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng (Ngàn VND) | 532.115.805 | 1.503.814.734 |
| Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 789.899.283 | 789.949.511 |
| Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi (*) | 55.993.892 | 55.993.892 |
| Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm | 845.893.175 | 845.943.403 |
| Lãi trên cổ phiếu (VND) | | |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 613 | 1.831 |
| - Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 613 | 1.778 |

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 26.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành 1.100 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá 1 triệu VND/trái phiếu. Các trái phiếu này có thể có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai như đã được tính toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chúng có tác động suy giảm ngược.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

30. DOANH THU

30.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------------|----------------------|
| Doanh thu gộp | 6.252.482.061 | 3.055.283.747 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu bán bò | 2.541.497.017 | - |
| Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng | 1.040.289.682 | 765.159.377 |
| Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường | 871.366.579 | 1.042.101.594 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 614.231.760 | 309.979.158 |
| Doanh thu bán bắp | 323.258.716 | 204.513.672 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 252.575.175 | 224.413.140 |
| Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư | 214.941.818 | - |
| Doanh thu bán căn hộ | 198.041.907 | 238.041.606 |
| Doanh thu bán mũ cao su | 196.279.407 | 226.690.873 |
| Doanh thu bán khoáng sản | - | 44.384.327 |
| Khoản giảm trừ | (35.528) | (952.791) |
| Hàng bán trả lại | (35.528) | (952.791) |
| Doanh thu thuần | 6.252.446.533 | 3.054.330.956 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu bán bò | 2.541.497.017 | - |
| Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng | 1.040.289.682 | 765.159.377 |
| Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường | 871.366.579 | 1.042.101.594 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 614.196.232 | 309.290.199 |
| Doanh thu bán bắp | 323.258.716 | 204.513.672 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 252.575.175 | 224.149.308 |
| Doanh thu từ thanh lý bất động sản đầu tư | 214.941.818 | - |
| Doanh thu bán căn hộ | 198.041.907 | 238.041.606 |
| Doanh thu bán mũ cao su | 196.279.407 | 226.690.873 |
| Doanh thu bán khoáng sản | - | 44.384.327 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu đối với bên khác | 5.127.016.227 | 2.718.594.813 |
| Doanh thu đối với bên liên quan | 1.125.465.834 | 336.688.934 |

30.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền cho vay | 774.082.821 | 653.100.465 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 230.702.842 | 22.139.274 |
| Lãi từ chuyển nhượng cổ phần và thanh lý các khoản đầu tư | 29.925.898 | 755.235.461 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 18.714.532 | 47.097.991 |
| Cổ tức | 230.425 | 245.920 |
| TỔNG CỘNG | 1.053.656.518 | 1.477.819.111 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Giá vốn bán bò | 1.798.098.921 | - |
| Giá vốn của các hợp đồng xây dựng | 799.970.554 | 466.180.953 |
| Giá vốn của các sản phẩm ngành đường | 501.695.563 | 485.395.860 |
| Giá vốn hàng hóa | 518.873.603 | 249.111.871 |
| Giá vốn bán bắp | 127.610.998 | 76.393.096 |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 199.771.582 | 181.103.084 |
| Giá vốn bất động sản đầu tư | 99.095.539 | - |
| Giá vốn căn hộ | 161.652.655 | 191.417.979 |
| Giá vốn mỏ cao su | 191.251.156 | 119.433.788 |
| Giá vốn khoáng sản | - | 58.301.435 |
| TỔNG CỘNG | 4.398.020.571 | 1.827.338.066 |

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 41) |
|--|----------------------|---|
| Lãi vay ngân hàng và trái phiếu | 1.078.711.240 | 604.691.381 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 97.354.796 | 12.739.356 |
| Lỗ từ chuyển nhượng cổ phần và thanh lý các khoản đầu tư | 20.857.250 | 5.498.514 |
| Các khoản khác | 6.744.321 | 5.208.895 |
| TỔNG CỘNG | 1.203.667.607 | 628.138.146 |

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 67.390.726 | 55.592.721 |
| Chi phí lương nhân viên | 2.725.126 | 3.381.819 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 1.119.391 | 866.658 |
| Chi phí khác | 40.003.817 | 22.371.581 |
| TỔNG CỘNG | 111.239.060 | 82.212.779 |

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 114.216.174 | 69.666.766 |
| Chi phí lương nhân viên | 101.193.708 | 90.612.523 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 27.836.710 | 23.164.762 |
| Chi phí khác | 107.125.150 | 85.462.357 |
| TỔNG CỘNG | 350.371.742 | 268.906.408 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

35. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------------|--------------------|
| Thu nhập khác | 180.631.718 | 106.382.214 |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | 161.694.345 | 96.328.508 |
| Các khoản bồi thường nhận được | 2.672.268 | 1.570.141 |
| Các khoản khác | 16.265.105 | 8.483.565 |
| Chi phí khác | 615.325.413 | 81.957.304 |
| Chi phí xóa sổ tài sản ngành khoáng sản | 496.810.516 | - |
| Chi phí xóa sổ tài sản ngành thủy điện | 47.811.857 | - |
| Các khoản phạt | 11.281.615 | 11.092.220 |
| Khấu hao tài sản ngưng sử dụng | 1.581.124 | 13.380.104 |
| Các khoản khác | 57.840.301 | 57.484.980 |
| (LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC | (434.693.695) | 24.424.910 |

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

36.1 Chi phí thuế TNDN

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|--------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 145.222.353 | 58.706.419 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước | 8.326.623 | 8.768.793 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 50.302.292 | 149.742.906 |
| TỔNG CỘNG | 203.851.268 | 217.218.118 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

36.2 Thuế TNDN hiện hành

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 41) |
|---|--------------------|---|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 806.212.213 | 1.749.979.578 |
| Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế | | |
| <i>Điều chỉnh tăng</i> | | |
| Lỗ từ các công ty con | 393.289.083 | 221.602.344 |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 241.817.159 | 21.077.444 |
| Thay đổi chi phí phải trả | 93.834.097 | 24.722.108 |
| Các chi phí không có chứng từ hợp lệ | 55.649.676 | 27.096.079 |
| Lợi thế thương mại phân bổ | 29.056.524 | 46.233.392 |
| Lỗ từ các công ty liên kết | 1.898.163 | - |
| Các khoản khác | 14.094.854 | 11.297.592 |
| <i>Điều chỉnh giảm</i> | | |
| Lợi nhuận của các hoạt động thuộc diện miễn thuế | (728.821.481) | (757.188.308) |
| Chi phí lãi vay đã được khấu trừ khi tính thuế nhưng được vốn hóa vào dự án trên báo cáo tài chính hợp nhất | (182.693.504) | (202.261.380) |
| Lãi từ việc thanh lý công ty con | (29.925.898) | (77.544.144) |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | (16.665.539) | 5.927.125 |
| Thu nhập cổ tức | (230.425) | (245.920) |
| Thu nhập từ phát hành cổ phiếu HAN | - | (745.706.593) |
| Các khoản khác | (3.349.750) | (52.156.654) |
| Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành chưa căn trừ lỗ năm trước | 674.165.172 | 272.832.663 |
| Lỗ các năm trước chuyển sang | (14.063.566) | (4.768.425) |
| Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành sau khi căn trừ lỗ năm trước | 660.101.606 | 268.064.238 |
| Thuế TNDN ước tính năm hiện hành | 145.222.353 | 58.706.419 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước | 8.326.623 | 8.768.793 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm | 153.548.976 | 67.475.212 |
| Thuế TNDN phải trả đầu năm | 14.193.628 | 36.676.832 |
| Các khoản tăng khác | 8.331.737 | - |
| Thuế TNDN đã trả trong năm | (109.599.492) | (89.958.416) |
| Thuế TNDN phải trả cuối năm | 66.474.849 | 14.193.628 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 23) | 67.994.260 | 22.532.903 |
| Thuế TNDN nộp thừa (Thuyết minh số 23) | (1.519.411) | (8.339.275) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

36.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm như sau:

Ngàn VND

| | Bảng cân đối kế toán hợp nhất | | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | |
|--|----------------------------------|--------------------|--|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Năm nay | Năm trước |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | | | | |
| Các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang các năm sau của các công ty con | - | 110.825.458 | 110.825.458 | (6.724.690) |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 82.941.387 | 38.035.752 | (44.905.635) | (975.754) |
| Các khoản khác | - | - | - | 1.678.184 |
| | 82.941.387 | 148.861.210 | 65.919.823 | (6.022.260) |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | | | | |
| Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh | 202.288.236 | - | - | - |
| Thu nhập từ việc chuyển nhượng một phần sở hữu trong các công ty con | 189.506.405 | 208.457.044 | (18.950.639) | 164.055.450 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 3.333.108 | - | 3.333.108 | - |
| Các khoản khác | - | - | - | (8.290.284) |
| | 395.127.749 | 208.457.044 | (15.617.531) | 155.765.166 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | | 50.302.292 | 149.742.906 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Ngàn VND

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Giao dịch | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|--|---------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty liên quan | Cho vay | 1.719.085.398 | 832.250.000 |
| | | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.111.024.040 | 313.885.515 |
| | | Mua hàng hóa và dịch vụ | 1.148.449.076 | - |
| | | Thu hồi tiền cho vay | 512.697.837 | - |
| | | Mua tài sản | 305.043.871 | 33.990.153 |
| | | Lãi cho vay | 154.943.197 | 6.990.563 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Công ty liên quan | Cho vay | 965.478.783 | 1.323.553.000 |
| | | Thu hồi tiền cho vay | 739.740.000 | 772.637.944 |
| | | Lãi cho vay | 374.596.730 | 478.617.876 |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch | Cho vay | 697.320.000 | - |
| | | Lãi cho vay | 14.548.178 | - |
| Ông Huỳnh Hữu Vũ | Bên liên quan | Cho vay | 294.936.000 | - |
| Ông Phan Thanh Thủ | Hội đồng quản trị | Tạm ứng hoạt động kinh doanh | 138.499.307 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ | Công ty liên quan | Cho vay | 30.434.400 | - |
| | | Thuê máy móc và thiết bị | 44.588.000 | 53.290.710 |
| | | Mua công cụ, dụng cụ | 37.919.758 | 35.208.439 |
| | | Cho vay | 14.651.980 | - |
| | | Lãi cho vay | 622.820 | - |
| Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ | Công ty liên quan | Cho vay | 72.533.690 | - |
| | | Lãi cho vay | 1.585.248 | - |
| Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn | Công ty liên quan | Cho vay | 54.140.386 | - |
| | | Lãi cho vay | 2.492.768 | - |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Cho vay | 42.869.945 | 70.117.796 |
| | | Lãi cho vay | 28.743.750 | 28.743.750 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông | Công ty liên kết | Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng | 13.609.883 | 22.803.419 |
| | | Cung cấp dịch vụ | 831.911 | 654.560 |
| | | Chia cổ tức | 600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai") | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 7.665.243 | - |
| | | Lãi cho vay | - | 10.607.567 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Giao dịch | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|-----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6) | | | | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty liên quan | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 251.786.032 | 21.254.330 |
| | | Phải thu hợp đồng xây dựng | 24.059.702 | 21.326 |
| | | Bán tài sản | 383.279 | 383.279 |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông | Công ty liên quan | Cung cấp dịch vụ | 1.813.211 | 1.414.775 |
| Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn | Công ty liên quan | Cung cấp dịch vụ | 1.452.577 | 8.815.564 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Công ty liên quan | Cung cấp dịch vụ | 1.302.577 | - |
| | | Thanh lý khoản đầu tư | - | 48.091.600 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông | Công ty liên kết | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 915.102 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ | Công ty liên quan | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 250.570 | 1.178.925 |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai") | Công ty liên quan | Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 118.125 | - |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 873.319 | 1.537.840 |
| Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh | Công ty liên quan | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 63.690 | 11.283.771 |
| TỔNG CỘNG | | | 283.018.184 | 93.981.410 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7) | | | | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty liên quan | Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ | 467.936.006 | 14.305.013 |
| | | Ứng trước mua tài sản | 4.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông | Công ty liên kết | Ứng trước phí tư vấn thiết kế | 17.023.166 | 16.332.546 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ | Công ty liên quan | Ứng trước cho hợp đồng xây dựng | 272.900 | 13.272.900 |
| TỔNG CỘNG | | | 489.232.072 | 43.910.459 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Giao dịch | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|
| Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8) | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Công ty liên quan | Cho vay | 2.860.085.936 | - |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai") | Công ty liên quan | Cho vay | 473.358.579 | - |
| Ông Nguyễn Hoàng Nguyên | Bên liên quan | Cho vay | 92.867.100 | 92.867.100 |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty liên quan | Cho vay | 67.860.980 | 332.250.000 |
| Ông Phan Thanh Thủ | Hội đồng quản trị | Cho vay | 30.434.400 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ | Công ty liên quan | Cho vay | 26.190.000 | - |
| Ông Đỗ Thái Cơ | Bên liên quan | Cho vay | 16.157.837 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông | Công ty liên quan | Cho vay | 13.433.052 | 23.484.089 |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch | Cho vay | 663.896 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý Bất động sản Hoàng Anh | Công ty liên quan | Cho vay | 500.000 | 500.000 |
| Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh | Công ty liên quan | Cho vay | - | 32.000.000 |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Cho vay | - | 98.873.046 |
| Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh | Công ty liên quan | Cho vay | - | 107.600.000 |
| TỔNG CỘNG (*) | | | 3.581.551.780 | 687.074.735 |
| Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9) | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 596.353.404 | 286.018.154 |
| Ông Phan Thanh Thủ | Hội đồng quản trị | Tạm ứng hoạt động kinh doanh | 138.499.307 | - |
| Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 113.229.375 | 84.485.625 |
| | | Chi phí trả hộ | 2.440.389 | - |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 56.547.492 | - |
| | | Chi phí trả hộ | 85.229 | - |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai") | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 40.411.220 | - |
| | | Chi phí trả hộ | 914.514 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Giao dịch | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9) (tiếp theo) | | | | |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch | Lãi cho vay | 14.548.178 | - |
| | | Chi phí trả hộ | 7.779.191 | 3.619.692 |
| | | Hợp đồng ủy thác | - | 68.932.500 |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông | Công ty liên quan | Chi phí trả hộ | 12.624.059 | 12.624.059 |
| Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 2.492.768 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ | Công ty liên quan | Lãi cho vay | 622.820 | - |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Chi phí trả hộ | 380.531 | 422.684 |
| Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh | Công ty liên quan | Lãi cho vay | - | 18.417.533 |
| TỔNG CỘNG | | | 986.928.477 | 475.920.372 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - | Lãi cho vay | | 824.205.257 | 304.435.687 |
| Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8) | | | | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty liên quan | Cho vay | 1.991.975.000 | 500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Công ty liên quan | Cho vay | 1.471.708.240 | 4.087.185.936 |
| Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch | Cho vay | 697.320.000 | - |
| Ông Huỳnh Hữu Vũ | Bên liên quan | Cho vay | 294.936.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh | Công ty liên quan | Cho vay | 221.000.000 | 189.000.000 |
| Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh | Công ty liên quan | Cho vay | 126.017.533 | - |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Cho vay | 116.568.196 | - |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai") | Công ty liên quan | Cho vay | 62.142.038 | - |
| Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn | Công ty liên quan | Cho vay | 54.140.387 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ | Công ty liên quan | Cho vay | 14.651.980 | 13.190.000 |
| TỔNG CỘNG (*) | | | 5.050.459.374 | 4.789.375.936 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Giao dịch | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 21) | | | | |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai") | Công ty liên quan | Phải trả phát triển vườn cây | (60.549.000) | - |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty liên quan | Mua máy móc thiết bị | (23.204.432) | - |
| | | Mua hàng hóa và dịch vụ | (9.136.427) | (34.643.637) |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ | Công ty liên quan | Phải trả nhà thầu xây dựng | (8.140.692) | - |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Mua hàng hóa và dịch vụ | (1.462.695) | (868.078) |
| Các bên liên quan khác | Công ty liên quan | Mua hàng hóa | (28.060) | (1.210.267) |
| TỔNG CỘNG | | | (102.521.306) | (36.721.982) |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 22) | | | | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty liên quan | Ứng trước hợp đồng xây dựng và mua hàng hóa | (251.804.507) | (250.460.000) |
| Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 25) | | | | |
| Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai") | Công ty liên quan | Cho mượn tạm | (123.120.360) | - |
| Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn | Công ty liên quan | Cho mượn tạm | (6.092.453) | (44.266.155) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông | Công ty liên quan | Cho mượn tạm | (2.104.578) | (10.365.445) |
| Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai | Công ty liên quan | Cho mượn tạm | (20.904) | (8.087.330) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú | Công ty liên quan | Cho mượn tạm | - | (161.530.543) |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty liên quan | Cho mượn tạm | - | (10.000.000) |
| Các bên liên quan khác | Bên liên quan | Các khoản khác | (832.650) | - |
| TỔNG CỘNG | | | (132.170.945) | (234.249.473) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký như sau:

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc | | |
| Lương, thù lao và thưởng | 9.876.178 | 20.316.341 |
| Ban kiểm soát | | |
| Thù lao | 284.290 | 211.320 |
| Ban thư ký | | |
| Thù lao và thưởng | 69.764 | 571.914 |
| TỔNG CỘNG | 10.230.232 | 21.099.575 |

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn trị giá lần lượt là 821.465.844 ngàn VND và 5.050.459.374 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng ("Thông tư 121").

Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ xin phê duyệt các khoản cho vay các bên liên quan trên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới và sẽ điều chỉnh các chính sách quản lý về cho vay để phù hợp với các điều khoản liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư 121.

38. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn thuê nhiều lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của Câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng và trồng cây cao su và các loại cây khác. Tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau:

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------|----------------------|----------------------|
| Dưới 1 năm | 102.937.206 | 43.333.258 |
| Từ 1 đến 5 năm | 456.835.315 | 173.333.034 |
| Trên 5 năm | 9.225.640.605 | 8.659.529.731 |
| TỔNG CỘNG | 9.785.413.126 | 8.876.196.023 |

Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Trong năm 2015, Tập đoàn đã ký các thỏa thuận cho thuê văn phòng tại Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Ngàn VND

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------|----------------------|-------------------|
| Dưới 1 năm | 693.345.361 | 12.116.711 |
| Từ 1 đến 5 năm | 940.655.522 | 14.948.217 |
| Trên 5 năm | 72.731.616 | 46.351 |
| TỔNG CỘNG | 1.706.732.499 | 27.111.279 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

38. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Các cam kết liên quan đến chi phí xây dựng công trình

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các cam kết hợp đồng cho việc xây dựng các dự án bất động sản và dự án thủy điện như sau:

Ngàn VND

| | <i>Giá trị theo hợp đồng</i> | <i>Giá trị đã ghi nhận</i> | <i>Giá trị cam kết còn lại</i> |
|--------------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| Dự án thủy điện | | | |
| Dự án Nậm Kông 2 và Nậm Kông 3 | 2.341.884.132 | 1.664.780.769 | 677.103.363 |
| Dự án bất động sản | | | |
| Dự án Myanmar | 444.038.000 | 443.116.175 | 921.825 |
| TỔNG CỘNG | 2.785.922.132 | 2.107.896.944 | 678.025.188 |

39. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| <i>CHỈ TIÊU</i> | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
|------------------------------|--------------------|-------------------|
| Các loại ngoại tệ: | | |
| - Đồng Kyat Myanmar (MMK) | 1.477.735.052 | 565.967.201 |
| - KIP Lào (LAK) | 1.062.267.512 | 5.772.184.055 |
| - Đồng Riels Campuchia (KHR) | 100.364.068 | 118.953.569 |
| - Đồng Bạc Thái Lan (THB) | 10.979.106 | 2.586.556 |
| - Đô la Mỹ (USD) | 9.680.509 | 39.226.812 |
| - Đồng Euro (EUR) | 1.150 | 1.458 |

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

40.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Bất động sản: phát triển dự án căn hộ để bán và cho thuê;
- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế; và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, đường, cọ dầu, các loại cây trồng khác và chăn nuôi bò thịt.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

40.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Ngàn VND

| | Bất động sản | Sản xuất | Thương mại và dịch vụ | Xây dựng | Nông nghiệp | Năng lượng | Khoáng sản | Loại trừ | TỔNG CỘNG |
|---|--------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|----------------------|------------------|-------------------|------------------------|-------------------------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | | | | | | | | | |
| <i>Doanh thu</i> | | | | | | | | | |
| Từ khách hàng bên ngoài | 238.041.606 | 309.290.199 | 224.149.308 | 765.159.377 | 1.471.857.151 | 1.448.988 | 44.384.327 | - | 3.054.330.956 |
| Giữa các bộ phận | - | 895.222.133 | 31.750.348 | 182.521.216 | 61.449.952 | - | - | (1.170.943.649) | - |
| Tổng cộng | 238.041.606 | 1.204.512.332 | 255.899.656 | 947.680.593 | 1.533.307.103 | 1.448.988 | 44.384.327 | (1.170.943.649) | 3.054.330.956 |
| <i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i> | | | | | | | | | |
| Kết quả của bộ phận | 46.623.627 | 60.178.328 | 43.046.224 | 298.978.424 | 792.083.395 | - | (13.917.108) | - | 1.226.992.890 (326.694.277) |
| Chi phí không phân bổ | | | | | | | | | 900.298.613 |
| Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính | | | | | | | | | 1.477.819.111 (628.138.146) |
| Thu nhập tài chính | | | | | | | | | 1.749.979.578 |
| Chi phí tài chính | | | | | | | | | (67.475.212) |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | | | | | (149.742.906) |
| Thuế TNDN hiện hành | | | | | | | | | 1.532.761.460 |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | | | | | | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | | | | | | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 | | | | | | | | | |
| <i>Tài sản và nợ phải trả</i> | | | | | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 5.179.983.469 | 751.748.450 | 534.188.685 | 101.056.181 | 15.064.861.978 | 2.162.011.495 | 642.808.142 | - | 24.436.658.400 978.413.817 |
| Tiền của Tập đoàn | | | | | | | | | 463.677.182 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | | | | | | | | | 10.605.484.074 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | | | 36.484.233.473 |
| Tổng tài sản | (3.446.862.739) | (957.662.012) | (83.045.602) | (174.762.548) | (5.908.256.717) | (643.435.195) | (19.530.184) | - | (11.233.554.997) (9.895.474.148) |
| Nợ phải trả của bộ phận | | | | | | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | | (21.129.029.145) |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

40.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Ngàn VND

| | Bất động sản | Sản xuất | Thương mại và dịch vụ | Xây dựng | Nông nghiệp | Năng lượng | Khoáng sản | Loại trừ | TỔNG CỘNG |
|---|--------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|------------------|---------------|------------------------|-----------------------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | | | | | | | | | |
| <i>Doanh thu</i> | | | | | | | | | |
| Từ khách hàng bên ngoài | 412.983.725 | 614.196.232 | 252.575.175 | 1.040.289.682 | 3.930.607.511 | 1.794.208 | - | - | 6.252.446.533 |
| Giữa các bộ phận | - | 1.051.267.689 | 77.910.535 | 319.663.862 | 1.012.816.978 | - | - | (2.461.659.064) | - |
| Tổng cộng | 412.983.725 | 1.665.463.921 | 330.485.710 | 1.359.953.544 | 4.943.424.489 | 1.794.208 | - | (2.461.659.064) | 6.252.446.533 |
| Kết quả của bộ phận | 152.235.531 | 95.322.629 | 52.803.593 | 240.319.128 | 1.313.745.081 | - | - | - | 1.854.425.962 (896.304.497) |
| Chi phí không phân bổ | | | | | | | | | 958.121.465 |
| Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính | | | | | | | | | 1.053.656.518 (1.203.667.607) |
| Thu nhập tài chính | | | | | | | | | (1.898.163) |
| Chi phí tài chính | | | | | | | | | 806.212.213 |
| Lợi nhuận từ công ty liên kết | | | | | | | | | (153.548.976) |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | | | | | (50.302.292) |
| Thuế TNDN hiện hành | | | | | | | | | 602.360.945 |
| Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | | | | | | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | | | | | | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 | | | | | | | | | |
| <i>Tài sản và nợ phải trả</i> | | | | | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 8.259.008.883 | 6.871.718.470 | 414.281.212 | 185.383.734 | 30.242.394.567 | 4.228.529.998 | 471.749.500 | - | 50.673.066.364 967.966.695 |
| Tiền của Tập đoàn | | | | | | | | | 252.299.640 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | | | | | | | | | (2.664.944.021) |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | | | 49.228.388.678 |
| Tổng tài sản | (5.749.925.677) | (6.971.300.300) | (342.851.722) | (487.006.160) | (23.589.760.026) | (2.449.760.889) | (136.660.009) | - | (39.727.264.783) 6.764.596.387 |
| Nợ phải trả của bộ phận | | | | | | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | | (32.962.668.396) |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**40.2 Bộ phận theo khu vực địa lý**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

| | Việt Nam | Lào | Campuchia | Myanmar | Khác | Tổng cộng |
|---|----------------|----------------|---------------|---------------|-------------|-----------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | | | | | | |
| <i>Doanh thu</i> | | | | | | |
| Doanh thu từ khách hàng bên ngoài | 1.103.418.607 | 1.941.468.331 | - | - | 9.444.018 | 3.054.330.956 |
| <i>Chi phí hình thành TSCĐ</i> | | | | | | |
| Tài sản cố định hữu hình | 220.158.903 | 1.277.144.973 | 751.443.104 | 1.242.001.885 | 14.417 | 3.490.763.282 |
| Tài sản cố định vô hình | 1.081.200 | - | - | - | - | 1.081.200 |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 | | | | | | |
| <i>Các thông tin bộ phận khác</i> | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 13.000.316.157 | 13.393.075.799 | 3.237.651.757 | 3.062.726.281 | 127.976.962 | 32.821.746.956 |
| Tiền của Tập đoàn | | | | | | 978.413.817 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | | | | | | 463.677.182 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | 2.220.395.518 |
| Tổng tài sản | | | | | | 36.484.233.473 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | | | | | | |
| <i>Doanh thu</i> | | | | | | |
| Doanh thu từ khách hàng bên ngoài | 3.537.795.775 | 2.313.976.917 | 385.591.191 | - | 15.082.650 | 6.252.446.533 |
| <i>Chi phí hình thành TSCĐ</i> | | | | | | |
| Tài sản cố định hữu hình | 880.724.729 | 3.862.481.415 | 589.213.313 | 2.359.964.154 | - | 7.692.383.611 |
| Tài sản cố định vô hình | 3.989.985 | - | - | - | - | 3.989.985 |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 | | | | | | |
| <i>Các thông tin bộ phận khác</i> | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 19.189.917.338 | 18.373.812.591 | 7.040.409.698 | 5.691.387.168 | 107.598.986 | 50.403.125.781 |
| Tiền của Tập đoàn | | | | | | 967.966.695 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | | | | | | 252.299.640 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | (2.395.003.438) |
| Tổng tài sản | | | | | | 49.228.388.678 |

Ngàn VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

41. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC

HNG, công ty con trong Tập đoàn, đã thiếu sót trong việc ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh liên quan đến khoản lãi bổ sung 5%/năm cho khoản trái phiếu kèm chứng quyền tổng trị giá 200.000.000 ngàn VND (*Thuyết minh số 26.5*). Theo đó, Ban Giám đốc đã quyết định điều chỉnh khoản lãi bổ sung vào báo cáo tài chính hợp nhất các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Khoản trái phiếu này chủ yếu tài trợ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Tập đoàn, do đó phần lớn chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được điều chỉnh như sau:

Ngàn VND

| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 | |
|--|----------------------|
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo năm trước | 2.636.250.156 |
| Điều chỉnh chi phí lãi vay bổ sung | (11.780.557) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh | 2.624.469.599 |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 | |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo năm trước | 2.696.254.404 |
| Điều chỉnh chi phí lãi vay bổ sung | (32.105.978) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh | 2.664.148.426 |

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại như sau:

Ngàn VND

| | 31 tháng 12 năm 2014 (trước điều chỉnh) | Điều chỉnh lợi | 31 tháng 12 năm 2014 (sau điều chỉnh) |
|--------------------------------------|---|----------------|---------------------------------------|
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | | | |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 12.582.295.018 | 164.964.543 | 12.747.259.561 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 303.364.457 | 200.000.000 | 503.364.457 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 2.696.254.404 | (32.105.978) | 2.664.148.426 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 1.152.512.250 | (2.929.479) | 1.149.582.771 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

41. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

Ngàn VND

| | Năm trước (trước điều chỉnh) | Điều chỉnh lại | Năm trước (sau điều chỉnh) |
|--|---------------------------------|----------------|-------------------------------|
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | | | |
| Chi phí tài chính | (633.831.539) | (23.254.900) | (657.086.439) |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | (565.216.215) | (23.254.900) | (588.471.115) |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.773.234.478 | (23.254.900) | 1.749.979.578 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 1.556.016.360 | (23.254.900) | 1.532.761.460 |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 1.474.256.445 | (21.253.636) | 1.453.002.809 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 81.759.915 | (2.001.264) | 79.758.651 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 1.866 | (35) | 1.831 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND) | 1.811 | (33) | 1.778 |

42. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200 VÀ THÔNG TƯ 202

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Chi tiết phân loại như sau:

Ngàn VND

| | Số đầu năm (đã được trình bày trước đây) | Trình bày lại | Số đầu năm (được trình bày lại) |
|--------------------------------------|--|-----------------|---------------------------------|
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | | | |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 1.593.633.310 | 454.948.900 | 2.048.582.210 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 2.196.215.832 | (68.932.500) | 2.127.283.332 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | - | 1.366.336.857 | 1.366.336.857 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 2.885.632.734 | (1.995.899.263) | 889.733.471 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 190.627.010 | (108.843.770) | 81.783.240 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | - | 6.311.592.294 | 6.311.592.294 |
| Phải thu dài hạn khác | 5.381.835.672 | (4.963.536.441) | 418.299.231 |
| Bất động sản đầu tư | 14.251.121 | 133.012.372 | 147.263.493 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | 36.738.150 | 36.738.150 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 1.104.198.517 | (49.594.814) | 1.054.603.703 |
| Tài sản dài hạn khác | 8.887.880 | (8.887.880) | - |
| Phải trả dài hạn khác | 176.380.655 | (6.607.142) | 169.773.513 |
| Vay dài hạn | 11.336.584.752 | (49.594.814) | 11.286.989.938 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | - | 6.607.142 | 6.607.142 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 8.622.737 | 241.133.546 | 249.756.283 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 241.133.546 | (241.133.546) | - |
| Phụ trội hợp nhất công ty con | (147.024.909) | 147.024.909 | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 2.664.148.426 | (147.024.909) | 2.517.123.517 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

42. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200 VÀ THÔNG TƯ 202 (tiếp theo)

Ngàn VND

| | Năm trước (đã được trình bày trước đây) | Trình bày lại | Năm trước (được trình bày lại) |
|--|--|---------------|-----------------------------------|
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | | | |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.055.570.143 | (286.396) | 3.055.283.747 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (1.239.187) | 286.396 | (952.791) |
| Chi phí tài chính | (657.086.439) | 28.948.293 | (628.138.146) |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | (588.471.115) | (16.220.266) | (604.691.381) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | (239.958.115) | (28.948.293) | (268.906.408) |
| Thu nhập khác | 329.842.986 | (223.460.772) | 106.382.214 |
| Chi phí khác | (305.418.076) | 223.460.772 | (81.957.304) |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | | | |
| Chi phí lãi vay | 665.216.215 | 16.220.266 | 681.436.481 |
| Tăng chi phí trả trước | (36.486.525) | (16.220.266) | (52.706.791) |

43. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 22 tháng 1 năm 2016, Tập đoàn đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên toàn bộ 55,125% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai, công ty con trong Tập đoàn, với tổng giá trị là 10.000.224 ngàn VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2016/HDCNCP ngày 2 tháng 1 năm 2016. Tập đoàn đã nhận đủ tiền từ nghiệp vụ chuyển nhượng trên vào ngày 22 tháng 1 năm 2016.

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, HNG, công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn thành việc phát hành 59.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông không kiểm soát với giá phát hành là 28.000 VND/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0610/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 6 tháng 10 năm 2015, Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 3010/15/NQHQQT-HAGL ngày 30 tháng 10 năm 2015 và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 3012/15/NQHQQT-HAGL ngày 30 tháng 12 năm 2015. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của HNG tăng từ 7.081.438.950 ngàn VND lên 7.671.438.950 ngàn VND (tức tăng 590 tỷ VND), và thặng dư vốn cổ phần tăng từ 2.550.810 ngàn VND lên 1.064.550.810 ngàn VND (tức tăng 1.062 tỷ VND). Vào ngày 8 tháng 3 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh chấp thuận việc gia tăng vốn cổ phần của HNG.

Cũng vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, HNG đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2015/AT.HNG ngày 22 tháng 12 năm 2015 và số 01/2015/CT.HNG ngày 25 tháng 12 năm 2015 với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 880 tỷ VND và 770 tỷ VND. Theo đó, Cao su Đông Dương đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày 22 tháng 2 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

43. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc (“HADL”), công ty con trong Tập đoàn, đã nhận được Thư Thông Báo số 11/2016 ngày 9 tháng 3 năm 2016 từ ngân hàng TMCP Á Châu (“ACB”) - Chi nhánh Gia Lai, về việc thu hồi nợ cũng như xác nhận số dư với Công ty. Như được đề cập trong Thư, ACB đã bán giải chấp 20.022.500 cổ phiếu HNG sở hữu bởi Công ty trong tổng số 28.405.000 cổ phiếu được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ ACB trị giá 178.581.238 ngàn VND (Thuyết minh số 26.4). Việc thanh lý tài sản thế chấp trên được diễn ra từ ngày 19 tháng 2 năm 2016 đến ngày 4 tháng 3 năm 2016 với mức giá từ 7.400 VND/cổ phiếu đến 8.300 VND/cổ phiếu. Số lượng 8.382.500 cổ phiếu thế chấp còn lại cũng đã được ACB giải chấp vào ngày 8 tháng 3 năm 2016. Theo đó, HADL đã không còn số dư nợ vay với ACB vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, và số dư nợ vay từ ACB trị giá 178.581.238 ngàn VND đã được trình bày là khoản vay dài hạn đến hạn trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2016, Tập đoàn đã nhận được Thông Báo số 491/CV-ACBS.16 ngày 16 tháng 3 năm 2016 từ Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“ACBS”) về kết quả giao dịch bán chứng khoán cầm cố, căn cứ vào Giấy đề nghị xử lý bán của Ngân hàng TMCP Bản Việt (“Bản Việt”) ngày 14 tháng 3 năm 2016. Theo đó, Bản Việt đã bán giải chấp 2.625.860 cổ phiếu HNG sở hữu bởi Công ty, đang được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản nợ trái phiếu thường trong nước trị giá 240 tỷ VND đang được nắm giữ bởi Bản Việt và được thu xếp bởi ACBS (Thuyết minh số 26.3). Việc thanh lý tài sản thế chấp trên được diễn ra vào ngày 15 tháng 3 năm 2016 với mức giá từ 8.800 VND/cổ phiếu đến 9.300 VND/cổ phiếu và thu được số tiền trị giá 23.860.293 ngàn VND. Số dư nợ trái phiếu thường trong nước còn lại được nắm giữ bởi Bản Việt vẫn đang được đảm bảo bằng 5.528.685 cổ phiếu của HNG sở hữu bởi Công ty và 12.960.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Vào ngày 21 tháng 3 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con trong Tập đoàn, đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng số 1727/HĐCN.16 ngày 21 tháng 3 năm 2016 với Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai để chuyển nhượng dự án Trung tâm Thương mại tại Đường 2/9, Phường Bình Hiên Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng với giá trị chuyển nhượng là 419 tỷ VND. Tập đoàn đã nhận đủ tiền từ nghiệp vụ chuyển nhượng trên vào ngày 17 tháng 3 năm 2016.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán một số khoản nợ gốc và lãi của các khoản vay và trái phiếu đến hạn. Ngoài ra, Tập đoàn đang vi phạm một số điều khoản ràng buộc của các khoản vay ngân hàng và trái phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 26 của báo cáo tài chính hợp nhất.

Hiện nay, Ban Giám đốc đang tiếp tục thương lượng với các chủ nợ chính nhằm tìm giải pháp cho tình hình tài chính của Tập đoàn. Nội dung của các buổi thảo luận chính bao gồm việc cơ cấu/hoán đổi gia tăng thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu lên tối thiểu 3 – 15 năm. Cơ cấu, giãn thời gian trả nợ lãi thêm 3 năm, giảm lãi suất cho vay, ứng xử đối với khoản vay mới và việc duy trì hạn mức tín dụng đã cấp cho Tập đoàn.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016